

Tác Giả và Tác Phẩm

Tường Vũ Anh Thy (I)

Tiểu sử

Tên thật là Vũ Tiến Thủy. Hiện ở San Jose, California.

Tác phẩm

Truyện người đàn bà lập ra Sài Gòn
Nguyễn Thượng Hiền : Lời gọi kêu hồn nước



Mục Lục

Sống để viết – 2
Mưa giăng vườn vải - 3

Phụ đính I:

Nguyễn Du: Thăng Long, ngày tôi trở lại
Truyện người đàn bà lập ra Sài Gòn
Những bước lang thang trên hè phố...
Nguyễn Thượng Hiền : lời gọi kêu hồn nước
Dấu chấm của cuộc chiến
Quá khứ không có thật

Phụ đính II:

Những đoạn văn, khúc thơ
&
Chuyện chớp của Tường Vũ Anh Thy

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Sống để viết

Thế nào là sống?

"Sống về mồ mả

Không ai sống về cả bát cơm"

Mồ mả đây cũng là làng nước đó. Ở hải ngoại tuy bắt đầu lai rai có mồ mả, nhưng mà nó chưa đủ thành truyền thống, thành nước thành làng. Bát cơm tuy dễ kiếm nhưng làng nước khôn tìm. Hỡi ơi, thân no mà hồn đói. Biết nói thế nào cho hết mọi chua cay. Ta có chữ "ngụ cư" để chỉ người tha phương đến tạm ở một địa phương nào. Vẫn cùng trong một nước, thế mà thân phận đã ngụ cư. Huống hồ ra khỏi nước. Trước hết là ngôn ngữ bất đồng. Phong tục thói quen đã khác. Cái ăn càng lạ nhá không vô. Đó là chưa kể tình trạng bơ vơ lạ nước lạ non. Thêm cái nhìn, cái thái độ kỳ thị thì chỉ đẩy thêm người tị nạn vào cõi... điên sâu.

Điên sâu có lẽ sẽ là động cơ để viết. Viết cho giết hết mọi hoang liêu? Mới đầu hăm hở cầm bút. Trút tâm sự nhớ nước nhớ nhà vào trang giấy! Thấy đơ đờ... buồn. Bèn viết nữa. Ngày qua tháng kia. Mĩa mai thay, nỗi buồn vẫn còn nguyên đó. Có thuyên giảm gì đâu. Đọc lại văn, càng thêm ngao ngán. Bởi vì văn chương không chỉ là nỗi nhớ nhà. Cái câu rất văn chương "Triết học là nỗi nhớ nhà" chẳng áp dụng được. Vì nhớ nhà trong văn chương là "nhớ nhà" khi đang ở trong nhà, trong nước. Còn ở đây là đang nhớ nhà... cụ thể, ở ngoài nhà, ngoài nước. Bước chân trên phố lạ. Lần đầu còn lẫm lẫm viển vông được. Bước mãi đâm sợ hãi. Ở Mỹ, còn hoang mang hơn nhiều nơi khác. Nước Mỹ rộng mênh mông. Cứ tưởng tượng không hề có một cánh cửa nào mở. Chính người bản xứ còn có khi điên vì... nhầm chán và cô đơn. Nước Mỹ sống khép kín như... nhà mồ. Thực ra tại người tị nạn không sinh hoạt cộng đồng như họ, với họ. Điểm chính là văn hoá?

Một số người Việt trong nước, có dịp tiếp xúc ở Mỹ, phát biểu: "Nghe nói nước Mỹ tự do. Nhưng nhìn đâu cũng thấy cấm. Chữ nhìn thấy nhiều nhất là chữ "No". Đúng vậy, giới hạn của tự do là tôn trọng tự do của người khác. Chỉ có một thứ hết sức tự do cho người cầm bút là tự do nghĩ, và tự do viết. Viết tự do mà không cần tôn trọng ai cả. Thật vậy chẳng? Ở trong nước, trước cũng như sau 1975 không có thứ tự do viết kiểu này. Cho nên, hình như tác phẩm nào "phạm húy" đều được chú ý, tò mò, để trở thành bán chạy, và nổi tiếng. Người viết, và cả người đọc bị sống trong không khí thúc bách khác thường. Tưởng như giá trị văn chương là... phản kháng. Đây cũng là điểm hào hứng khiến kẻ viết, người đọc sôi nổi nhất thời. Tôi cho đó là nền văn chương... ăn vụng. Hình như người Việt có nhiều khả năng ăn vụng. Đến khi được ăn thật thì... không ăn được nữa. Viết cũng thế!

Viết cũng là sống! Sống không xong thì viết cái gì? Tự do bỗng trở thành hoang mang. Sống tự do ở hải ngoại là sống tự do tuyệt đối với nỗi buồn bã cô độc của mình. Tự do buông xuôi đời mình. Tự do không sống và không viết.

Mặt khác, hải ngoại khó viết vì thiếu độc giả. Viết một mình tựa như diễn kịch một mình. Không, hoặc rất ít người xem. Không thể có không khí ấm cúng, sôi nổi trong thế giới văn chương giữa tác giả và độc giả. Mặc nhiên, văn chương dần dần bị xuống cấp, và... thừa thãi vô duyên. Thế mà ai viết được ở hải ngoại, thật là quý hoá. Viết hay nữa thì thật đáng được... nâng niu.

Có lần tôi nói với một bạn văn trong nước ra:

- Chúng tôi nghĩ trong khi lao động. Và viết trong lúc... nghỉ ngơi. (Đúng ra là trong lúc... chẳng biết làm gì.)

Người bạn văn bảo:

- Nếu thế thì các ông đáng phục quá!

Nghe khen tôi chỉ cười thầm.

Sống và viết ở hải ngoại có khi thiếu cả tiếng cười thầm.

Tuy nhiên, điều cuối cùng vẫn là ý hướng muốn sống và muốn viết. Dù ở hoàn cảnh nào. Đôi khi ở hải ngoại, tôi tự hỏi "Sống để làm gì?"

Câu hỏi ấy bám lấy tôi cho đến một hôm bật ra tiếng trả lời: "Sống để viết." Có lẽ, với tôi, bây giờ là câu tôi vừa ý nhất.

San Jose, 12/5/98

Mưa giăng vườn vải



Di ảnh truyền thân Nguyễn Trãi ở nhà họ Lê, làng Nhị Khê, Thường Tín, Hà Đông

Chuyện trò...

Vừa lái xe tôi vừa hỏi :

- Chắc anh có nhiều dịp đến chùa Huy Văn cũ ở Hà Nội ?

- Có ...

- Sao tôi cứ ngờ cái thuyết Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ đem giấu bà phi Ngô Thị Ngọc Dao có thai hoàng tử Tư Thành vào chùa Huy Văn ...

Người-bạn-sử-hà-nội chép miệng. Ánh mắt ông cắt ngang không gian như lằn mũi-tên-thời-my-châu-trọng-thủy :

- Anh nghi ngờ là phải. Tôi đã mò mẫm xem xét mãi khu di tích chùa Huy Văn cũ mà chẳng tìm được chút dấu vết gì ...

- Thế thì đúng như ông Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án viết rằng người ta hay làm chùa Huy Văn với chùa Dục Khánh. Chùa Dục Khánh mới có đền thờ bà phi Ngọc Dao. Sau thờ thêm vua Thần Tôn chứ không phải Thánh Tôn. Anh thấy không, một sự lầm lẫn đáng tiếc. Đáng tiếc nhất là nó làm hỏng hẳn những "dự thuyết lịch sử" mà các nhà sử học Hà Nội các anh đã và đang lập ra ...

Người bạn dúi tay vào lưng sườn tôi. Ngón cái có móng dài làm tôi hơi đau. Ông cười bằng mắt :

- Cái ông này hay nhỉ ! Làm gì có "dự thuyết lịch sử" nào chứ ! Mà đâu có phải tất cả những người làm sử ở Hà Nội đồng quan điểm với nhau .

- Sao lại không? Ngay bộ "Lịch Sử Việt Nam" của các anh, tập I in từ năm 1971; mãi đến năm 1985 mới in tập II . Khoan nói về những cái nhập nhằng ở tập II là nguyên nhân chính khiến sách để muộn 14 năm. Hãy nói sơ ở tập I. Thí dụ trang ảnh "Bút tích Cao Bá Quát" tôi biết là không đúng ...

- Đây là dân gian truyền tụng.

- Vâng, cứ cho là lời đồn đi. Nhưng phải ghi rõ đó là lời đồn. Không thể khẳng định như thế.

Con đường trước mặt thưa vắng. Tôi lái xe rất thông thả, thoải mái nhìn ông. Mái tóc thưa dài của ông quay sang. Ánh mắt vẫn cắt ngang như mũi-tên-thời-my-châu :
- Thật sự thì bộ sử ấy không đáng kể. Nhiều khuyết điểm. Bọn tôi làm việc ăn lương, dưới sự chỉ đạo của ông Phạm Văn Đồng. Làm rất lâu. Mà kết quả chỉ có thế.

Đột nhiên giọng ông nhuốm vẻ cay đắng :

- Bộ anh tưởng trí thức ở Việt Nam giá trị lắm hả ?

Nói xong ông châm thuốc lá. Tôi run lên vì xúc động, quay kính xe xuống vừa một khe. Ốc tôi sôi nổi. KHÔI. Khuôn mặt ông buồn và xa xôi hẳn. Nốt ruồi trên miệng ông rung rinh. Lòng tôi cũng sôi nổi bồi hồi. Trí thức ở miền Nam Việt Nam từ sau năm 1975 đã ra sao? Di tản, tù đày, vượt biên, chết; đầu hàng hoặc cầm điếu cô đơn ? Đột nhiên hình ảnh một trí thức họ Ngô bị họ Đặng dùng roi đánh quặt người đến chết ngay buổi Nguyễn Ánh thống nhất đất nước. Phải rồi, đến như ông tổ nhà Hán, sau khi cưới lên được Trung Quốc đã coi khinh trí thức, thì hành động chôn sống học trò trước đây của Tần Thủy Hoàng đâu có lạ. Mối tôi mấp máy, nhưng tiếng ông đã vang lên :

- Mình làm việc ở viện đại học Hà Nội rất lâu. Tham dự và chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc họp đột xuất. Hoặc có các ông Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp ... Đùng một cái, sáng mai có buổi tập họp phát biểu về văn hoá. Mãi tối nay mới có người đến từng nhà, từng phòng, loan báo và mời miệng. Hôm sau gặp gần 50 khuôn mặt trí thức đại học. Ai nhìn ai cũng thèn thẹn. Phát biểu gì cũng chẳng quá dăm câu. Hèn thế đấy. Không ai có dịp bàn trước với ai, hội ý với ai. Tôi vẫn nói: ta có trí thức, nhưng không có giai tầng trí thức. Khói. Tôi hạ thấp cửa kính xe hơn. Gió và sương mù uà vào. Trời San Francisco xám. Những đám mây thấp chỉ chực rơi đổ. Tôi nhận ra yết hầu ở cổ mình, và ở cả cổ ông đều chuyển động. Mắt tôi tuy phải nhìn đường để lái xe, nhưng khoé mắt vẫn NHÌN được ông. Khoé mắt ấy thông tin cho tôi biết môi ông còn rung rung sau câu nói. Cánh mũi ông và có lẽ cả vành tai ông còn phập phồng. Tôi cũng phập phồng. Trong khi khắp thế giới người ta xem trí thức là cốt lõi của thời đại, thì ở Việt Nam trí thức đã và vẫn đang bị ngược đãi ... Tôi quyết định đi tìm chỗ ngồi uống bia cho bớt phập phồng ...

**

Quán bia Mỹ trang bị bốn màn ảnh truyền hình. Khung cảnh cuồng nhiệt mà vẫn riêng tư. Chúng tôi chọn được bàn gần lò sưởi. Tôi cười bảo :

- Lửa và củi đều giả cả đấy anh ạ.

Vẻ lóng ngóng của người-bansử-hà-nội làm tôi nhớ Thiệp và Nghĩa. Đà Lạt và Sài Gòn. Nhất là Thiệp, lúc nào cũng lóng ngóng. Thiệp bị bắt ở Đà Lạt trong lúc đang uống cà phê Tùng. Và đang lúc cao hứng nói về văn chương Truyện Kiều : "...cái quan trọng không phải là Nguyễn Du viết Kiều. Cái quan trọng là Kiều sống trong Nguyễn Du ..." Nói tới đây thì cảnh sát ập vào xét giấy. Ai nấy đều dớn dác. Chúng tôi đang là những thanh niên trong tuổi quân dịch. Hợp lệ hay không lúc nào cũng nơm nớp. Bóng người thấp thoáng lơ nhô như những chiếc lá khô ngong ngóng gió lùa. Tôi ngậm đùa : "*Người rách sún kẻ dùi cui. Đầu trâu mặt ngựa lúi sùi như nhau*". Tôi không biết Thiệp vừa trốn lính vừa học văn khoa Đà Lạt. Khuôn mặt Thiệp tái đi rất nhanh làm tôi ngậm miệng. Khi Thiệp bị bắt chỉ dặn tôi giữ hộ tủ sách và thông tin cho một vài nơi. Vừa buồn bã vừa băng khuôn, tôi hấp tấp trở về sau khi dúi tay nhau mớ tiền cuối cùng còn trong túi. Tôi nhớ Thiệp từng nói : " Nếu Chiêu Lý (Phạm Thái) mở với Trương Quỳnh Như một quán cà phê thì mối tình sẽ ...thành tựu". Tôi bảo : "Tình sử là hàng chuỗi những trở ngại. Dù vượt qua hay không vẫn bất trắc trùng trùng." Thiệp cười nhăn nhó : " Khó thế thì tớ làm thế nào bây giờ ?"

Người nữ tiếp viên son phấn tóc vàng sục nức đến bàn. Tôi gọi bia Tsing Stao. Chúng tôi nâng ly. Mái tóc thưa bạc, người-bạn-sử nghiêng mình :

- Thật là hết ý.

Tuy chưa về lại Việt Nam nhưng tôi hiểu một số từ trong nước, chủ yếu từ miền Bắc đưa vào. Như: *bố trí, đột xuất, quan hệ, xin, thi thoảng, sự cố, phản ánh, bảo quản, đương đại, đời thường, hết ý, chí ít* ... Nghe tuy ngượng tai, nhưng ...riết rồi chắc quen ? Tôi hỏi :

- Anh biết hôm nay là ngày gì không ?

- ???

- Ngày ngũ tử .

- Mồng năm tháng tư à ? Cũng lịch sử lắm chứ nhỉ !

Chúng tôi cười xoà . Bọt bia trên môi vừa ngọt vừa đắng. Tôi nói :

- Bia này gần hương vị bia Beck's của Đức anh ạ .

Tay ông lần xoay nhãn chai chỉ cho tôi hàng chữ :

- Sản xuất tại Thanh Đảo, Trung Quốc. Đảo này thuộc Đức. Tuy bia Trung Quốc nhưng kỳ thực là Đức Quốc . Bởi thế anh mới thấy gần với bia Beck's . Nhưng Thanh Đảo ngon và gần gũi hơn .

Tôi gật gù :

- Thì ra thế . Nhưng gần gũi vì nó tên Thanh Đảo chẳng ?

Ông cười tùm :

- Ông nói chuyện hóm hờ xừ !

Tôi giật mình :

- Anh cho là hóm à ? Có lẽ lâu ngày ở Mỹ, nghĩ thế nào quen nói thẳng ra. Ta gọi là ruột ngựa. Không có hậu ý gì đâu. Người Mỹ có lối nói chính xác. Ta gọi là tính khoa học. Cái gì thiếu dữ kiện họ không kết luận. Dĩ nhiên tôi chưa đạt đến mức đó. Vẫn nhiều lúc lộn xộn lắm anh ạ. Thí dụ tôi cứ băn khoăn mãi về cái án "Lệ Chi Viên". Nhiều năm thu thập tài liệu, thiếu dữ kiện. Mà trong lòng tôi đã cứ muôn kết luận. Nhưng rồi lại ngần ngại . Hình như tôi nhiễm thói sống và nói khơi khơi. Đời sống ở đây không có gì phải đối phó nhiều. Chẳng cần nói dối, chẳng cần khoác loác. Ít ra là đối với tôi. Mọi thứ cứ y như nó đang là. Tôi nhớ ra rồi. Nó khác hẳn Việt Nam. Thường xuyên đối phó. Đối phó cả với chính mình phải không? Trí thức càng dè dặt hơn bình dân. Khổ nhất là cái đối phó ấy chả có gì lớn. Nó không xứng đáng .

Ông nắm bàn tay tôi bóp nhẹ. Mắt ông không ở lần -tên-thời-my-châu. Tôi nói bất ngờ :

- À này, anh có để ý Nguyễn Trãi là một nhân vật có nhiều giai thoại và truyền thuyết nhất trong lịch sử của ta không ? Từ lúc khởi đầu cuộc chiến chống Minh đã đầy truyền thuyết. Trong và sau cuộc chiến lại là truyền thuyết. Cụ chết rồi vẫn là truyền thuyết. Mấy trăm năm sau đến thời Lê Quý Đôn vẫn lại còn truyền thuyết ... Phải nói Nguyễn Trãi là con người của huyền thoại. Gần như không có thật. Cho đến bây giờ, nói về cụ vẫn còn là một tranh luận, nhất là vụ án "Lệ Chi Viên". Tôi nói điều này anh đừng giận: hình như các nhà làm sử ở Hà Nội cố tình mang Nguyễn Trãi ra vì một mục đích : đánh bóng cái " văn minh chính uỷ" ?

Người-bạn-sử-ở-hà-nội cũng bất ngờ ngồi ngay lên. Ông lại nhìn tôi với ánh mắt cắt ngang không gian như lần-mũi tên-thời-my-châu-trọng-thủy :

- Cái đó cũng có một phần đúng. Khi phải vận động quần chúng trong cuộc chiến chống xâm lược. Đảng và nhà nước phải đưa ra những nhân vật lịch sử có lợi. Điều này chắc anh nếu tham chính cũng phải làm thế thôi. Tôi không chối rằng cuộc "vận động lịch sử" ấy hơi quá đáng. Bởi thế gần đây tôi có nói, đất nước đã hoà bình và thống nhất, điều cần làm là chỉnh lại những khuyết điểm trong chiến tranh. Về sử, ta phải nghiêm chỉnh hơn. Nói tốt rồi, bây giờ phải nói mặt trái. Từ năm 1989, cao điểm của phong trào " cởi mở", anh thấy mọi mặt của lịch sử đều được đưa ra mổ xẻ. Có đau đấy, nhưng rất cần. Tôi có viết mấy bài . Để về nhà tôi đưa anh đọc.

- Cám ơn anh trước. Nhưng nói một cách tuyệt đối thì không có sự thật. Việc khai quật những xấu tốt trong lịch sử để làm bài học là điều rất hay. Bảo đi tìm sự thật thì khó lắm. Vâng, dĩ nhiên chỉ tương đối thôi. Tôi thưa với anh thế này, nhân "cởi mở" tôi hỏi anh: thế cái vụ án Hồ Chí Minh bán Phan Bội Châu ở Hàng Châu năm 1925, các anh có đưa ra không ?

- Vụ này chúng tôi đề cập lâu rồi. Chính ông Hồ và những nhân vật đồng thời đã phủ nhận chuyện ấy .

Tôi nóng nảy :

- Ông Hồ đã chết. Nhưng có biết bao nhiêu tài liệu bằng chứng về vụ án ấy. Các anh không thể phủ nhận khơi khơi như thế được. Tôi cho rằng trong lịch sử Việt Nam có nhiều vụ án lớn mà các nhà làm sử phải quan tâm. Đặc biệt vụ án "Lệ Chi Viên" năm 1442 giết Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ; vụ án "Giặc Châu Châu" năm 1854 giết Cao Bá Quát và gia đình; vụ án "Hàng Châu" năm 1925 bán Phan Bội Châu. Mỗi giai đoạn lịch sử, mỗi triều đại phải chịu trách nhiệm về mỗi vụ án. Nhà Lê, nhà Nguyễn, nhà Hồ. Riêng nhà Hồ còn phải chịu trách nhiệm về cái chết của Tạ Thu Thâu ở Quảng Ngãi năm 1945. Ai cũng cho là Trần Văn Giàu đã theo lệnh Hồ Chí Minh để vây giết nhà cách mạng yêu nước này. Tôi tưởng bây giờ là lúc phải làm sáng tỏ. Nhưng, nói xin lỗi anh, ở Hà Nội, hình như có ý đồ chạy tội, nên vừa cho dựng tượng cụ Phan ở Huế, vừa cho phát hành bộ Phan Bội Châu toàn tập những 10 cuốn ?

Ông vừa cười vừa nhấp một ngụm bia, rồi phẩy mấy ngón tay:

- Cái ông này đến là tượng tượng. Làm gì có ý đồ hay chủ trương gì. Tượng cụ Phan làm từ thời Việt Nam Cộng Hoà các ông. Nay đem ra. Còn bộ Phan Bội Châu Toàn tập của Chương Thâu là cá nhân anh ấy ôm ấp sưu tầm. Nhận được con cháu cụ Phan ở nước ngoài cho năm ngàn Mỹ kim để in. Tôi quen biết rất rõ Chương Thâu. Chính tôi khuyên anh ấy lấy bằng đại học để chúng tôi có thể cấp bằng phó tiến sĩ cho luận án của anh ấy. Tuy nhiên chúng tôi sẵn sàng chờ ông đưa các vụ án lịch sử ra để chúng ta công khai tranh luận.

Tôi cũng nhấp một ngụm bia :

- Vâng. Nhưng không phải cá nhân tôi hay ai. Chuyện là chuyện lịch sử và đất nước. Sự quan tâm của mỗi người dân là liệu chính quyền có đáng đại diện và hướng dẫn dân không. Những vụ án, gọi cho đẹp chứ thực là những vết nhơ thời đại, mà người dân đòi phải được giải thích, gột rửa. Tôi cũng biết như anh rằng triều Lê, vài chục năm sau, thời Lê Thánh Tôn (1460-1497) đã minh oan cho Nguyễn Trãi; rồi đến đời vua Lê Tương Dực (1510-1516) ngót trăm năm sau lại có "Chế Tắt Oan". Mà rốt cuộc vụ án "Lệ Chi Viên" vẫn mập mờ ...

Nhìn ông bạn già trầm ngâm, tôi tiếp :

- Tình cờ một lần mở truyền hình, tôi xem được đoạn phim "No Where To Hide". Chẳng biết cốt chuyện, tài tử, đạo diễn. Nhưng đoạn phim làm tôi xúc động bất ngờ. Cảnh một người đàn ông quăng hai cái xác thỏ vừa săn được trước mặt một em bé độ bốn năm tuổi. Em hoảng sợ úp mặt vào tay không dám nhìn. Thế rồi người đàn ông làm thân với em. Ông ta cầm xà phòng nhờ em rửa hai bàn tay đầy máu đỏ của mình. Phải chăng người đạo diễn kia muốn truyền đi một thông điệp: máu của việc ác sẽ được rửa bằng sự vô nhiễm của tuổi thơ ? Có thể tôi tưởng tượng và lý tưởng quá chăng? Nhưng tôi tin rằng lỗi lầm của các thế hệ trước có thể được các thế hệ sau tha thứ hay gột rửa, nếu ...

- Tôi chia xẻ và có thể đồng ý với anh. Sự lãng mạn của các nghệ sĩ vẫn làm cuộc sống dễ thở hơn các luận lý giáo điều. Chỉ tiếc rằng thực tế không đơn giản và lãng mạn như thế. Những lầm lỡ và ngay cả vinh quang của quá khứ, đôi khi trở thành nỗi ám ảnh, và mối kinh hoàng. Nó có thể phủ tối cả tương lai. Không ai chịu học bài học của ai ...

- Đúng thế. Hồi 1975, tôi đọc được hàng loạt bài viết ca tụng chiến thắng miền Nam của các nhà văn nhà thơ Hà Nội. Họ dựa theo bản Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi. Nào là ngày...tháng...chiếm trọn Ban Mê Thuột. Ngày ...tháng... tiến chiếm Pleiku Contum.

Ngày...tháng...đại quân tràn ngập Nha Trang ...Và mãi đến năm 1990-1991 trong bản "dự thảo cương lĩnh chính trị" của đảng Cộng Sản vẫn còn say xưa với trận nội chiến đẫm máu ấy. Anh biết đấy. Làm thế nào có thể so sánh chiến thắng bình Ngô 1428 với chuyện càn quét năm 1975 được ? Thế giới bây giờ người ta đâu có hãnh diện vì bạo lực. Thôi ta sẽ lạc đề ... Anh uống thêm nữa nhé ?

Tôi gọi thêm bia và món ăn. Quán đông hẳn lên. Không khí thanh bình vẫn làm tôi xao xuyến. Bao nhiêu năm rồi, tôi vẫn còn vừa xúc động bồi ngùi, vừa ghen tức với không khí hoà bình thanh thản của xứ người. Chẳng là tôi sinh ra trong một nước chiến tranh lầm than và nhục nhã. Y hệt như những tác phẩm của Asturias Miguel Angel, Gabriel Garcia Marquez, Isabel Allende vùng châu Mỹ La Tinh; còn đầm lầy, và đầy gió cát.

- Anh về Hà Nội chưa ?

- Chưa. Suốt từ 1954 tới giờ. Mà có về cũng lạ lùng thôi. Bởi tôi rời Hà Nội lúc còn bé xíu. Hình như chỉ nhớ cái nhịp cầu Long Biên với hai bờ sông mênh mông. Ah! Thế mà anh biết không, Hà Nội lại rất gần gũi. Tưởng như tôi vẫn ở trong nó. Có lẽ nhờ Nguyễn Du và Cao Bá Quát . Người-bạn-sử-hà-nội chợt rất xa xôi. Tôi nhìn thoáng trên khuôn mặt ông những đám mây bay. Ông khẽ ngâm :

- *Nhất phiến tân thành một cố cung .*

Giọng ông và câu thơ Nguyễn Du kia bỗng chìm tôi chìm lìm vào một không gian, và một thời gian không có thật. Lúc đó và ở đó tôi đâu đã sinh ra. Thăng Long 1813. Nguyễn Du 48 tuổi. Chiến tranh đã kết thúc từ 10 năm trước mà giờ ông mới được lần đầu trở lại cố đô. Đẳng đẵng hơn 20 năm. Tôi tưởng tượng theo Quang Dũng tả cảnh Hà Nội sau cuộc chiến 1975: Những hố bom và những xác máy bay, cây cỏ mọc xanh um che lấp. Nhất là hoa. Hoa nở tràn lên cái cũ để vươn sống thản nhiên. Thành Thăng Long bị phá hủy sạch vào năm 1805. Thay vào đó là một toà thành mới. Tân Thành. Tên Thăng Long chỉ giữ âm, còn đổi chữ đổi nghĩa. Tôi nói bằng khuâng :

- Hình như có một cái gì rất nhịp rất đau với câu : "nhất tướng danh thành vạn cốt khô "anh ạ . Người bạn lại nhìn tôi bằng đôi- mắt-thời-my-châu-trọng-thủy. Ngón tay trở rất gầy khế chạm vào người tôi :

- Anh rất thính. Câu thơ ấy tôi đã từng đọc vào một lần rất đặc biệt. Bấy giờ ông Hồ mới chết. Tôi được cùng với người bạn làm kiến trúc có nhiệm vụ xem xét di tích một nền đất cũ để xây lăng ông Hồ. Chúng tôi đào được nhiều cổ vật lắm. Tôi vốn chuyên về khảo cổ, nên biết chắc đây là một cung điện cũ triều Lê. Thường thường người ta phá huỷ cái cũ để xây cái mới. Không phải là "*có mới nói cũ đâu*" .

- Vâng, tôi hiểu. Phá cũ thay mới chứ không phải "đổi mới"

- Ông vẫn cứ hóm. Để tôi kể tiếp. Trong lúc đào bới mân mê các cổ vật, ngay trên nền cung điện cũ ấy, sẽ là lăng ông Hồ, tôi đã buột miệng đọc lên: "*nhất phiến tân thành một cố cung*". Chưa bao giờ tôi thấm thía Nguyễn Du như thế .

Câu chuyện của ông làm tôi vừa bàng hoàng vừa tự lự. Nhân vật Hồ Chí Minh trong lịch sử và trong đời sống thường được trộn lẫn. Tôi có hai người bác họ. Một người họ Lê bên bà nội tôi. Một người họ Vũ bên ông nội tôi. Thời Tây bác Vũ làm tham tá. Ở Sài Gòn bác là chánh nhất toà pháp án. Phúc hậu, đoan chính và thanh liêm; đó là tất cả những nét đẹp tôi nghĩ về bác. Một đêm ở Sài Gòn vào năm ông Hồ mất, tôi được nghe bác kể về ông Hồ :

- Rất cừ tiếng Pháp. Bác nói. Ông Hồ thường giải quyết mọi khâu ngay tại chỗ. Bác có nhiều dịp làm việc với ông Hồ nên phải công nhận ông ấy rất quyền biến và thông minh. Ông ta lại có một lối thanh tra đặc biệt các cơ sở hạ tầng. Để bác kể một ví dụ cháu nghe. Một buổi cùng đến viếng thăm khánh thành một cơ quan nọ . Ông Hồ không xem xét gì cảnh vật phòng ốc tươm tất trước mắt, mà rảo bước đi thẳng vào khu vệ sinh. Thấy nhà cầu chưa đủ tiêu chuẩn, lập tức ông khiển trách. Ông ta khế bảo bác : "Gì thì gì chứ nhà xí mà không ra bồn thì cái gì cũng chả ra bồn ." Đấy, đại để ông Hồ ăn nói bình dân và hành xử cũng bình dân.

Bác Vũ còn kể nhiều chuyện, giọng đượm sự nể nang. Năm ông Hồ chết, ở Sài Gòn tôi thấy nhiều người kín đáo đeo băng tang đen. Bấy giờ ông Hồ đối với tôi là một huyền thoại, như nhân vật Tào Tháo trong Tam Quốc Chí của La Quán Trung. Nhân cái chết của ông Hồ, lần đầu tiên tôi mới được nghe bác Vũ tâm sự , và tôi mới biết ông Hồ có nhiều cộng sự viên đã bỏ ông vào Nam. Tôi đã hỏi bác Vũ :

- Cái gì làm bác bỏ ông Hồ ?

Bác Vũ trả lời :

- Ông ấy theo đệ tam Stalin nên đã giết người nhiều quá. Rất thẳng tay. Đôi khi không cần thiết hoặc có thể thay đổi được, nhưng ông ta vẫn giết .

Sau tháng 4 năm 1975, bác Vũ bị đưa đi cải tạo. Tôi ở Mỹ được tin bác chết lặng lẽ trong tù. Cái chết tuy không đau đớn kinh dị như của anh Vũ Tiến Đạt, nhưng rất ngậm ngùi. Người em ruột của bác Vũ đang là viên chức quan trọng của nhà nước cũng không can thiệp được. Giòng họ Vũ chúng tôi, xưa kia vốn khởi từ họ Mạc, mộ tổ ở Đông Triều. Vào đầu thế kỷ thứ 17, trong một cơn binh biến, họ Mạc tản mác. Mỗi chi giữ một viên ngọc có khắc chữ, và cứ chiếu theo chữ ấy mà dùng làm họ. Chi của giòng chúng tôi chạy về Thái Bình, đổi từ họ Ngô sang họ Bùi, rồi cuối cùng là họ Vũ Tiến cho đến ngày nay đã là đời thứ 18. Tôi thuộc đời thứ 14, và cũng là đợt học trò sau cùng của ông Tổng Quý, một nhà giáo nổi tiếng nhất họ đã đào tạo nhiều "nhân tài", trong đó có bác Vũ và cả người em ruột kia (cũng là bác tôi). Tôi chưa đọc hết gia phả giòng họ đã bỏ chạy sang Hoa Kỳ.

Tôi kể câu chuyện này với người- bạn-sử-ở-hà-nội, thì ông rất trầm ngâm. Lâu lắm.

Tôi bắt chợt sôi nổi :

- Cái gì làm cho Nguyễn Trãi đến với Lê Lợi ? Mặc dù biết rõ Lê Lợi là thô bạo (ăn uống bốc bả nhồm nhoàm khi thái thịt dưới bếp). Sau này, càng thấy rõ Lê Lợi hiếu sát, giết không biết bao nhiêu cộng sự viên. Mà Nguyễn Trãi vẫn cộng tác ?

Mất ông dày đặc những lần-tên-thời-mỹ-châu. Tôi hơi ái ngại quay nhìn ra vườn. Hoa quả rụng đầy trên cỏ xanh. Trời bỗng lất phát mưa. Những hạt nước nghiêng trong nắng trông như hoa đóm tung bưng.

Người bác họ Lê, ở Sài Gòn tôi rất ghét. Lý do đơn giản là bác Lê đã ngồi xử vụ án 19 nhân sĩ năm 1963, trong đó có Nhất Linh. Bấy giờ tôi còn là học sinh trường Nguyễn Trãi. Máu phản kháng thường rất cực đoan. Hình như ngày 7 tháng 7 năm 1963 chúng tôi đã được đọc lời tuyệt mệnh của Nhất Linh : *"Đời tôi để lịch sử xử . Tôi không chịu để ai xử cả ..."* Hôm đó chúng tôi tụ tập ở nhà anh Đạt (khu cư xá Trương Tấn Bửu). Khi biết rõ Nhất Linh đã uống độc dược quyền sinh, tôi bật khóc. Anh Đạt bảo : "Này ! Con trai không được khóc. Ích gì ?". Tôi đạp xe tới biệt thự của bác Lê. Lính gác có vũ trang quanh nhà. Tôi cũng được vào nhưng không gặp bác. Bác rất hách dịch, và rất lạnh lùng. Chỉ có bác Lê gái là bao giờ cũng ngọt ngào vồn vã. Tôi chẳng biết bày tỏ sự phản kháng của mình với ai. Những người trong gia đình này rất khả ái, chỉ trừ bác Lê trai. Tôi âm ức trở về.

Bất ngờ ở Mỹ tôi gặp lại bác Lê. Bác đã già lắm. Về hách dịch lạnh lùng ngày xưa không còn nữa. Chúng tôi nói chuyện cởi mở. Bác Lê đang viết hồi ký. Tập đầu bác nhờ tôi xem và hiệu đính. Không vồn vã, tôi đem bản thảo của bác Lê về đọc. Tuổi trẻ, bác Lê yêu cuồng nhiệt, căng thẳng. Bác từng ngồi ghé xử vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng của triều Nguyễn và của Việt Nam. Cũng từng làm việc với ông Hồ. Cái gì đã làm bác Lê bỏ ông Hồ vào Nam ? Tôi chắc rằng không phải như bác Vũ. Bởi vì bác Lê không sợ giết người; cũng không sợ những người giết người.

Khi tôi hỏi người-bạn-sử thì ông hỏi lại :

- Có lãnh tụ nào không giết người ? Ngay ông vua nổi tiếng nhân đức là Lê Thánh Tôn mà đã từng giết ba bốn trăm ngàn người Chiêm Thành ...

- Tôi không nói về chiến trận . Mà ...

- Vâng . Tôi hiểu chứ. Nhưng anh phải biết, ông Hồ là một người đặc biệt, sinh ra trong hoàn cảnh đặc biệt, có thể nói cha ông là đứa con hoang. Ông cũng hoạt động trong bối cảnh đặc biệt của lịch sử ...

Tôi nóng nảy :

- Lãnh tụ nào cũng sẽ đặc biệt cả anh à. Cha ông Hồ chứ chính ông Hồ là con hoang cũng đâu có sao. Lý Công Uẩn là con hoang đấy. Tôi không kết án gì ông Hồ của anh cả. Chỉ là kể về các cộng sự viên của ông mà tôi biết, đã bỏ ông ; để ta có thể nhìn ra một khía cạnh nào đó về những nhân vật lịch sử .

Thấy người bạn gật gù, tôi thấp giọng hơn :

- Tôi có quen rất thân với một người vừa là nhà cách mạng, vừa là luật sư, vừa là nhà văn lý thuyết gia, và lại là một cư sĩ Phật Giáo. Ông từng tham chính với chức vụ Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng. Tôi có hỏi cái gì làm ông cộng tác với vị thủ tướng ấy. Thì ông trả lời rất đơn giản : " Vì ông ấy không giết người. Suốt thời gian cầm quyền "lúy" không giết một ai cả "... Trở lại câu chuyện bác Lê của tôi. Lý do bác bỏ ông Hồ không phải vì ông Hồ giết người hay không giết người. Cái lý do hết sức cá nhân là bác ấy ... mê vợ. Mà năm 1954 bác Lê gái quyết ý vào Nam theo họ hàng ...

Chúng tôi cùng cười xoà . Cơn mưa phùn đã tạnh. Nắng chợt bừng lên. Tôi hỏi :

- Anh có muốn mình đi dạo một lúc không ?

Ông hăng hái nhận lời .

Con đường tôi đi hàng ngày dẫn đến một cái hồ nhiều liễu và vịt trời. Nhìn những con vịt đứng một chân, dẫu đầu trong cánh, lặng lẽ tuyệt đối, tôi vẫn tự hỏi sao tôi không làm được? Ốc tôi lúc nào cũng cứ nghĩ ngợi triền miên .

..

Tôi từng gặp vị sĩ quan đã cùng đoàn xe tăng húc đổ cổng Dinh Độc Lập ngày 30-4-1975; chỉ để hỏi cho biết tâm trạng họ lúc đó. Ông ta nói giọng chân tình :"- Bây giờ chúng tôi rất đói , rất khát và rất mệt. Chỉ có một niềm vui rộn rã là : à ! hết chiến tranh rồi ! Nghĩa là sẽ hết đói, hết khát, hết mệt và hết thấp thỏm sợ hãi ... Riêng tôi nằm ngửa ra bãi cỏ , nhìn trời xanh và mây trắng qua những tàng lá ..."

Tôi chưa bao giờ được hưởng cảm giác ấy. Suốt thời thanh niên ngụp lặn trong chiến trận, cận kề cái chết ... Đến những ngày tháng di tản sang Hoa Kỳ, tuy đã ra ngoài cuộc chiến, mà tâm thần vẫn hoang mang đau đớn ... Mãi gần đây, khi bị bệnh và phải tập thở tôi mới có chút cảm giác an bình. Cái an bình của tuổi hiểu được cuộc đời là giòng sông đã đến gần cửa biển ... Mà biển là tàng thức...chứa chấp mọi nhân sinh. Thời gian trên những giòng sông chính là cuộc đời. Mười mấy năm sau tôi gặp lại người sĩ quan ấy, mắt đã kéo sợi. Tôi không còn nhìn thấy niềm hy vọng của ông thường ôm ấp. Kể cả những nhớ nhung ...

Riêng người -bạn -sử-ở-hà-nội của tôi đã không còn nữa! Đôi mắt ông vĩnh viễn khép lại. Sợi râu trên nốt ruồi bên cằm sẽ không còn lung linh ...

Những ngày cuối năm , tôi chập chững rũ bỏ mọi quá khứ, dù có mặt hay không có mặt. Tôi đang bước những bước đầu đời ... một cuộc đời khác, sau ba mươi năm ở Mỹ .

san jose 1992 -2005

Phụ đính I :



tượng: Tường Vũ Anh Thy

Nguyễn Du: Thăng Long, ngày tôi trở lại



Bấy giờ là mùa xuân năm quý Dậu 1813. Trời tháng giêng đất bắc có mưa nhẹ và gió lùa. Nguyễn Du cùng phái đoàn từ Huế vào Thăng Long để chuẩn bị đi sứ sang Trung Hoa.

Thăng Long! Kinh Thành Ly Biệt! Thoát đã mười mấy năm trôi! Kể từ độ đất nước điêu linh nội loạn, rồi vó ngựa chinh chiến của nhà Tây Sơn năm bính ngọ 1786, Thăng Long chìm trong khói lửa, nước mắt, máu, và phân ly. Rồi những ngày tháng biền biệt trôi đi trong kinh hoàng khác khoải, Thăng Long chỉ còn là dĩ vãng. Hình ảnh một kinh đô huy hoàng từ thời Lý (1011) với giấc mơ cha Rồng về dựng nước đã sừng sững trong lịch sử bi hùng của dân tộc còn vắng vắng xa xăm! Trong đôi mắt đăm đăm thăm thẳm của Nguyễn Du, hình như Thăng Long mãi mãi vẫn là một kinh đô vàng son độc lập, là tiếng gọi thiêng liêng thấm thiết. Nơi đó, ông đã sống, và đã lớn lên. Sau cuộc thất bại thảm của giòng họ Trịnh năm 1786, đến chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung phá tan 20 vạn quân Thanh năm 1789, Nguyễn Du phải lưu lạc nơi Thái Bình quê vợ. Vào những năm 1790-1793, một người anh của Nguyễn Du là Nguyễn Nễ cộng tác với Tây Sơn. Thỉnh thoảng Nguyễn Du vào thăm anh để có dịp nhìn Thăng Long với những tang thương ngậm ngùi. Những lần ấy ông đã thấy cảnh tượng tá nhà Tây Sơn điên đảo trác táng bên các mỹ nữ ả đào còn sót lại từ phủ chúa Trịnh... sự thực hãi hùng và bi đát của các cuộc đảo chính chớp nhoáng cướp chính quyền, cũng như đằng sau sân khấu của phủ chúa đã làm Nguyễn Du ngao ngán thất vọng... cho đến khi vua Gia Long vời ông đi theo đoàn quân tiếp thu Thăng Long 1802...

Vua Gia Long không ở Thăng Long mà đóng đô ở Phú Xuân. Năm 1805, nhà vua ra lệnh phá bỏ tất cả thành Thăng Long để xây lại một tòa thành khác cũng ngay trên nền các cung điện cũ. Do đó bây giờ trở lại Thăng Long, Nguyễn Du không còn nhận ra cố đô. Ông đã gần 50 tuổi rồi. Đầu đã bạc từ khi trăng là nguyệt. Ông bùi ngùi, hốt hoảng đi dạo khắp Thăng Long. Hình như núi Tản Viên vẫn sừng sững, và giòng sông Lô vẫn lờ lững vờn quanh. Những căn nhà xưa đã không còn nguyên vẹn, và nhiều con đường xưa giờ đã thay tên. Thăng Long ơi! Ta mất người như người đã mất tên...

Nguyễn Du đi giữa trời Thăng Long như giữa lòng đồ nát. Làm sao tìm gặp lại thân quen. Ông hồi hộp và rón rén đi vào những con đường trong trí nhớ ngoại ô để thần thò thấy những thiếu nữ ngày xưa giờ đã tay bồng tay mang nặng nhọc, những bạn bè hào hiệp ngày nào đã lụ khụ trong vẻ sợ sệt chiều tà. Ông đi và đi lạc. Lạc giữa một buổi chiều Thăng Long xa lạ và tàn nhẫn. Một không gian mà ông nhớ ông thương ông áp ủ ông dần vật... suốt mười mấy năm trường, bây giờ gặp lại, giữa chiều tháng giêng bỗng ngỡ ngàng vô kể. Ông không thể tưởng tượng được mới ngần ấy năm mà Thăng Long đã biến đổi đến thế! Có lẽ tại vì lòng ông vẫn là một tấm lòng thi sĩ ngày xưa? Hay có phải chính ông là một khách lạ? Trẻ con ở Thăng Long nhìn ông muốn hỏi ông từ đâu đến?

Đêm ấy Nguyễn Du băng khuâng khó hiểu. Lòng ông vừa rạo rức bồi hồi, vừa xót xa cay đắng, lại vừa mơ mộng vẫn vơ. Ông trần trọc. Ngoài trời trăng sáng. Trăng tháng giêng Thăng Long, ông nghe vắng vắng tiếng sáo mơ hồ. Trăng đem tiếng sáo tới hay tiếng sáo đưa trăng về?

Thăng Long I

Tản Lĩnh Lô Giang tuế tuế đồng.
Bạch đầu do đắc kiến Thăng Long.
Thiên niên cự thất thành quan đạo,
Nhất phiến tân thành một cổ cung.
Tương thức mỹ nhân khan bão tử,
Đồng du hiệp thiếu tẫn thành ông.
Quan tâm nhất dạ khổ vô thụ,
Đoản địch thanh thanh minh nguyệt trung.

Núi Tản sông Lô muôn đời ấy
Bạc đầu còn được thấy Thăng Long
Phố nhà lộn đảo lòng vòng
Một tòa thành mới nát lòng cung xưa
Những người đẹp con đưa con bé
Bạc bè xưa lê lét về già
Một đêm thao thức như là
Sáo khuya trắng sáng trắng tà sáng sao

Bài thơ vừa làm xong, Nguyễn Du lập tức mở cửa đi lững thững ra ngoài. Hình như khắp không gian đều lên mùi rêu nhớ. Nguyễn Du đã trần trọc vì một mùi rêu? Thưa không, ông trần trọc chính vì một vàng trắng.

Ba mươi năm kiếp lưu đày
Chân trời góc biển xum vầy vẫn trắng
(bài Quỳnh Hải Nguyên Tiêu)

Ông đã tự coi mình là bạn với vàng trắng sáng – mà vàng trắng thì đời đời bất tuyệt (bài Đạo Ý). Trăng đêm nay cũng là trăng thuở ấy. Duy có nhà cửa thành quách của Thăng Long không phải là thành quách nhà cửa của Thăng Long thuở ấy. Trăng soi sáng khắp thành Thăng Long mới. Ánh trăng la đà. Lòng Nguyễn Du cũng la đà. Nguyên một ngày dài dạo khắp Thăng Long, giữa những đường phố mơ hồ về trí nhớ, giữa những bản nhạc mới được chơi tạt lục khắp nơi, ông hoàn toàn không nhìn thấy Thăng Long của lòng ông thuở ấy...

*Ai mất ai còn ai lặn lội
Tìm trong ký ức xa xôi
(thơ Nguyễn Chí Thiện)*

Nguyễn Du nghe ra một vàng trắng rướm máu. Tóc ông đã bạc từ lâu... Cuộc đời vốn là trường gió tanh mưa máu của những cuộc tranh cướp đảo chính và bóc lột, chung qui bởi miếng cơm manh áo và cái danh hão danh huyền. Lên voi hay xuống chó...nay có mai không. Ông cũng đã thấy lịch sử thăng trầm, quyền ngai như ngọn cờ trương lên và kéo xuống, như buổi sáng ra mắt dàn chào để buổi chiều lột áo đi chui (xem Hoàng Lê Nhất Thống Chí) thế sự ấy nên cười hay nên khóc? Đối với Nguyễn Du, hình như vàng trắng đã vừa soi sáng lại nơi tâm hồn ông cái vĩnh cửu và cái vô thường ông ấp ủ. Thế nhưng lỡ từ lạc bước bước ra...

Thăng Long II

Cổ thời minh nguyệt chiếu tân thành,

Do thị Thăng Long cựa để kinh
Cù hạng tứ khai mê cựa tích
Quản huyền nhất biến tạp tân thanh
Thiên niên phú quý cung tranh đoạt
Tảo tuế thân bằng bán tử sinh
Thế sự phù trầm hựu thán tức
Tự gia đầu bạch diệc tinh tinh.

Trăng xưa chiếu sáng ngôi thành mới
Thăng Long ơi ới thủ đô xưa
Lạc trong phố thị xây bừa
Lạc trong đàn sáo mới vừa tạo ra
Danh lợi người đời là tranh cướp
Mất còn thân thuộc mượn tro xơ
Than chi cuộc sống chợ vơ
Cùng ta tóc bạc phát phơ giữa trời

Hai bài thơ Nguyễn Du làm để mở đầu cho tập Bắc Hành Tạp Lục, cũng để mở ra một phương trời cô lữ của một người dám nhận mình là người. Ông trở về Thăng Long, nhìn lại Thăng Long, đi giữa Thăng Long, để đối diện với một thực tại bề bàng hơn ông tưởng, để từ đó...

*Người đã định một lần thôi để hồng
Đường vu vơ về chốn cũ trăm năm
Miền cát lạnh chân lạc đà bé bỏng
Bóng hình em tôi tả dưới trăng rằm
(thơ Bùi Giáng)*

Tường Vũ Anh Thy (trích Thi Điệp Nguyễn Du, San Jose 1982)

Lời thêm: có những chữ, những câu in nghiêng trong bài là lấy từ thơ, từ nhạc, hoặc từ văn, từ ca dao tục ngữ... đã quen thuộc, nên không ghi xuất xứ. Thi Điệp Nguyễn Du phần lớn đã đăng trên tạp chí Nhân Văn, phát hành ở San Jose từ những năm 1982-1983, nay có sửa đổi, nhất là lỗi chính tả.

Truyện người đàn bà lập ra Sài Gòn

truyện ngắn

Như chim sổ lồng, Chey Chesdha II khi được thừa kế, hối hả đi tìm bạn, tìm người xây lại tổ ấm. Nước Chân Lạp ở về cực nam, nóng và ẩm thấp. Chey bùi ngùi nhìn những vùng đầm lầy hoang vu, lác đác. Dân chúng khốn khổ chịu đựng sự bóc lột hà hiếp của Xiêm La đến độ thành thói quen cúi mặt. Chey muốn nâng cằm họ lên. Tổ ấm, dù trên cây bông gòn hay bên cây bần cây đước, bên bụi ô rô, bụi dứa nước hay trên những giòng sông kinh lịch quanh co, vẫn phải là một chốn đi về...

Hồi tưởng những ngày tháng làm con tin ở Xiêm, Chey còn rung mình. Nước Xiêm và người Xiêm trở thành nỗi ám ảnh kinh hoàng trong Chey Chesdha. Thủ đô Lôvek mới đây bị quân Xiêm dày xéo, càn quét. Chey nói với Outey, người em trai :

- Ta phải xây kinh đô mới cho Chân Lạp. Lập một triều đại mới không lệ thuộc Xiêm La. Em tính mình bắt đầu ở đâu ?

Outey không suy nghĩ đáp ngay :

- Thừa anh, chỉ có Oudong .

Chey vui vẻ phán :

- Phải đấy, tổ tiên ta dời đô không biết bao nhiêu lần. Nay sẽ là lần cuối cùng. OUDONG ! Được lắm !

Thế là một kinh đô mới được xây dựng trên vùng đất tương đối màu mỡ và thuận tiện. Tháng 3 năm 1618 Prea Chey Chesdha II lên ngôi vua, tước hiệu là Somdach-Prea-Chey-Chesdha-Thireach-Réamea-Thupphdey-Barommopit. Người em trai làm Phó Vương. Theo tục lệ Chân Lạp thì Phó Vương dưới quyền Vua và Hoàng Hậu, nhưng lại được kế vị khi vua băng hà. Bấy giờ Chey Chesdha chưa chính thức lập hoàng hậu, mặc dầu đã có nhiều phi tần. Kinh đô đang thiếu người chăn dắt. Outey bàn rằng :

- Thừa tâu, sẽ phải có một vị Hoàng Hậu nhan sắc, đức hạnh vẹn toàn để xứng đáng cai quản kinh đô mới mẻ và huy hoàng này !

Chey Chesdha lắc đầu :

- Sắc hạnh vẹn toàn chưa đủ đâu .

Outey sừng sốt hỏi :

- Thừa tâu còn thế nào mới xứng ngôi Hoàng Hậu ?

Chey Chesdha thấp giọng :

- Người quen rằng chúng ta phải đối phó với Xiêm La ư ? Ta không thể nào làm một ông vua bù nhìn. Nay họ yêu sách cái này, mai họ ràng buộc cái nọ. Hiện ta chưa đủ sức mạnh để đối phó. Tốt nhất ta phải có sự giúp đỡ quân lực của lân bang. Outey, người cho ta rõ, nước nào mạnh nhất quanh gần nước ta ?

Prea Outey ngẫm nghĩ một lúc rồi thưa :

- Dạ tâu chỉ có nước Đại Việt Đàng Trong. Họ cũng như ta, sống quen với đầm lầy sông nước. Thủy lực của họ rất mạnh, từng chiến thắng những cuộc hải chiến. Họ cũng như ta, đang mở rộng thông thương, không phân biệt xuất xứ. Và lại dân họ từng có mặt trên nước ta đã lâu. Quan hệ giữa ta với họ hoàn toàn tốt đẹp.

Chey Chesdha gật đầu :

- Hay lắm ! Ta sẽ nhờ họ để đối phó với tụi Xiêm. Outey ! Vua Đại Việt Đàng Trong là người như thế nào ?

Prea Outey đáp :

- Thừa tâu đó là một vị Phật sống ! À hay quá ! Nghe nói các vị Công Chúa của họ đều vẹn toàn ...Hay là ...

Chey Chesdha cười khanh khách :

- Đúng rồi ! Đúng rồi ! Hoàng Hậu của kinh đô Oudong mới mẻ huy hoàng này phải là vị Công Chúa Đại Việt ! Ha ha ha ! Chúng ta sẽ phải thành tâm, tận sức cầu hôn .

* * *

Tôi tưởng tượng Chúa Sãi là một người đàn ông không to lớn nhưng rất uy nghi và thông thái. Đối với người nhà và con cái, ông tỏ ra từ ái xuề xòa mà vẫn không mất vẻ nghiêm. Vàng trán rộng và cặp mắt sâu của ông lúc nào cũng như thông suốt mọi sự.

Là con trai thứ sáu, nhưng ông được Chúa Tiên đặc biệt chú ý do trận thủy chiến với người nước ngoài ở Cửa Việt năm 1585. Tháng 5 năm canh tí 1600, chúa Tiên vào Thuận Hóa, đóng ở dinh Ái Tử để tính việc lâu dài. Một hôm chúa đi chơi núi Hải Vân, có đem ông theo. Cha con chợt nhìn thấy một rặng tre ngoằn ngoèo rất dài như hình con rồng, khắp mình đều nở hoa.

Ông thưa với chúa : " Con nghe nói tre trúc hàng trăm năm mới nở hoa một lần. Mỗi lần nở hoa là một lần tàn lụi để cho một giống tre trúc khác mọc lên." Chúa Tiên hớn hờ bảo: " Đó là ý trời. Đây là đất yết hầu của miền Thuận Quảng. Con phải cẩn thận trấn giữ." Rồi chúa cho lập dinh ở xã Càn Húc, nơi có rặng tre nở hoa. Chúa Tiên tâm sự với ông : "Làm trai phải như tre như trúc. Tre trúc là phen giậu của xóm làng. Lại còn dùng được việc dựng nhà, đan rổ đan rá. Đến

lúc trở hoa, tre trúc hóa rồng." Chúa Tiên lại tiếp:" Làm gái thì phải như sen. Bông sen phẩm cách cao sang, dù sống trong bùn lầy. Sen già cho hạt, mà ngó sen đến chết vẫn còn vương tơ.

Cha gả Ngọc Tú cho Trịnh Tráng không phải là vụng tính. Sau này, khi hữu sự Ngọc Tú sẽ giúp con." Xem thế, chúa Tiên có cái nhìn rất xa, và đã chọn ông làm người kế vị, đặc biệt thi hành gia kế họ Nguyễn. Khi sắp hết tuổi trời, tháng 6 năm quý sửu 1613, Chúa Tiên gọi ông đến trước giường, cầm tay bảo : "Làm việc nước phải biết trong thuận ngoài hòa. Làm trai họ Nguyễn phải là tre trúc. Làm gái họ Nguyễn phải là bông sen. Cha con, anh em, trước hết phải hòa hữu thân ái nhau. Giữ được lời dặn này thì cha chết cũng không ân hận gì. " Một lát, buông tay ông, Chúa lại nói:" Đất Thuận, Quảng, phía bắc có sông Linh Giang, núi Hoành Sơn hiểm trở. Phía nam có núi Hải Vân, Thạch Bi vững bền. Núi sinh vàng sắt, sông biển có cá muối; thực là đất dụng võ của người anh hùng. Nếu con biết dạy dân, luyện binh, thì cũng chống chọi được với họ Trịnh, làm nên sự nghiệp muôn đời. Bằng không chống được thì cố giữ đất đai, mở mang bờ cõi, chờ thời cơ, chứ đừng bỏ hồng lời dặn của ta." Ông tràn nước mắt quý vàng lời cha.

Câu chuyện đang xảy ra từ năm 1619. Khi ấy Chúa Sãi (Nguyễn Phúc Nguyên) còn ở Cát Dinh, làng Trà Bát, Đăng Xương, Quảng Trị...(Mãi đến tháng 3 năm Bính Dần (1626) trong không khí sắp sửa có chiến tranh với họ Trịnh, Chúa Sãi mới dời Dinh vào xã Phước Nguyên, Quảng Điền; và từ đó mới đổi Dinh thành Phủ. Và rồi mãi đến năm 1744 (đời Vũ Vương) mới đổi Phủ thành Điện. Đương thời các con trai của Chúa gọi là Công Tử, con gái gọi là Công Nương hoặc Quận Chúa. Bản thân Nguyễn Phúc Nguyên thụ tước vua Lê là Thụy Quận Công. Đến đời Gia Long thứ 5 (1806) truy tôn Chúa Sãi làm Hiếu Văn Hoàng Đế. Các con đều là hoàng tử và công chúa.) Tôi dùng hàm Công Chúa để nhấn mạnh thế cao sang của các vị Ngọc Liên, Ngọc Vạn, Ngọc Khoa, Ngọc Đĩnh, nhưng không dùng hàm Hoàng Đế mà chỉ gọi Chúa Sãi để giữ lại một không-thời-gian thưở ấy .

* * *

Tôi viết chuyện này giữa mùa hè 1996, đúng 21 năm sống ở Hoa Kỳ; nghĩ về 21 năm tôi sống ở Sài Gòn. Vùng đất ấy đã vào ở hẳn trong lòng tôi. Câu chuyện đây đã từng xảy ra, không có gì quá ly kỳ. Tôi chỉ mượn nó để dàn trải lòng biết ơn Sài Gòn đã đem lại cho tôi 21 năm kia. Lời lẽ của tôi sẽ ngập ngừng nửa Bắc, nửa Trung, và phần lớn là miền Nam, cho đến nay vẫn còn đầm lầy. Đầm lầy chính là định mạng !

Thuở ấy nước Việt đang xóa nước Chiêm, tiến đến Tuy Hòa (1611) nơi có con sông Ba. Người Việt như những con cò, con vạc, con nông...lầm chằm, dò dẫm, cặm cụi, và lặn lội sang cả đất Chân Lạp. Chúa Sãi từng khuyến khích giúp đỡ dân lưu tán khắp nơi cùng theo quân và theo giòng nước khai khẩn những vùng đất mới còn hoang vu. Nhưng tôi sẽ không dông dài nữa để đi vào câu chuyện Người Đàn Bà Lập Ra Sài Gòn. Chúa Sãi hỏi :

- Con à, con biết chuyện đức công chúa Huyền Trân chứ ?

- Dạ thưa cha, con có đọc sử nên có biết.

- Ừ , ngày xưa, vì muốn gìn giữ giang sơn trong cảnh thái bình mà đức vua Trần đã gả đức công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm. Đức công chúa từng nói:"Làm con dân Đại Việt phải biết vượt chính mình".Con hiểu câu nói ấy như thế nào ?

- Dạ chắc ý đức công chúa là: "con dân Đại Việt, muôn người như một, vì nước quên nhà" phải không thưa cha ?

- Không phải hẳn như vậy đâu. Không phải là:"hy sinh cá nhân để hoàn thành đại cuộc."đó là sáo ngữ.

- Vậy thì ...

- Con nên biết đức công chúa không phải hy sinh hạnh phúc cá nhân, cũng không phải là dày xéo lên phẩm cách cao sang của một người đàn bà như dân gian đã mai mỉa.
- Dạ hình như là câu: “tiếc thay cây quế giữa rừng, để cho thằng mán thằng mường nó leo”
- Hừ ! Cũng như đức vua Trần nhận lời cầu hôn của vua Chiêm, không phải là “bất chấp thủ đoạn” ...Nếu người đời cứ hiểu như thế thì tầm thường và thiệt thòi cho đức vua và đức công chúa quá ...
- Con xin lỗi !
- Con không đáng trách. Ngày xưa Đức Phật cắt thịt nuôi chim là ngài muốn làm sáng nghĩa:”vượt thoát mọi khổ não để độ thoát mọi chúng sinh “ Ngài không hề hy sinh gì cả cho đại cuộc. Cha nghe nói Đức Ông Giê Su gì đó đã chịu đóng đinh câu rút trên giá gỗ thập tự để cứu người. Nếu quả đúng như vậy thì Ông rất đáng kính phục.
- Ủa ! Cha cũng biết chuyện đó sao cha ?
- Hừm ! Cha phải biết mọi chuyện quan trọng đang xảy ra trên miếng đất mà cha con ta đang sinh sống, và đang phải giữ gìn chứ !
- Vậy...dạ...chị Ngọc Liên của con ...
- Ngọc Vạn à ! Con yên tâm. Cha biết chị của con, cả dì của con nữa. Họ đều có liên lạc với các giáo sĩ Tây Dương. Không hề gì đâu. Cũng là một cây cầu rất tốt ! Rồi cha sẽ biểu cho họ biết. Con nên suy nghĩ kỹ về câu nói của đức công chúa Huyền Trân. Con bàn lại cả với Ngọc Khoa nữa. Ngày một chị em con cho cha nghe ý kiến.
- Dạ...chúng con sẽ thưa chuyện với cha .
- Ủa! Bây giờ cha phải trở về dinh. Thôi nhá !
- Dạ thưa cha.

Công chúa Ngọc Vạn khom lưng quỳ gối tiễn đưa cha. Chúa Sãi mỉm cười khoát tay:

- Không cần đa lễ. Ít bữa đến gặp cha. Cả Ngọc Khoa nữa .
- Dạ...Kính hầu cha hồi dinh an lạc .

Chúa Sãi đi rồi mà công chúa Ngọc Vạn còn quỳ yên không đứng lên. Nàng nghe đâu đó, trên đầu, hay khắp chung quanh một nỗi lo lắng lạ thường. Hình như cuộc viếng thăm bất chợt của cha nàng sẽ là một biến cố. “ Làm con dân Đại Việt phải biết vượt chính mình” Nàng lẩm thầm câu nói của đức công chúa Huyền Trân do cha nàng nhắc lại. Ngọc Vạn vẫn từng nghĩ đến đức công chúa, và xa hơn nữa, ngược mãi về lịch sử xa xăm, ngài công chúa Tiên Dung thời vua Hùng Vương.

* * *

Công chúa Ngọc Khoa vươn tay bẻ một đài sen già bên cạnh búp sen non. Công chúa Ngọc Vạn cầm bông ngọc lan khoan thai bước tới hỏi :

- Bây giờ đó em chớ bông sen khác với bông lan chỗ nào ?

Ngọc Khoa nhìn chị nhìn hoa, cười bảo :

- Bông sen là chị, bông lan là em. Sen to, lan nhỏ, và đều thơm ngào ngạt. Ồ mà khi tàn thì cánh lan héo úa đổi màu; còn cánh sen thì rụng hết trơn trọi chị ơi .

Ngọc Vạn chỉ đài sen già trên tay Ngọc Khoa :

- Khác nhau chính là cái đài sen này. Ngọc lan không có đài lan. Sen già để lại đài sen, cho ta hạt sen làm mứt nấu chè thấy hôn ?
- Chị nói nghe buồn thấy mờ.
- Buồn thì có buồn thiệt. Ai biểu em chọn làm bông ngọc lan màn chi ?
- Em đâu có chọn .

Ngọc Vạn kéo Ngọc Khoa ngồi xuống bệ đá . Trời sắp hoàng hôn. Lá hoa xào xạc.

- Thôi em à. Nói cho cùng thì bông cũng là người. Kinh Phật bảo có sanh,có già,có bệnh,có chết. Nếu em cùng chọn bông sen với chị thì cũng rứa! Bữa qua cha tới chị nhắc lời đức công chúa Huyền Trân:”Làm con dân Đại Việt phải biết vượt chính mình.”Cha biểu cho em hay, rồi cùng gặp cha đưa ý kiến.

- Ủa! Sao giờ chị mới nói.
- Ủa chị mãi nghĩ...
- Chị không cần phải nghĩ. Cha muốn biểu mình hy sinh đi lấy chúa Chân Lạp mà thôi. Bộ chị không biết gì hết trơn hả ? Người ta cho hay chúa Chân Lạp đã dâng lễ cầu hôn.Cả mấy người Nhựt Bồn cũng xin dâng lễ cầu hôn nữa kìa. Cha thì chắc là cha sẽ hứa ráo chọi. Mà cha chỉ còn hai chị em mình, chớ Ngọc Đĩnh bệnh hoài đâu có gả được . Huh u hu ! Chết em cũng không chịu đâu chị ơi !
- Ngọc Khoa òa khóc nức nở. Nàng muốn khóc từ những hôm trước khi nghe ngóng được sự tình.Nhưng hình như nước mắt chỉ tích tụ chờ đến lúc này mới dồn dập tràn ra. Tiếng khóc của Ngọc Khoa làm Ngọc Vạn bủn rủn. Nàng nghe mơ hồ một nỗi cô đơn, hơn nữa, một nỗi tuyệt vọng, đọng đầu đó trong tim, xanh ngắt và đắng ngắt, như tim sen. Mắt nàng mở lớn nhìn em khóc như cả thế gian đầy đau khổ,và rồi sụt sịt khóc theo.Ngọc Khoa gục vào lòng chị. Hình như họ cố gắng không để tiếng khóc vang lên to quá.Đây là hoa viên trong dinh công chúa. Các thị nữ có thể hoảng hốt ùa lại. Hai chị em chỉ muốn khóc với nhau và tâm sự cùng nhau.
- Em à ! Thôi đừng khổ quá. Mình từng hứa nghe lời cha như đức công chúa vắng lời đức vua Trần đi lấy chúa Chiêm .
- Nhưng em đâu phải là công chúa thiệt. Với lại đó là nói giả bộ. Chị còn biểu khi đó chị có kế sách gì đó linh lắm mà ?
- Kế hả ? Thì cũng có ...
- Đâu chị bày em coi .
- Suyt! Thiên kế bất khả lậu. Cứ nghe theo chị, từ từ em sẽ biết .
- Thiệt hả ?
- Nè , công chúa đâu có nói chơi. Tươi rồi chưa để chị hỏi ?
- Chị hỏi chi cũng được, nhưng trả lời hay không là em đó .
- Ủa thế em nghe tin hồi nào và ở đâu vậy ?
- Thì người ta nói rùm beng, mà sao chị hông nghe? Người ta còn nói cái ông Nhựt Bồn vừa kiêu ngạo vừa giàu có. Cái ông chúa Chân Lạp tuy trẻ hơn nhưng giống mọi đá. Người ta còn giỡn rằng hai ông không phải Sơn Tinh và Thủy Tinh vì Chúa ta có tới ba nàng công chúa. Đó chị thấy chưa. Chuyện này đã chắc lắm rồi. Chị phải bày kế lẹ lẹ ...
- Đừng có nôn quá. Cha chưa chính thức nói với mình mà .
- Chừng chị đợi cha nói thì...ván đã đóng thuyền rồi !
- Bè gì mới mình cũng gặp cha. Mình sẽ hỏi thẳng cha mà.
- Nhưng mà ...

* * *

Buổi sáng mùa hè năm ấy mát dịu. Đêm qua Chúa Sãi không ngủ được. Ông trần trọc với dĩ vãng. Lời trần trối của Chúa Tiên vây bọc lấy ông. "...giữ đất đai...mở mang bờ cõi...chờ thời cơ...làm trai họ Nguyễn phải là tre trúc...làm gái họ Nguyễn phải là bông sen..." Đã sáu năm rồi, không biết những việc ông làm có được như lời cha dặn ? Bước kế tiếp thực là khó khăn, bối rối...Ông nhận ra đã lâu ông không gần các con do công việc quá bề bộn và cấp bách. Lát nữa đây ông phải nói thế nào để chúng hiểu lời dặn của ông nội. Ông chỉ có bốn người con gái. Đứa lớn là Ngọc Liên đã gả về nhà Mạc. Bản thân ông đã cưới con gái trưởng của Mạc Kính Điển là anh ruột vua Hiến Tông Mạc Phúc Hải. Ông hiểu lời dặn của cha là trong nên hòa với nhà Mạc; ngoài phải liên kết với lân bang. Các anh em trai và các con trai của ông , sẽ cùng với ông làm tre trúc phen giậu. Còn bốn đứa con gái sẽ là bốn bông sen xây dựng ngoại tộc, kiến tạo đài sen.Ông không có thói quen cưỡng bức người dưới; lại càng không bao giờ thúc ép con cái. Chủ trương của ông là lòng thiện nguyện và ý thức bản thân...

Đang đắm trong suy tư , Chúa Sãi vẫn nhìn thấy người nội thị quỳ tâu :

- Dạ bẩm, có nhị vị công chúa !
- Cho vô ! Cho vô!

Chúa Sãi vừa khoát tay vừa đứng dậy đón con gái :

- Chà ! Hai đứa bây tới sớm dữ a !

- Dạ. Kính chào cha .

- Ủa thôi vô đây ! Vô đây !

Công chúa Ngọc Khoa đến sát bên Chúa Sãi, nói liến thoắng :

- Tụi con có gặp mẹ , và mẹ biểu bữa nay cha sẽ bỏ nguyên ngày để chơi với tụi con, phải không cha ?

- Ủa ! Chúng ta sẽ tha hồ nói đủ mọi thứ chuyện .

Chúa Sãi nắm tay hai cô con gái giắt đến bàn :

- Giờ thì hãy ăn sáng uống trà đã nhé .

- Dạ ...

Bên ngoài nắng rực rỡ. Hoa nở chim kêu . Chúa Sãi nghiêng tai lắng nghe và cười tủm tỉm.

Ngọc Khoa ngước mắt nhìn cha hỏi :

- Cha à ! Cha nghe chim nói gì vậy ?

- Hà hà ! Cha đâu có viên ngọc ếch hay ngọc rắn trong mình mà nghe được tiếng chim. Nhưng cha nghe được tiếng nắng , tiếng mưa , tiếng gió , và tiếng của hoa lá, đất đá lao xao trong không gian. Bây giờ họ đang trao đổi với nhau về những ngày đẹp trời. Các con có muốn biết họ đang nói gì không ?

Hai cô công chúa đều thích thú đáp :

- Dạ có .

Chúa Sãi khoan thai nhìn tận mắt hai cô :

- Họ biểu vùng đất này vốn cao hơn mặt biển, xa cách đầm lầy. Những ngày đẹp trời tuy không thiếu, mà thiệt ra những ngày xấu trời lại nhiều hơn. Bởi tại đất, nhưng cũng bởi tại người.

Người xưa ưa cuộc sống rày đây mai đó, ưa chiếm đoạt mà không xây dựng giữ gìn. Ngày nay những người gốc ở vùng đầm lầy (họ đang nói về cha con mình, về dân Đại Việt đấy) chưa có lòng quý đất trồng cây để gây cuộc sống quần cư ấm cúng; vì thế những ngày xấu trời vẫn còn đe dọa. Lại có họa về một sự điều tàn. Cha nghe được câu chuyện này đã lâu, nhân một buổi hoàng hôn, gió và đất tâm sự .

Chúa Sãi chiêu một ngụm trà, khẽ đổi thế ngồi. Cây cối lá hoa chợt lao xao lay động. Tiếng gió đi luồn lách khắp vườn và đến gọi cửa. Ngọc Khoa kéo tay áo Ngọc Vạn cùng nhìn ra ngoài nắng .

- A ! Gió đang báo tin nó sẽ có nhiều họ hàng và bè bạn vô thăm. Các con biết không, như thế có nghĩa là chúng ta sẽ bị bão và lạnh. Mùa thu tới sớm hơn. Lá hoa đang rất buồn , mặc dù các con đang thấy chúng hơn hờ nở thêm ra. Chúa Sãi nói.

- Sao kỳ vậy cha ? Ngọc Khoa hỏi .

- Bởi vì chúng sẽ phải lia cành lúc còn xanh. Chúng gọi đất là mẹ. Và chúng đang hỏi mẹ đất sao không cho chúng ăn ngủ nhiều hơn. Mẹ đất nhỏ nhẹ đáp là bà không bao giờ cấm cản hay giới hạn. Chỉ hiềm nỗi thân bà cần cỗi, phải nuôi núi và biển, bà chỉ còn có bấy nhiêu sữa cho con thôi. Cha đã nghe rất nhiều tâm sự của đất . Các con có còn muốn nghe nữa không ?

- Dạ muốn . Cha kể đi cha .

- Ủa ! Bữa đó chiều xuống rất hoi hỏ. Cha thả bộ ngoài hoa viên. Chợt một hơi gió nhỏ cuốn dưới chân . Cha ngừng lại ngó. Chừng thấy ló một mô đất, màu sắc rất lạ lùng, để lát cha đưa mấy con tới coi . Đất nói:” Nè chú gió! Sao mấy bữa thấy chú coi bộ bí mật dữ? Chuyện chi rứa ? Kể tui nghe rồi tui cho chú hay sự bí mật của tui “.Gió mỉm cười đáp :” Bí mật của tui không thể kể khơi khơi được. Bác biết tui đi từ Đàng Ngoài vô đây, mang theo bao nhiêu hơi thở tâm sự của con người. Lại cũng mang theo bao nhiêu bí mật chiến tranh của chính phủ. Lần nào qua đây tui cũng sốt ruột. Nửa muốn nói ra, rồi lại ngưng ngưng. Tui chịu đi xa, xa mãi về cực Nam. Ở đó có đầm lầy sông nước thanh thoi. Tới nơi xa xôi mà lại nghe như về nhà. Nói bác đừng buồn chớ đất này không chắc gì yên ổn đâu.” Cha nghe đất thở dài, cả hai im lặng hồi lâu, rồi đất nói:” Tuy là tui không đi lại khắp nơi như chú, nhưng mà gió ơi ! Tui cũng có liên hệ máu mủ ruột thịt khắp nơi nên cũng biết chút đỉnh tin tức. Tui rất thông cảm sự sốt ruột của

chú. Nói thiệt chú nghe, tui cũng sốt ruột quá sức. Chú dư biết, những cuộc binh biến, tiêu diệt từng diễn ra trên thân thể tui đâu đã lành. Người cũ phần lớn đã ngủ yên, phần còn lại thì uất nghẹn, đau đớn, xót xa, trách móc tui đủ thứ. Người mới thì đại đa số hời hợt, xa lạ; nhiều kẻ vô vậ tham lam; hầu hết họ coi đất này là đất tạm cư, sống không tận mà chết không yên. Thân thể tui bỗng chốc biến thành một thứ của hời của nổi. Mạnh ai nấy vợ vét lợi dụng đến cùng kiệt. Nghĩ thiệt là tủi thân. Sao đời tui toàn gặp những sự bạc bẽo vô tình hả chú ???” Nghe đến đây cha giật mình kinh ngạc. Hồi nghĩ, từ khi theo ông nội các con vô trần nhậm đất này, giòng họ ta chưa hề có ý tưởng khinh bạc. Chúng ta vâng theo di huấn của ông nội, một lòng quý đất trọng cây; trong thuận ngoài hòa. Thế mà chúng ta vẫn chưa có được nhiều những ngày đẹp trời. Cha cũng biết lòng người sâu hiểm khôn dò, làm thế nào mà an lòng hết thủy được. Chợt cha lại nghe gió nói:” Tình cảnh bác thiệt hiểm nghèo, tui ái ngại dùm bác. Sao bác không bàn tính thử với bà con của bác coi có giải pháp nào; tĩ như ở miền cực nam đầm lầy, nơi tui ghé chơi rất lâu và rất thích đó.” Đất trả lời nho nhỏ:” Tui cũng có bàn có hỏi đấy chứ. Nhưng mà nhiều khê lắm chú à . Cái miền cực nam đầm lầy sông nước mà chú thích đó, có xa lạ chi đâu; chính là con em út của tui. Nó than dữ lắm. Nào là hoang vu hiu quạnh. Nào là tranh chấp giành giật tùm lum. Linh đình cơ khổ nhứt là không biết tương lai ra làm sao. Nó biểu chớ coi vậy mà tui dễ thờ hơn nó. Đó chú coi.” Gió lớn tiếng ngạc nhiên:” Ủa! Tui thường thấy trời đất minh mông, xum xuê cây trái, mặc sức tui ăn tui ngủ tui hú tui kêu. Té ra coi vậy mà không phải vậy hè! Thế còn chị bác ở miền bắc có ý kiến gì không?” Đất vẫn giữ âm độ thấp trả lời:” Chị ấy già cả nhưng khỏe mạnh. Đầm lầy khi xưa hầu hết đã được bồi đắp phì nhiêu. Người ta quý trọng chị ấy lắm. Nhưng cũng có cái khổ bình đao. Lòng người chia năm xẻ bảy. Cái lo lớn nhứt là họa xâm lăng của người Tàu ở cực bắc. Trong mấy chị em thì chỉ tương đối khá hơn thiệt. Nhưng mà tương lai cũng khó nói lắm chú à. Chỉ có tính hà tiện, lo xa, nhưng mà chú ơi “ky ca ky cốp cho cốp nó ăn” chớ mình có được hưởng cái gì đâu. Mấy phen chỉ tay trắng đáng cay thiệt tội nghiệp! Chỉ cũng có biểu tui; một là kiên nhẫn chờ tới lúc ba chị em ráp lại; hai là phá cho tan hoang mà đi. Tui thì tui chưa biết tính sao ...” Im ắng một hồi rồi cha nghe gió nói:” Chờ thì khổ. Phá thì đau. Nếu bác ráp tâm giúp mấy người đầm lầy thì tui có kế nhỏ giúp bác.” Cha đang hồi hộp chờ nghe kế sách của gió thì mấy người tới mời cha đi lo công chuyện rất gấp. Thiệt là tiếc hùi hụi.

Công chúa Ngọc Vạn, Ngọc Khoa cùng bật hỏi:

- Ủa ! Bộ cha không nghe được khi nào khác nữa sao cha ?

Chúa Sãi nhấp thêm trà rồi thủng thẳng nói:

- Khi khác, chuyện khác các con à . Nhưng mà cha nghĩ lung lắm. Bởi thế mới kêu mấy con tới đặng bàn.

Ngọc Vạn thưa:

- Chúng con cảm ơn cha đã coi trọng. Thiệt ra việc nhà, việc nước khi nào chúng con cũng vâng theo ý cha cả mà .

- Ủa ! Lý thì là vậy. ..Nhưng không khi nào cha muốn ép các con làm những việc không đồng ý.

Các con đã suy nghĩ về lời của đức công chúa Huyền Trân chưa ?

Ngọc Vạn đưa mắt nhìn Ngọc Khoa , rồi trang nghiêm nói :

- Dạ thưa, đức công chúa nói:”Làm con dân Đại Việt phải biết vượt chính mình.” Tụi con nghĩ “vượt chính mình” là vượt qua những thành kiến, những cảm dỗ, những hoàn cảnh và những sở thích bản năng để thành người hữu dụng. Làm thân con gái, tĩ như bông sen, dù “gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”;lại còn cho hạt sen nữa, phải không cha ?

Chúa Sãi hớn hờ :

- Thiệt là những suy nghĩ của các bậc anh thư liệt nữ ! Cha thiệt là khâm phục. Thiệt là hãnh diện . Thiệt là mừng .

Ông đứng hẳn lên, bước tới bước lui.

Ngọc Vạn nhìn em, nhìn thấy sự đổi thay trên khuôn mặt Ngọc Khoa, nhất là đôi mắt. Đôi mắt Ngọc Khoa như đang chuyển từ hoàng hôn sang tới bình minh. Hai cõi bình minh đang gặp

nhau trên một vùng đầm lầy nở đầy hoa sen. Ở đó, cái tim sen xanh ngắt vừa được thông. Người ta thường thông tim sen. Sợi tim sen dùng để pha trà uống cho dễ ngủ. Còn hạt sen thì được phơi trong những ngày đẹp trời.

Chúa Sãi ngồi xuống nhìn con, thong thả hỏi :

- Gần đây các con đã nghe biết gì về việc cầu hôn của những người nước ngoài ?

Ngọc Vạn lại đưa mắt sang Ngọc Khoa rồi kính cẩn nhìn cha :

- Dạ thưa tụi con chỉ biết sơ sơ .Thưa cha , cha cứ nói rõ cho tụi con hay đi cha .

- Ừa ! Một vị là quốc vương nước Chân Lạp; một vị là đại thương gia nước Nhựt Bản. Cả hai đều dâng lễ cầu hôn. Cha chưa hứa hẹn gì cả . Cũng chưa bàn với ai ngoài mẹ các con.

Chúa Sãi rót thêm trà vào chén rồi tiếp :

- Sở dĩ mẹ không nói gì với các con, vì bà muốn đích thân cha thương lượng. Bà biểu:” Tôi với ông vào đây cũng là xa cách hẳn nơi chôn nhau cắt rún. Nơi chốn này không những xa lạ với tôi mà cả với ông. Lâu hồi bao nhiêu năm tháng, giờ ta đã quen và ta đã thương không khác chi quê hương cũ. Ông nói đúng, lần hồi rồi tất cả các mảnh đất xa xôi sẽ là quê hương mới của mình. Có con mà gả chồng xa, mẹ cha nào không đứt ruột. Nhưng tôi biết ruột ông và ruột tôi đã đứt từ hồi theo ông nội sắp nhỏ vượt sông Gianh núi Hoành.. Thôi ông cứ liệu nói chuyện với các con. Cha con quyết định thế nào tôi cũng sẽ đồng ý.” Tuy mẹ các con không khóc, nhưng cha chắc nước mắt bà chảy chan chứa trong lòng. Các con biết không, hồi ông nội còn sống, cha vẫn mơ màng coi đây chỉ là đất tạm cư. Tới khi ông nội qua đời, theo lời dặn dò, cha mới dứt khoát, một mặt nối kết hy vọng một ngày kia khôi phục đất bắc; một mặt tích cực gây dựng sự nghiệp khắp miền nam, để tất cả sẽ là quê hương một nước Đại Việt. Cha mượn lời tâm sự của đất để các con hiểu rằng, nếu ta không thương yêu nơi chốn ta ở, chỉ coi là tạm cư, chằm hăm bỏ đi; thì đất cũng ngó ta như kẻ lạ, không đùm bọc đóai hoải. Nỗi khổ của cha là lòng người chưa định. Họ chưa hạ quyết tâm nhận nơi này làm quê hương. Họ chưa hiểu được câu nói của đức công chúa. Các con cần biết rõ là miếng đất ta đang ở đây, mặc dù do bao nhiêu công khó của người trước, nhưng vẫn bấp bênh trong hiện tại. Ngoài bắc, họ Trịnh vẫn điên dại với quyền thế; đã làm việc thí nghịch; vẫn gia tâm tiêu diệt họ Nguyễn chúng ta. Chung quanh ta gồm nhiều bộ lạc như Lục Hoan, Mọi Đá...luôn luôn quấy rối để chiếm đoạt tài sản của ta. Bên trong chắc chắn có kẻ nịnh, có kẻ nằm vùng, tìm cách chia rẽ hàng ngũ ta, hoặc vô hiệu hóa các kế hoạch của ta. Cha không trách ai. Lòng người chưa định vì chính mình chưa tạo được thế lực và hoàn cảnh để định lòng người. Muốn có thế lực mạnh thì ngoài việc luyện binh dạy dân; còn phải kết thân giao hảo với lân bang láng giềng. Muốn có hoàn cảnh tốt thì ngoài việc canh tân xã hội, còn phải mở rộng bờ cõi, tạo cơ hội thông thương trao đổi khắp nơi. Cha nói chuyện quốc sự với các con là để các con dễ nhìn thấy điều trọng điều khinh; biết rõ được thiên chức của người điều khiển guồng máy nhà nước. Quyết định nào của các con cũng sẽ đem lại ơn ích ...

Công chúa Ngọc Vạn sa nước mắt thưa:

- Những lời cha nói đã vén cho con thấy cả một khung cảnh lớn của quốc gia. So với cá nhân con thật nhỏ mọn vô cùng. Con thiệt lòng vâng theo sự sắp đặt của cha mẹ. Cho dù đi đâu, ở đâu, cho dù với bất cứ hoàn cảnh nào con cũng vẫn là con của cha mẹ, là người của Đại Việt. Thưa cha, bây giờ không phải là con chỉ hiểu, mà hình như con đang cảm nhận lời của đức công chúa. Mình từ Đại Việt ra, rồi trở về Đại Việt. Một vòng tròn nhân duyên của cát bụi! Phải không cha ?

Chúa Sãi cảm động nói:

- Thiệt là những lời vàng đá! Cha cũng có một sợi tim như tim sen. Chính con là người đã thông tim cho cha !

Ba cha con Chúa Sãi trong khoảnh khắc biến thành ba pho tượng yên lặng giữa bình minh. Mặc dù chính sử triều Nguyễn không ghi chép về chuyện công chúa Ngọc Vạn, Ngọc Khoa đưa

gả cho Chey Chesdha II và Mộc Thôn Tông Thái Lang, nhưng người ta đã nhờ tài liệu của các giáo sĩ thời đó như Christopho Bori; hoặc các tác giả, dịch giả Pháp như Maspéro, Moura, Henri Russier, Andre Migot; hoặc các tài liệu lịch sử của Trung Hoa, Nhật Bản, Cao Miên để ta có thể tin rằng câu chuyện trên là có thật. Người chồng của công chúa Ngọc Khoa còn có tên Việt là Nguyễn Đại Lương, vì chính sự Nhật Bản, sau này đã đưa công chúa về Trường Kỳ, vĩnh viễn ra đi ngoài sông nước đìu hiu. Chỉ còn lại ở Hoài Phố (bây giờ là Hội An) bên con sông Hoài (bây giờ là sông Thu Bồn) cây cầu Nhật Bản với một hồ sen đầy thương nhớ. Tôi chưa có dịp đến Hội An để chiêm ngưỡng cây cầu này, thật là một thiếu sót lớn. Tôi không kể chuyện công chúa Ngọc Khoa mà theo đoàn ruốc dâu công chúa Ngọc Vạn ra vùng đầm lầy sông nước kinh rạch miền Nam ...

* * *

Bấy giờ là mùa thu năm Canh Thân 1620, công chúa Ngọc Vạn đã ra đến kinh đô Oudong của Chân Lạp. Cuộc hành trình tuy mệt mỏi nhưng nhiều hứng thú nhờ phong cảnh lạ, và những thổ sản của mỗi địa phương nàng được ngắm qua. Nơi đây khí hậu ẩm thấp, dù đã gần giữa thu mà trời còn nóng nực. Không khí như có mùi vôi. Những cây gòn cao và gầy, thỉnh thoảng nhả những nõn bông trắng bay lơ phơ trong gió. Những cây dừa đứng chào người qua lại. Ngọc Vạn ngại nhất là những luồng gió xoáy bất ngờ cuốn đầy bụi rác chạy lơ ngơ trước mặt. Dân ở đây gọi là chốt vòi voi. Nó khiến nàng cay mắt và ngộp thở. Đột nhiên nàng quay quắt nhớ nhà. Nhớ nhớ bắt đầu chỉ như bầu trời động mây. Rồi nước mắt lăn ở bờ mi. Rồi mưa đột ngột đổ rào rào theo tiếng sấm sét cuối chân trời. Nàng nghe một luồng gió buốt xuyên suốt cơ thể khiến nàng tê dại. Đám thị nữ vội đưa nàng vào tấm cung. Ngọc Vạn hoàn toàn bị mê man trong cơn sốt đầu tiên miền nhiệt đới.

Trong cơn mê, Ngọc Vạn chần chừ trên một bến vắng. Nắng rang vàng những cát như những hạt mè đang chín. Nàng để chân trần bước vào cát. Nàng nghe cát lướt thướt vuốt ve. Ngọc Vạn lần theo con nước ra sông. Nàng muốn nằm với cát và nước. Nước nói:” Công chúa ơi, tôi đã theo công chúa vào đây !” Cát nói:” Còn tôi, tôi đợi công chúa từ lâu, lâu lắm!” Công chúa nói:” Ừ, ta đến rồi đó. Còn ngó gì nữa ?” Nàng để nguyên xiêm y dầm mình xuống nước. Nước rất nhẹ nhàng xoa ngực nàng. Liếm cảm và cổ nàng. Nước xoắn xít ở bụng nàng. Vỗ khe khẽ bờ hông nàng. Nước choàng ôm đùi nàng. Nàng cuống quýt. Hai cánh tay nàng dang ra ôm lấy nước. Nàng rúc mặt mình vào nước. Nước rúc mặt vào tóc nàng. Nàng bỗng cảm giác như không còn xiêm áo. Nước đã cởi hết thân thể nàng, tâm hồn nàng. Nước như có hàng trăm ngón tay ve vuốt. Như có hàng trăm đôi môi hôn hít. Như có hàng trăm hơi thở phả đầy. Như có hàng trăm đôi mắt đắm đuối. Nàng và nước âu yếm giữa bầu trời đầy nắng vàng và bông gòn trắng...Bỗng Ngọc Vạn thấy có sự động đậy dưới chân. Cát len qua. Và bắt chợt cát kéo nàng chìm ngấm. Nàng cố dẩy dựa trì níu. Nhưng cát đã tham lam cuồn cuộn gó chặt nàng. Vành tai nàng như thổi lửa. Bên trong là không gian tăm tối. Ngọn lửa soi sáng một người : công chúa Tiên Dung! Nơi đó là một đầm sen. Chủ Đờng Tử không khổ đang dầm mình trong đầm. Ngọc Vạn vừa muốn cất tiếng thì nhận ra khuôn mặt người đàn ông r ám đen chính là vua Chiêm Thành: Chế Mân! Nàng ngoái lại nhìn thì đúng là đức công chúa Huyền Trân. Nàng òa khóc trong hoang mang sợ hãi...

- Công chúa! Tỉnh lại công chúa !

Công chúa Ngọc Vạn nhẹ hé rèm mi: Chế Mân đang rất thành khẩn nhìn nàng ? Nàng mở hẳn mắt ra: không phải Chế Mân mà là Chey Chesdha, nàng phỏng đoán. Khuôn mặt sần chắc trẻ trung đầy nắng của ông ta đầy vẻ quan hoài. Bên cạnh ông là vị thầy thuốc già hiền từ. Xa Xa các thị nữ khép nép đứng yên. Chey Chesdha lùi lại một bước, nghiêng mình nói:

- Chúc mừng công chúa .

- Không dám. Đa tạ quý vị . Công chúa Ngọc Vạn máy môi .

Tiếng nói của nàng rất nhỏ, chính nàng cũng không nghe rõ. Nhưng mọi người ra vẻ hài lòng. Họ nhìn nhau cười mở. Họ nói, họ cử động mà không gây tiếng động. Rồi Chey Chesdha tới gần. Họ nhìn vào mắt nhau. Nàng khẽ gật đầu. Một bông sen vừa bùng nở. Nàng nghe gió rì rì nâng tàu lá sen xanh thắm. Không gian say đắm tẩm hương thơm. Nàng chìm vào giấc ngủ không mộng mị.

Khi công chúa Ngọc Vạn tỉnh giấc, trời đã khuya. Đêm miền nam đậm mùi hoa trái. Mùi đất ẩm nồng như thép giắt bản vừa được rờ ra cho ai đó mài mực làm thơ. Người thị nữ thân ái nhí nhảnh kể :

- Thừa công chúa! Thầy thuốc biểu công chúa bị các thần sông nước đòi. Phải đích thân nhà vua tới làm lễ mới giữ được công chúa lại. Trời ơi em chứng kiến một cuộc chiến giữa thần và người rất là quyết liệt. Ông thầy thuốc già vừa đọc chú vừa đốt các loại cỏ thơm xông mình công chúa. Còn ông vua phải chân quỳ chân đứng giữ hai ngón chân cái của công chúa. Trời, công chúa dẫy dũ quá. Ông đổ mồ hôi mặt. Hơn một canh giờ mới giành được công chúa về mình đó!

Ngọc Vạn vừa nghe vừa xao xuyến bồi hồi. Nàng chưa biết nàng sẽ thuộc về Chey Chesdha hay thuộc về sông nước miền nam. Dù thuộc về ai, nàng tự nhủ, nàng cũng sẽ cho trồng thật nhiều hoa sen. Nàng mỉm cười lẩm bẩm:

- Cứ để cho chàng Chey trồng cây gòn. Bông gòn thiệt ra cũng đẹp quá chứ !

* * *

Ông vua Chân Lạp Chey Chesdha II chính thức phong công chúa Ngọc Vạn làm chính cung hoàng hậu ngay giữa mùa thu năm ấy 1620. Ông cầm tay công chúa và nói:

- Từ nay ta suốt đời gọi nàng là Công-Chúa-Hoàng-Hậu.

- Tại sao không phải chỉ là hoàng hậu thôi chứ? Công chúa mỉm cười hỏi.

- Công-Chúa-Hoàng-Hậu, danh vị ấy mới tôn vinh được phẩm cách cao sang trong sáng và nhan sắc tuyệt vời của công chúa. Ta, ta không còn chữ nào để diễn tả được ý lòng ta. Chey đáp.

Công chúa Ngọc Vạn quả là một người đẹp chưa từng có ở thủ đô Oudong và khắp vùng đầm lầy miền nam. Nàng có một tâm hồn trong sáng thành thực hồn nhiên và đầy ắp bao dung. Để nàng nguôi nỗi buồn xa xứ, vua Chey Chesdha để công chúa Ngọc Vạn tự do đưa người Đại Việt vào thủ đô Oudong. Nàng thiết lập tại đây cả một khu phố, gồm nhiều xưởng thợ và hiệu buôn. Chey Chesdha không những rất mực say đắm mà còn rất vì nể phẩm cách và kiến thức của công chúa Ngọc Vạn. Ông cũng đã phong một số chức tước cho người của công chúa vào làm việc trong triều đình Oudong. Đặc biệt, biết công chúa thích hoa sen, ông đã khuyến khích thần dân trồng sen. Và dân Chân Lạp gọi Ngọc Vạn là Hoàng-Hậu-Bông-Sen. Bà lập ra khu Mô Soài (Bà Rịa ngày nay) để dân Việt tha hương có nơi hội họp.

Tuy nhờ Đại Việt đẩy lui hai cuộc xâm lăng của Xiêm La, nhưng nước Chân Lạp vẫn giữ quyền độc lập. Mùa thu năm 1623, Chúa Sãi gửi một phái đoàn ngoại giao tới Oudong đòi thiết lập một tô giới ở Prey-kô. Bấy giờ Prey-kô còn là vùng đầm lầy và những rừng bông gòn hoang vu. Người Việt ở lẫn với người bản xứ, làm việc buôn bán giao thương tứ xứ. Prey-kô không được người Chân Lạp xem trọng, và gần như vô chủ. Nhưng gần đây bỗng có những phát triển kinh tế đáng kể. Người Việt gọi là Bến Nghé, vì có bến cho ghe tàu khắp nơi ghé lại. Những chiếc ghe trông giống những con nghé bơi đến rồi bơi đi. Trùng với truyền thuyết về một con nghé đi tìm mẹ, hoặc con trâu mẹ đi tìm nghé con. Nó đến đây thì mất dấu nên điên cuồng đau đớn húc đất thành hố sâu. Lâu dần thành bến. Tuy Prey-kô không được lưu ý, nhưng Chân Lạp vẫn khước từ yêu sách của Đại Việt, có lẽ vì tự ái quốc gia. Phái đoàn Đại Việt đành đến nhờ cậy công chúa Ngọc Vạn.

Công-Chúa-Hoàng-Hậu-Bông-Sen Ngọc- Vạn, tước hiệu Somdach-Prea-Peaccac-Vodey-Prea-Voreac-Khsatley, đã dùng quyền uy và tình thương can thiệp. Cuối cùng, không những Prey-Kô Bến Nghé dành riêng một tô giới cho Đại Việt, mà triều đình Đàng Trong còn được đặt

quan chức, võ tướng để bảo vệ và thu thuế tại đây. Đó là cơ sở thu thuế đầu tiên của chính quyền Đại Việt, và là một địa điểm đầu tiên được chính thức công nhận trên đất Chân Lạp. Tôi phỏng chừng, sau đó Bến Nghé Prey-Kô có hai đặc điểm dễ nhận ra là: Trên bờ thì bông gòn mọc như rừng, còn dưới đầm thì bông sen tươi thắm khắp nơi. Rừng gòn là cây mọc từ lâu, riêng bông sen mới được trồng để nhớ ơn công chúa Ngọc Vạn. Lâu dần người ta gọi nôm na là bến Sen Gòn cho dễ nhớ.

Năm 1626, chiến cuộc Trịnh Nguyễn bùng nổ. Hai bờ Đại Việt làm than. Trong nam vua Chey Chesdha băng hà (1628) để lại bà Công-Chúa-Hoàng-Hậu còn son trẻ, với bao nhiêu dang dở của một triều đình chưa kịp vững mạnh. Công chúa Ngọc Vạn trở thành hoàng thái hậu. Bà vẫn dùng quyền uy, kiến thức và tình thương săn sóc miền Nam. Nhưng miền Nam bất ngờ lại nội loạn tang thương. Ngọc Vạn khi ở nơi này khi ở nơi khác. Hàng năm cứ đến mùa bông gòn nở, nàng lại đến bến Sen Gòn chơi với dân Việt. Gió như có tay, cứ moi rút ruột bông gòn tung bay ra trong không gian. Những sợi tơ gòn non nớt, thỉnh thoảng bám nhẹ vào những cánh sen rung rinh trên đầm nước.

[Bông sen nở](#)

[Bông gòn bay](#)

[Bến năm xưa hững hờ mây trắng](#)

[Bông sen nở](#)

[Bông gòn bay](#)

Có ai hay nỗi lòng công chúa

Đã lâu lắm tôi không còn thấy lại bông gòn bay ngay cả những năm lớn lên ở Sài Gòn. Tình cờ tôi tìm được tờ nhật báo Tự Do ra ngày 29-3-1963 trong thư viện đại học Berkley đăng tin (nguyên văn) : “Hôm 24-5-1963 tại Bộ Y Tế đã có một buổi họp liên bộ giữa đại diện các Bộ Y Tế, Cải Tiến Nông Thôn, Kinh Tế và Nội Vụ để thảo luận về việc trồng cây bông gòn. Kết quả các đại diện liên bộ đã đồng ý :

a) Ở nông thôn đất rộng người thưa, không khí trong sạch, có thể trồng tất cả các loại cây gòn. Nhưng khuyên đồng bào nên trồng loại cây gòn Togo để phù hợp với chủ trương của Bộ Cải Tiến Nông Thôn, vì cây gòn Togo quả chín không nứt. Nếu trồng loại cây gòn khác, nên hái quả khi bắt đầu chín để không bị nứt và nhả bông bay khắp nơi.

b) Ở thành phố loại cây gòn Togo cho phép trồng.

Các loại cây gòn khác, có trái chín nứt nhả bông mọc ở đường phố, chính quyền địa phương sẽ chặt. Nếu tư gia có loại cây gòn này, thì phải hái quả khi bắt đầu chín. Trong trường hợp để quả chín nhả bông, gia chủ sẽ bị phạt và cây gòn này đương nhiên bị chặt bỏ.

Bông gòn(Kapok) bay vào mũi rất khó chịu, bay vào đồ ăn mất vệ sinh, có thể gây biến ứng(Allergie) cho cơ thể. Vì lý do ấy Bộ Y Tế đã cùng các bộ Cải Tiến Nông Thôn, Bộ Kinh Tế, và Bộ Nội Vụ thảo luận để có quyết định trên.”

Đó là vào thời ông Ngô Đình Diệm. Bây giờ thành phố không còn tên cũ, mà đổi lấy tên một người không dính dáng gì tới Sài Gòn . Không biết ở đó có còn cây bông gòn nào không .

San Jose đầu thu 1996

Lời thêm: Truyện ngắn này đã đăng phần lớn trên tạp chí Hợp Lưu (Hoa Kỳ 1997)

Những ngày cuối năm 2010 sống rất đìu hiu, tôi đọc lại bản thảo viết tay bỗng nhớ chuyến đi với Trần Cao Lĩnh điếu tang Bình Nguyên Lộc vào ngày 8-3-1987.

Đó là ngày mưa gió sùi sùi ở Sacramento. Tác giả Nhốt Gió đã viết về những nỗi đau khổ nhọc nhằn của những người cố công kiến tạo Miền Nam.

Tôi nhớ tác giả Sài Gòn Năm Xưa Vương Hồng Sển, dù chưa bao giờ gặp. Nhớ tác giả Chử Nho Tự Học Đào Mộng Nam nói mãi về chất Nam Kỳ trong văn học. Những người tôi nhớ đều đã qua đời...

Tôi đành nhớ tôi với tác phẩm Văn Minh Đầm Lầy ôm ấp mãi vẫn chưa có dịp về Cà Mau khảo sát. Tôi bèn tự đánh máy, sắp xếp lại truyện này như một tấm lòng gửi về Sài Gòn thân yêu của tôi.

tvat 20-12-2010 http ©gio-o.com 2011

Những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc

tản mạn

Đọc lại cuốn *những bước lang thang trên hè phố của gã Bình Nguyên Lộc* tôi muốn chất vấn nếu ông còn sống. Chất vấn rằng: Tại sao ông nhắc đến bao nhiêu thứ cây cối hoa cỏ ở Sài Gòn hồi đó, mà tuyệt nhiên không nói gì về cây bông gòn của tôi ?

Tuy nhiên, Bình Nguyên Lộc đặc biệt viết về mồ mả cũ của Sài Gòn xưa (chiếm gần 1/3 sách). Người ta sống gần, sống quanh, và sống...trên các mồ mả ! Chính gia đình tôi hồi mới di cư (1954) đã từng ở Xóm Củi, cạnh nhà là một ngôi mộ xây ! Nhà hàng xóm còn dựa lưng vào mả ! Trước mả là ngã ba hẻm. Người bán hàng rong và trẻ nít thường xúm xít hồn nhiên bên mả. "*Mồ mả ở Sài Gòn thân mật quá chừng. Người ta sinh hoạt giữa mồ mả như quen biết với ma dữ lắm. Ở cổng xe lửa Mỹ, bên hông nhà thương Từ Dũ có hai ngôi mộ song hồn khá to. Trên mộ có cây mọc. Người ta treo võng dưới tàn cây vào những trưa hè, người ta đóng đũa kéo kẹt trông rất an nhàn. Ngộ nghĩnh nhất là tấm bảng hiệu " hót tóc" cắm trên đó, cạnh chiếc võng. Khách hót tóc cứ ra vào cái tiệm lộ thiên ấy mà không chút sợ sệt, e dè (trang 90). Ở Mỹ làm gì mà có cảnh ấy nhỉ? Ông Bình Nguyên Lộc còn tiết lộ chi tiết này : Sài Gòn đâu đâu cũng có mồ mả, nhiều nhất là Đàng Ô Ma (gần phía Hồng Thập Tự cũ). Ô Ma có lẽ là phiên âm từ tiếng Pháp Aux mares (phía vũng lầy). Ông đặt câu hỏi: "*Sao ta chôn xác người ở xóm vũng lầy? Thật là khó hiểu.*" Nhưng tôi cho đây là thêm chứng cứ về vùng đầm lầy của Sài Gòn xưa (văn minh đầm lầy).*

Đọc Bình Nguyên Lộc ta còn học được vài chữ vài tiếng lạ miền Nam như bài ca dao :

Chợ Bến Thành mới

Kê lui người tới

Xem tứ diện rất xinh

Thấy em tốt dạng tốt hình

Chẳng hay em có chồn dươn tình hay chưa?*

-Anh hỏi em về việc dươn tình

*Em đã có chồn gửi mình cho Thanh***

-Cần dươn đâu mà thẩu đến bên Tàu

*Họa chẳng em thấy chú lửng *** giàu em ham ?*

Ông ghi chú: * *duyên*. ** *người Tàu đời Mãn Thanh*. *** *người Tàu còn trẻ*. (tr. 124) Té ra "lửng" là còn trẻ. Chú lửng là anh Ba Tàu còn trẻ ! (gửi cái nghĩa này cho gio-o).Tôi tìm trong Tự Vị Tiếng Miền Nam của Vương Hồng Sển cũng chưa thấy có !

Cuối sách Bình Nguyên Lộc van xin :

*Mai sau dù có thể nào
Đốt lò hương ấy đọc ca dao này .*

Gần như những lời tiên tri: phụ nữ Việt gần đây đua nhau lấy các chú lửng. Nghe nói các chú lửng đi đào bới bô-xít gì đó ở miền trung Việt cũng ra sức tìm đào Việt lấy chơi ! Thiệt là nhục nhã hết ý !

Ghi chú: Những Bước Lang Thang Trên Hè Phố Cửa Gã Bình Nguyên Lộc được in ở Sài Gòn vào thập niên 60, đến năm 1999 nhà xuất bản Trẻ cũng ở Sài Gòn tái bản

Nguyễn Thượng Hiền : lời gọi kêu hồn nước

Trong cuốn hồi ký của Phan Bội Châu có đoạn viết về Nguyễn Thượng Hiền như sau:

“Hoan Nghênh Cụ Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền “

Năm Đinh Vị(1907) tháng 7, vua Thành Thái bị phế, Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền tiên sinh, lúc đó đang làm quan đốc học tỉnh Nam Định, bỏ quan về nhà. Năm sau (1908) xuất dương. Tháng 3 năm Mậu Thân (1908) tôi từ Xiêm La trở về, gặp tiên sinh ở Quảng Đông, mời tiên sinh qua Nhật Bản, trước đã đánh điện cho Đồng Văn Thư Viện, dặn toàn thể học sinh, thượng tuần tháng 9, phái đại biểu đến Hoàn Tân, đón tiếp tiên sinh. Tiên sinh đến Đông Kinh, liền mở học sinh hoan nghênh đại hội. Lúc bấy giờ Đông Á Đồng Văn Hội, đương làm nhà mới cho học sinh ta, khí tượng vẻ vang, mượn viện đường mới làm sở hội hoan nghênh. Tiên sinh có làm bài khai hiệu diễn thuyết, và bài ca khuyến viện học sinh bằng quốc ngữ, ước vài ngàn chữ, có câu:

Cơm xào thịt giặc mới ngon

Bát canh chan giọt máu thù mới cam

Lại có làm một bản sách “Viễn Hải Qui Hồng” và bản “Tang Hải Lệ Đàm” thầy đem ra in, gửi về trong nước. Ngày sau trong lúc Âu chiến, tiên sinh bôn tẩu khắp Xiêm La, Hương Cảng, Quảng Đông, Quảng Tây, hết sức lo khi quân cách mạng. Nhưng đều không được như ý, nên bảy tám năm sau, say mùi thiền, dần thân ở nơi cửa Phật. Người Tàu, ai ham Phật học, thấy vui lòng chơi với tiên sinh.

Ồi người như tiên sinh chẳng phải là Trịnh Sở Nam, Chu Thuấn Thủy nước ta ư! (Phan Bội Châu Niên Biểu, Sài Gòn 1971, tr. 123)

Sử chép năm 1907, Pháp truất phế vua Thành Thái và đày ra đảo Réunion (Châu Phi). Lúc đó Nguyễn Thượng Hiền không tìm được sự cảm phần, phăng phăng đến Phủ Toàn Quyền Đông Dương ở Hà Nội chất vấn. Ông yêu cầu người Pháp khôi phục chức vụ cho vua. Nhưng dĩ nhiên việc không thành. Ông bèn bỏ việc quan, cải trang cùng với Đặng Thái Thân làm thương nhân trốn sang Trung Hoa hoạt động cách mạng.

Nguyễn Thượng Hiền sinh năm Bính Dần (1866) bút hiệu Mai Sơn, biệt hiệu Nam Chi. Biệt hiệu này cùng với Sào Nam Phan Bội Châu đều lấy từ câu cổ thi “Việt điều sào nam chi” (Chim Việt tổ cảnh Nam), chính thể mà cuộc đời hai ông có liên hệ mật thiết với nhau từ khi chưa hoạt động cách mạng.

Nguyễn Thượng Hiền gặp Phan Bội Châu ở Huế vào năm Đinh Dậu 1897. Cảm bài phú “Bái Thạch Vi Huỳnh” của Phan, Nguyễn Thượng Hiền kết thân bằng hữu, lại đem sách vở thơ văn trong và ngoài nước cho Phan Bội Châu xem. Đặc biệt “*Tiên sinh kể những việc nghĩa dũng của ông Tăng Bạt Hổ cho tôi (Phan Bội Châu) nghe, tôi chôn sâu người ấy ở trong lòng, và cái tư tưởng phá cũ xở lòng đến lúc đó mới manh động.* (Phan Bội Châu niên Biểu, SĐD tr 24)

Xem thể đủ biết sự nghiệp cách mạng của Phan Bội Châu bắt đầu từ Nguyễn Thượng Hiền, và hơi oi cũng kết thúc bởi Nguyễn Thượng Hiền ! Điều này chúng tôi sẽ trình bày ở đoạn sau.

Nguyễn Thượng Hiền người làng Liên Bạt, huyện Sơn Lãng, tỉnh Hà Nội (nay là phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông) con thứ hai cụ Nguyễn Thượng Phiên (Đậu hoàng giáp thời vua Tự Đức 1865, làm thương thư tòa nội các). Văn hay chữ tốt, Nguyễn Thượng Hiền đậu cử nhân rất trẻ (1884 – 18 tuổi). Nhưng chàng cử trẻ tuổi kia lại sớm chán công danh, bỏ nhà vào núi Na (Thanh Hóa) học Đạo. Núi Na là nơi có nhiều ẩn sĩ và đạo sĩ nổi danh từ rất xa xưa, đặc biệt vào thời Lý, Trần. Bất ngờ anh ruột qua đời, gia đình không người nối dõi, nên tìm Nguyễn Thượng Hiền về...lấy vợ! Vì đạo hiếu, chàng cử trẻ tuổi đành theo xe hoa của con gái quan phụ chính đại thần Tôn Thất Thuyết. Thế là từ đó công danh đeo đuổi. Đậu tiến sĩ năm 1892, Nguyễn Thượng Hiền làm đốc học Ninh Bình. Sẵn mùi Đạo, ông dán hai câu đối ở dinh đốc học:

Bích vân phương thảo cung thi liệu (mây xanh biếc, cỏ thơm non, đầy hứng thơ)

Hoàng cúc thanh sơn xứng hoạn tình (hoa cúc vàng, núi xanh lam, thật đáng việc làm quan)

Đại khái đời làm quan của Nguyễn Thượng Hiền rất hời hợt. Ông ham thích thơ văn phong cảnh, và ước vọng về một cõi thần tiên khác. Cuộc đời trước mặt đối với ông rất gượng ép, rất phiến toái, và rất mâu thuẫn. Ông không chấp nhận vị thế của một nước bị trị, với một triều đình cổ lỗ nhút nhát và hoen ố. Nhưng chưa làm được gì cụ thể, ông chỉ vui mình vào văn nghệ, không muốn làm quan. Trong bài hát nói “Chơi Chùa Thầy” có câu :

Nhân hướng mộng trung tranh tướng tướng

Ngã tông bôi lý trích kiển khôn

(người người trong mộng tranh nhau làm tướng

Mình ta bên chén rượu quăng trời đất đi)

Và câu :

Ngồi tính đót ba mươi hai tuổi lẻ

Thấy nghiêng trời lệch bể đã bao phen

Ta thấy ông là một nhà văn nghệ có ý thức, tiềm ẩn những tư tưởng kháng chiến cách mạng. Thời của ông là một thời vừa loạn lạc vừa nơm nớp khắc khoải của nước nhược tiểu bị trị. Ông cũng như nhiều nam nữ trí thức khác, thao thức khắc khoải trước tình nhà nợ nước. Vì vậy làm quan, hay làm dân, hay làm đạo sĩ thì lòng ông cũng ...ngậm ngùi !

Những cuộc gặp gỡ tri âm như cuộc gặp Phan Bội Châu năm 1897, chắc đã để lại nhiều hùng khí cho ông. Đến khi Phan Bội Châu thành lập Duy Tân Hội, sau là Việt Nam Quang phục Hội thì lòng ông chắc rất phấn khởi. Tháng 8 năm Giáp Tuất (1904) Phan Bội Châu ra bắc để từ biệt xuất dương sang Nhật Bản. Dịp này Phan Bội Châu làm bài

Xuất Dương Lưu Biệt

Sinh vi nam tử yếu vi kỳ

Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di

Ư bách niên trung tu hữu ngã

Khởi thiên tải hậu cánh vô thù

Giang sơn tử hữ sinh đồ nhuế

Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si

Nguyên trực trường phong đông hải khứ

Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi

(Thân trai đã sống phải hơn đời

Chẳng lẽ vẫn xoay mặt đất trời

Trong khoảng trăm năm còn có tớ

Lẽ nào ngăn trở lại không ai

Nước non chết chóc càng thêm nhục

Sách thánh mờ phai đọc lũ người

*Đông hải quyết theo cơn gió lớn
Vẫy vùng muôn dặm sóng xa khơi)*
Đào Mộng Nam dịch

Mấy năm sau (1907) Nguyễn Thượng Hiền cũng lên đường nhập cuộc với bài

Thuật Cầm

*Thất mã yên trần biệt cựu lam
Quyên khu thệ báo quốc ân thâm
Bổ thiên điền hải tụy nan sự
Phá phủ trầm chu tỵ trạng tâm
Vạn lý chinh sam tùy nhận độ
Tam canh hùng kiếm tác long ngâm
Hà thời thân hệ cường hồ cảnh
Qui đối giang sơn tửu mẫn châm*

Tà Mối Cảm Xúc

*Ngựa biệt rừng xưa ngựa bụi hồng
Quyết tâm đền trả nợ non sông
Vá trời lấp biển dù gian khổ
Đạp sóng ra khơi dẫu nhọc công
Muôn dặm chinh y tung cánh nhận
Canh khuya gươm báu thét oai rồng
Ngày nào trời được loài lang sói
Trở lại quê hương chuốc rượu nồng*
(Đào Mộng Nam dịch)

Thực là những lời gan ruột khảng khái đáp nhau. Từ đây đời ông gắn liền với Phong Trào Đông Du, cùng với Phan Bội Châu bôn ba đi Nhật về Hoa từ 1908 đến 1916

Cuộc cách mạng Trung Hoa năm Tân Hợi (1911) đã ảnh hưởng trực tiếp tới Duy Tân Hội của Việt Nam. Tháng giêng năm Nhâm Tý (1912) Tôn Trung Sơn được cử làm lâm thời Đại Tổng Thống, Trung Hoa bắt đầu theo chế độ dân chủ. Trước tình thế mới, Duy Tân Hội cải thành Việt Nam Quang Phục Hội, lấy “tam dân chủ nghĩa” của Tôn Văn làm căn bản tư tưởng, tổ chức thành ba bộ: Tổng Vụ Bộ, Bình Nghị Bộ, và Chấp Hành Bộ. Hội trưởng là Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, phó là Tổng Lý Phan Bội Châu. Nguyễn Thượng Hiền được cử làm Bộ Viên Bình Nghị Bộ Bắc Kỳ. Khí thế Việt Nam Quang Phục Hội rất mạnh, chế quốc kỳ (đây là lần đầu tiên Việt Nam có quốc kỳ, nhưng chưa có quốc ca), phát hành quân dụng phiếu, tuyên bố cương lĩnh... và tấn công Pháp bằng quân sự. Nhưng vì lực bất tòng tâm, phương tiện thiếu thốn, bao nhiêu cố gắng chỉ giết được tên tuần phủ Thái Bình là Nguyễn Duy Hàn, hai tên thiếu tá Chapuis, Montgrand... Bù lại, cách mạng bị thiệt hại rất nặng. Phan Bội Châu bị lên án tử hình. Cuộc lũng bắt VNQP rất gắt gao.

Đến tháng giêng, tháng hai năm quý sửu (1913) đảng nhóm họp ở Quảng Đông thì chỉ còn hơn trăm người! Tình hình cách mạng Trung Hoa cũng biến chuyển khác thường, và VNQP không còn hoạt động được. Thêm nhiều nghĩa sĩ bị tù, bị giết. Đến cuối năm đó (12-1913) thì Phan Bội Châu bị bắt cùng với cụ Mai Lão Bạng, giam ở ngục Quảng Đông.

Tháng 9 năm Ất Mão (1915) ở trong ngục, Phan Bội Châu ủy thác cho Nguyễn Thượng Hiền sang Thái Lan tiếp xúc với đại diện người Đức và người Áo. Nguyễn Thượng Hiền nhận viện trợ và nhận chỉ huy một đơn vị quân sự tấn công đồn Móng Cáy. Nghĩa quân tụ tập toan làm những cuộc tấn công biên giới để gây thanh thế. Nhưng tất cả đều thất bại vì không đủ thực

lực. Sau đó, Nguyễn Thượng Hiền bỏ đi tu ở chùa Thường Tịch Quang trên núi Cô Sơn (một thắng cảnh Hàng Châu, tỉnh Triết Giang, Trung Hoa). Ông thật sự sống hản với lời kinh tiếng kệ, và trăng nước thiên nhiên, không hề nói tới việc đời. Ông mất ở đó vào năm 1926, sau khi Phan Bội Châu bị Pháp bắt.

Còn về việc Phan Bội Châu bị bắt lần cuối cùng năm 1925, sở dĩ có liên quan đến Nguyễn Thượng Hiền như sau :

“Ngày 11 tháng 5 năm Ất Sửu (1925) tôi gấp lên Thượng Hải, tính làm xong việc gửi bạc đi Bá Linh thì tức khắc xuống thuyền đi Quảng Đông. Bởi vì thuyền Thượng Hải đi Quảng Đông chỉ mất có 5 ngày. Khi tôi ở Hàng Châu có mang theo bạc Tàu 400\$ tức là số bạc gửi cho ông Trần. Ai dè lúc tôi ra đi mà thời giờ hành động của tôi đã có kẻ nhất nhất mật báo với người Pháp, mà người mật báo đó chính là ở chung với tôi, nhờ tôi nuôi nấng! Việc thiên hạ đến như thế, tôi làm sao biết được. Người ấy nghe nói tên là Nguyễn Thượng Huyền. Lúc đầu nó mới đến Hàng Châu, đi một cặp với Trần Đức Quý, tôi đã lấy làm nghi, nhưng nghe nói người ấy là cháu cụ Nguyễn Thượng Hiền, gọi cụ Thượng Hiền bằng ông chú, học thông chữ Hán, đã từng đỗ cử nhân, chữ Pháp và chữ quốc ngữ cũng đủ xài. Tôi nhân yêu tài nó, lưu nó làm thư ký, còn như nó làm ma cho Pháp, tôi có nghĩ tới đâu!

12 giờ trưa ngày 11 tháng 5 âm lịch, xe lửa Hàng Châu đi đến Bắc trạm, tôi vì nóng gửi bạc cho ông Trần nên gửi đồ hành lý ở nhà chứa đồ, chỉ cách một cái ca bằng nhỏ, đi ra cửa ga thì thấy một cái xe khá lịch sự, đứng chung quanh có 4 người Tây, tôi không nhận ra được là người Pháp. Bởi vì ở Thượng Hải, người Tây nước nào cũng có, khách sang trọng biết chừng nào mà kể; đem xe hơi rước khách cũng là thông lệ của lữ quán to. Tôi có biết đâu chiếc xe hơi này là đồ của kẻ cướp bắt cóc người đâu! Tôi mới ra khỏi cửa ga vài ba bước thấy có một người Tây hung dữ lại trước mặt tôi, dùng tiếng Quan Thoại mà nói với tôi rằng: “Trưa cơ xé hần hào, xênh xiênh sáng sang xê.” Tôi đương cự rằng: “Uợ bá giầu.” Thịnh linh ba người Tây nữa ở sau xe ra, hết sức đẩy tôi lên xe, máy xe tức khắc vận thì tôi đã vào tô giới Pháp! (Phan Bội Châu Niên Biểu, tr. 211 – 212).

Đó là câu chuyện mà đến khi nhắm mắt (29 tháng 10 năm 1940) mối tình đồng chí keo sơn giữa Phan Bội Châu và Nguyễn Thượng Hiền vẫn còn chút sương mù. Nguyên bấy giờ (1925) Nga Xô muốn đem chủ nghĩa Cộng Sản vào Á Đông nên đặc biệt cử một phái đoàn sang Quảng Châu làm cố vấn cho chính phủ miền Nam Trung Hoa. Phái đoàn gồm Borodine, Galen tức Blucher, và Lý Thụy (tức Nguyễn Ái Quốc, tức Hồ Chí Minh). Hồ bèn tìm ngay đến trụ sở Phan Bội Châu, và trình bày cái gọi là “Toàn thế giới nhược tiểu dân tộc liên hiệp hội”. Hội này có tham vọng lãnh đạo và xúi giục các nước nhỏ đang bị đô hộ như Việt Nam, chống lại đế quốc thực dân và tư bản, giành lại độc lập. Hồ đề nghị VNQPH nên gia nhập và đổi tên là “Toàn thế giới nhược tiểu dân tộc, Á Đông bộ, Việt Nam chi phân bộ.” Có nghĩa là đảng Việt Nam nằm trong hệ thống chính trị đấu tranh giải phóng của quốc tế, đặc biệt là Á Đông.

Phan Bội Châu không những bằng lòng, còn đi tìm các đồng chí cũ về, như Nguyễn Thượng Hiền đang lánh tu ở Hàng Châu. Nhưng lúc Phan Bội Châu vắng mặt thì ở nhà (Quảng Châu), Hồ Chí Minh và Lâm Đức Thụ âm mưu triệu tập một buổi họp không có Nguyễn Hải Thần, để tìm cách bán Phan Bội Châu cho Pháp. Họ lấy cớ là cần tiền hoạt động, mà cụ Phan đã già, chết cũng không sao, có khi chưa chắc bị xử chết. Dĩ nhiên tất cả đều là sự sắp đặt của Hồ Chí Minh. Y mua chuộc được hội nghị để có danh hành động. Vừa bán được Phan Bội Châu lấy tiền, vừa được tiếng là “hoàn tất công tác của 2 đảng một cách tốt đẹp”. Y bèn phái Nguyễn Thượng Huyền là cháu Nguyễn Thượng Hiền (đề cụ Phan tin) bam sát Phan Bội Châu, báo cáo mọi hành động của cụ. Thật là một thâm kế. Đến nay cả Hồ Chí Minh cũng đã chết. Nhưng chắc gặp hai cụ Nguyễn, Phan dưới suối vàng, chắc y chỉ cúi đầu lần trốn. Hoặc y sẽ cười già lã. Hoặc y sẽ làm mặt lạnh phớt lờ. Chỉ có hai nhà cách mạng lão thành kia tùm tùm cười với

nhau. Hoặc là đưa mắt nhìn nhau, rồi lại nhìn về non nước Việt Nam mà lặng lẽ không nói một điều gì nữa.

Nguyễn Thượng Hiền để lại nhiều tác phẩm, nhiều bài thơ rải rác, trong đó có cuốn “Nam Chi Thi Tập”. Dân gian rất truyền tụng bài phú: “Bài Phú Cải Lương Hối Nước Ta Mới Duy Tân” Bài phú này đặc biệt đã xử dụng hàng trăm câu thành ngữ, tục ngữ, ca dao từ dân gian ghép lại. Sau có in trong Văn Đàn Bảo Giám do Trần Trung Viên và Hư Chu biên tập, nhà Mạc Lâm xuất bản. Khi ở Quảng Đông, được tin vợ mất, Nguyễn Thượng Hiền làm bài

Điều Nội

Ngưỡng quan thiên, thiên dĩ vân ê tứ sắc, phủ quan địa, địa dĩ kinh cức hoành sinh, bảo tuyết xan sương, gian quan thiên lý ngoại, thương hải vị năng điền, thế ngã tráng tâm, khởi phục gia hương oanh lữ mộng.

Thiếu tòng phụ, phụ dĩ quân sự xuất môn, trưởng tòng phu, phu dĩ quốc nạn tha thích, hàm tân nhữ khổ, chung thủy số thập niên, bạch đầu ưng cách thậm, đa quân táo giác, tiên tương cân trất đoạ sâu căn

(Trông lên trời, trời đã bốn bề mây bủa, cúi nhìn đất, đất đã gai góc tràn lan, uống tuyết ăn sương, gian lao ngàn vạn dặm, bể thảm còn chưa lấp, nước non trót nặng lời thề, lẽ để hồn quê vương vấn mộng.

Trẻ theo cha, cha vì việc vua ra đi, lớn theo chồng, chồng vì việc nước xa lánh, nuốt cay ngậm đắng, sau trước mấy mươi năm, đầu bạc hẳn càng buồn, duyên nợ khen ai khéo tính, trước đem gương lược cắt giây sâu.) Đặng Thai Mai dịch.

Bài Điều Nội có nhiều bản chép khác, như bản của cụ Hồng Liên Lê Xuân Giáo đăng ở Việt Nam Khảo Cổ Tập San số 6, Sài Gòn 1970. Nhưng bản của Đặng Thai Mai sưu tầm đầy đủ và hay hơn cả.

Bài “Ký Quốc Nội Đồng Chi” là một bài gan ruột của nhà cách mạng Nguyễn Thượng Hiền đã được lưu truyền sâu rộng trong giới sĩ phu bấy giờ. Nguyên văn:

*Nhiệt huyết mãn hung ức
Bi ca thế nan thu
Hành đặng hải ngoại sơn
Dẫn Lĩnh vọng Viêm châu
Dao tri trần ai tế
Bất phạp anh tuấn lưu
Phấn lực khuông Hán tộ
Thi tâm báo Hán cừu
Phong lôi minh tráng trí
Thần qui vận âm mưu
Tự nhân phách lực đại
Năng tẩy sơn hà tu
Thiếu dao bất đắc kiến
Sử ngã tâm phiến ưu
An đắc tháp lương dực
Lãng phong tâm cựu du
Luân tâm cộng nhất thất
Lập sự kỳ thiên thu
Ngã bang linh tú vục
Nhân vật đa thù vưu
Lam sơn dữ Đằng thủy*

Tiền liệt do binh vu
Ta tai ngã đồng bào
Xử thế đương tự do
An năng khốn ky ách
Cục xúc đồng mã ngư
Nam nhi thất xích thân
Vị quốc hoài tráng du
Tử vi Đặng tướng quân
Sinh vi Tế Văn Hầu
Lê chưng xuất thủy hỏa
Ngô nguyện phương thiếu thù
Minh công tại hà xứ
Viên Tản thiên phong đầu

Đào Mộng Nam đã diễn ngâm như sau:

Gởi Đồng Chí Trong Nước

Trái tim hồng sục sôi máu đỏ
Buồn hát vang lệ đổ toi bờ
Trèo lên đỉnh núi trông vờ
Nước non cách trở dặm khơi mịt mù
Quê hương ấy ta từng thấu tỏ
Trai anh hùng nào có thiếu chi
Ngày đêm ra sức giúp vì
Diệt thù dựng nước cứu nguy đồng bào
Chí dọc ngang sấm gào gió thét
Mưu quỷ thần quét sạch sài lang
Nung gan luyện chí sẵn sàng
Sao cho non nước rỡ ràng mới cam
Chốn xa xôi mắt làm sao ngó
Mảnh hồn ta vò vỡ năm canh
Ước gì mọc cánh bay nhanh
Vượt ngàn sóng gió để mình có nhau
Dưới mái tranh chung đầu tính kế
Nghị lớn xây hậu thế lấy lòng
Nước ta là đất anh hùng
Hàng hàng lớp lớp cây rừng chen chân
Bạch Đằng giang Lam Sơn chói lọi
Vinh quang xưa còn rọi ngàn sau
Than ơ dân Việt khổ đau
Kiếp người thân ngựa phận trâu sao đành
Lẽ nào chịu khom mình tuân phục
Chịu học nhân tui nhục sao đành
Thân trai bảy thước ngang tàng
Hãy vì tổ quốc hiên ngang quên mình
Hịch Nguyễn Trãi uy linh tạc dạ
Thơ Đặng Dung chí cả làm lòng
Giúp dân thoát cảnh cùm gông
Để ta trả sạch núi sông nợ nần
Công lao ấy chẳng cần ghi nhớ

Vấn ngàn năm rục rờ Ba Vi.

Đặc biệt bài Chiêu Quốc Hồn được truyền tụng nhiều nhất. Bài này Nguyễn Thượng Hiền làm trong những giây phút bừng bừng khí thế cách mạng. Khi lên án bọn phản dân bán nước, hoặc những kẻ luồn nịnh, những hạng sâu mọt... lời ông như tiếng sấm sục sôi. Không thể tha thứ được bọn ấy, cũng như không thể không ngợi ca khích lệ những bậc nghĩa sĩ anh hùng. Tiếng lòng ông, cũng như tiếng lòng của **NGUYỄN CAO: TỰ PHẬN CA**, như tiếng lòng của bao nhà chiến sĩ tiên phong cách mạng Việt Nam, đã tô thắm tờ văn sử.

Bài Chiêu Quốc Hồn chúng tôi dựa vào bản đã sửa chữa của cụ Hồng Liên Lê Giáo như sau :

CHIÊU QUỐC HỒN

Việt Nam quốc nhân Nguyễn Thượng Hiền cần dĩ nhất phiến đan tâm, mẫn thiên huyết hận, chiêu ngã Việt Nam quốc hồn nhi cáo chi viết:

Ô hô! Quốc chi lưỡng gian, đại tiểu tuy thù

Mạc bất hữu kỳ quốc hồn, nhi ngã độc vô ?

Phỉ ngã quốc chi vô hồn, nhân tính thực ngu

Duy lợi thị thị, duy danh thị xu

Dĩ xiêm du vi đắc sách, thị trung nghĩa vi úy đồ

Bất tri bang quốc điển diệt chi khả thống, đản tri thân gia phi noãn chi kham ngu

Đương quốc cừu chi nhiều bại, thực hữu cơ chi khả đồ

Hợp ngô quần khả dĩ phục Sở, phẩn ngô lực khả dĩ chiêu Ngô

Nhi nãi hôn hôn mặc mặc, triều điềm mộ du

Mị địch giả dĩ vạn kè, ứng nghĩa giả vô nhất phu

Ai hĩ tai, cử quốc dai bất tri miễn sĩ, hà quái bỉ súc chi như khuyển trung đồn, nhi thác chi nhược viên hạ câu

Ô hô! Quốc do tại thị, hồn tắc yên tồ ?

Ngã kim đăng cao, phát thanh dĩ hô :

Tây cống chi vực, Đông kinh chi khu

Hoan Ái chi điện, Hương Bình chi đô

Khởi vô nhất nhị nghĩa sĩ, niệm quốc nạn chi khuông phù ?

Khởi vô nhất nhị di dân, khích nghĩa niệm dĩ trì khu ?

Ư dĩ tuyệt chủng tộc chi sĩ, ư dĩ tẩy sơn hà chi ô

Ô hô! Hồn như khả tri, hạp qui lai hồ?

Anh phong kinh khí, phản kỳ chân ngô

Vật trầm luân ư nô giới, ô thử phát phu

Vật báí khế ư lỗ đình, nhục thử đầu lư

Qui tai! Qui tai! Niệm nhị Tiên Tổ, nhược Lê Thuận Thiên đế chi phá địch, nhược Trần Hưng Đạo vương chi cầm Hồ

Qui tai! Qui tai! Thị nhị lân cảnh, nhược Trung Hoa chi chấn hưng ư Vũ vực, nhược Nhật Bản chi xưng hung ư hải ngưng

Thiên nhân vạn nhân, các tề nãi tâm, nhất nãi lực, khiến nãi tích, hoàng nãi mô

Sử thế giới chi nhân dai quát mục nhi viết:

Bĩ Việt Nam giả kim dĩ năng phẩn nhiên độc lập, bất cam vi Pháp Lan Tây nhân vĩnh thế chi nô

Ô hô! Đồng bào! Ngã nguyện tứ thiên niên minh linh chi quốc hồn, lại nhĩ tráng chí chi xuy hư, hoác nhiên tại tồ

Bất tuần bỉ nhất ban trư tâm cầu phé, nô nhan ti tất dĩ câu tồ.

Áng văn chương trác tuyệt này đã được diễn dịch bởi nhiều bậc thâm nho ái quốc. Chúng tôi mạo muội diễn ngâm :

LỜI GỌI KÊU HỒN NƯỚC

Người dân Việt Nam là Nguyễn Thượng Hiền, với một tấm lòng son, đầy trời máu hận vong quốc, xin thành khẩn kêu gọi hồn thiêng sông núi Việt Nam, và kính trình như sau:

Ôi các nước ở trong trời đất
Dù nhỏ to chẳng mất quốc hồn
Lẽ đâu riêng nước Việt mình
Hồn thiêng sông núi vô tình hay sao?
Nhưng hồn nước ôi chao vẫn đó
Chỉ tại ta nghèo khó tham lam
Lợi thì tít mắt làm cần
Nghe danh là bám như đàn nhặng xanh
Việc nịnh nọt ra danh ra giá
Chuyện quốc gia quấy quá trốn xa
Hết lo thân tới lo nhà
Hỡi ơi nước mất mới là đớn đau!

Bọn quốc thù nay đang khốn bại
Chính là cơ nghĩ lại cho tròn
Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao
Nghĩa lý ấy người nào cũng biết
Tại sao còn mù điếc ham vui
Bám đuôi nịnh hót quân thù
Chẳng ai theo đuổi con đường quốc gia
Chua xót thay nước nhà bị nhục
Toàn dân như trâu ngựa heo gà
Nước đây hồn ở đâu đâu
Đứng lên ta gọi một bầu máu tươi :
Hỡi ba miền này Trung Nam Bắc
Huế Sài Gòn Hà Nội thân thương
Há không nam nữ lên đường
Cùng nhau cứu quốc hết lòng được sao ?
Trước là để rửa hờn sông núi
Sau làm cho nòi giống vinh quang
Hồn có biết hãy vang suốt cõi
Khí hùng xưa đổi đổi hồn a !
Hồn về gột sạch tóc da
Không còn cúi mặt người ta chê cười
Hồn hãy về hồn ơi hồn hỡi !
Tổ tiên ta rạng rỡ anh hùng
Lam Sơn kháng chiến vẫy vùng
Đức Trần Hưng Đạo lấy lừng chống Nguyên
Hãy trở về hồn ơi hồn hỡi !
Thử ngoái xem mắc cỡ láng giềng
Trung Hoa cách mạng ba miền
Phù Tang ngạo nghễ xưng hiền biển đông

Chữ đồng tâm vạn người như một
Hãy cùng nhau lột xác đứng lên
Hãy cho thế giới biết rằng :

*Việt Nam độc lập quét bằng thực dân
Hỡi đồng bào ruột gan thân quí
Bốn ngàn năm hồn nước thiêng liêng
Về đây hùng khí ngập trời
Như luồng gió mới xây đời tự do*

*Còn những bọn lòng heo dạ chó
Cùng những phường đón gió sẵn hơi
Suốt đời thân phận tôi đòi
Chết cùng chết quẫn như giò bọ thối .*

San jose 11/1988

Dấu chấm của cuộc chiến

Tôi đi bên cạnh người đại tá. Con đường vắng, đầy hoa lá. Rừng núi Santa Cruz tràn ngập mùi ngái nồng của thiên nhiên đang bật nở. Gió xuân lạnh lạnh, dù nắng rất huy hoàng ở trên cao. Chúng tôi ăn mặc chỉnh tề, đủ ấm, và đều đội mũ. Tôi bỏ hai tay trong túi, lững thững. Người đại tá băng quơ ngắt những đóa hoa bên đường. Dường như mỗi đóa hoa ông đều đưa lên người rất tận tình. Trong con-mắt-không-còn-trong của ông là một nỗi đắm đuối. Gờn gợn như những nếp nhăn ở hai bên thái dương.

- Không hiểu sao tôi bỗng nhớ mấy đứa cháu quá anh ạ.
Tiếng ông trầm như lời tôi về một thời rất xa ở miền Bắc. Tôi cũng ngắt một nụ hoa. Không nghĩ. Chỉ nhìn rất sâu vào cánh và nhị. Tôi nói vu vơ đáp lời ông:
- Trẻ con mới thật là những nụ hoa.
- Thế còn đàn bà? Ông hỏi đùa.
- Đàn bà là những cái lá. Tôi cười lớn.
Ông cười theo. Tôi nghe được tiếng vang của giọng cười tôi lớn quá, át cả tiếng cười rất âm của ông. Tôi vội ngậm. Ngượng ngùng. Chúng tôi dừng bước giữa khoảng trời đất quang đãng. Cỏ xanh mời chúng tôi ngồi xuống. Đã quá trưa, sắp chiều. Tôi nói như ngâm nga:
- Chẳng phải hoàng hôn cũng nhớ nhà.
Ông ngả lưng trên cỏ. Co cánh tay làm gối. Nắng không chói nên mắt ông mở lớn. Khuôn mặt thư giãn. Tôi ngồi gần quá nên nhìn được những đường rãnh li ti chằng chịt trên da mặt ông. Mũi bầu bĩnh. Lông bên trong sọc nâu sọc trắng. Nhân trung sâu dài vừa phải. Cánh môi không đỏ. Nếu ông để râu thì sẽ thưa và không đẹp. Chân râu lấp lánh. Chắc ông sẽ thọ lắm. Trong một thoáng, tôi nghe được cả người ông đang thờ hoang mang. Và một mùi vị lạ lùng, vừa thân vừa sơ. Mùi ấy từ thân thể ông thoang thoang tỏa ra. Mùi của rừng, của núi, của đồng đất. Cộng với mùi thơm rạ củi gỗ pha lẫn nắng mưa. Hốt nhiên cả cánh đồng Miền-Việt ùa về theo ký ức. Đại đội chia làm ba, tiến vào một ngôi làng. Tiếng súng nổ chát chúa. Tôi không thấy khói. Chỉ người thấy mùi chiến tranh. Người lính bên tôi kêu rú. Và ngã chúi. Máu vọt ra rất nhanh. Trong nháy nháy đã đổ thấm đầu và mặt hẳn. Màng óc tôi như ống kính ghi chụp rất rõ khuôn mặt máu máu đỏ. Màu da tái xanh rồi tím ngắt. Và điều không thể ngờ là, ngay lúc đó, dù tim tôi đang đập loạn, dù tai mắt tôi đang căng cứng đối phó với sự chết lặng vàng, tôi vẫn nghĩ đến câu thơ của Đoàn Phú Tứ *màu thời gian không xanh, màu thời gian tím ngắt*. Và gật gù một mình. Tôi kinh dị nhìn tôi. Nhìn xác thân người lính đang được tải đi. Nhìn đồng đội từng khuôn mặt lấp ló màu tím đang nghiêm trọng tiến quân. Cỏ cao gần thất lạng. Rừng lá xanh khô khốc. Nắng đỏ trên thân thể nhớp nháp mồ hôi. Hình như tôi đang mất rất nhiều cảm giác...
- Trời thế này thì nhớ nhà thật.

Giọng ám áp của người đại tá kéo giật tôi. Vang trong tiếng ông là những tiếng động thầm thì của dĩ vãng. Tôi hỏi:

- Bây giờ, ở đây, anh nhớ nhất cái gì ?
- Nhớ nhất vẫn là mấy đứa cháu.

Ông khẽ đáp, cả bằng ánh mắt nhìn trời. Tay ông đang giữ một bó hoa dại. Người đại tá ấy từng xông pha nhiều mặt trận. Là phóng viên chiến trường, tình cờ tiến vào Dinh Độc Lập ngày 30 tháng 4 năm 1975. Ông thành đại diện chính phủ Hà Nội tiếp thu Sài Gòn.

Buổi tối hôm ấy gia đình tôi vừa tới đảo Guam. Không khí hoang mang hoảng hốt của những người di tản làm cái đảo này như đang bị lụt trong nước sôi của biển. Chúng tôi chụm đầu nghe radio tin tức quê nhà. Đến khi đài BBC loan: “...*một tấm bia vừa dựng lên: Nơi An Nghỉ của chế độ Cộng Hòa sau 20 năm chiến đấu*” thì hàng loạt tiếng khóc nức vang lên. Sự thật lúc ấy muốn không khóc cũng không được. Nước mắt chan chứa, cứ cuộn cuộn tuôn ra...

- Còn anh ? Anh nhớ gì ở quê nhà ?

Tiếng ông lại kéo giật tôi lần nữa. Nhưng lần này tôi nổi giận. Tôi toan nói mấy câu gắt gỏng khó chịu. Tiếng quạt động cơ rít lên gầm gừ. Chiếc trực thăng bốc chúng tôi lên thẳng trên cao. Tôi nhìn xuống Sài Gòn đang nhỏ bé dần trong nước mắt. Một tiếng kêu thất lạc ngoài đời hay trong tim khiến tôi nức nở. Cố gắng cười. Rồi tôi thấp giọng hỏi ông:

- Chắc anh chẳng quên được cái ngày đầu tiên theo xe tăng húc sập cổng Dinh Độc Lập ? Thế lúc ấy anh có cảm giác gì? Anh có thể nhớ mà tả thực cho tôi nghe được không ?

Ông nghiêng mình nhìn tôi rồi lại ngả ra nhìn trời. Mắt ông nhắm lại. Tôi ngại gây tiếng động nên ngồi yên. Rất yên. Chờ đợi.

Tôi và ba người lính ngồi rất yên dưới hố đất thấp ven rừng. Rừng lá vẫn khô khan. Không gió. Những khẩu súng cũng rất yên. Chờ đợi. Lệnh của Đại Bàng. Nhưng bụng chúng tôi không yên. Nó réo lên vì đói. Một người ra mặt hiệu sẽ nấu cơm. Hấn lúi húi bỏ gạo vào nón sắt. Tồn cả bi-đồng nước mới đủ nấu. Tất cả không gây tiếng động. Trời và rừng vẫn im phăng phắc. Ba người chúng tôi ôm súng canh chừng. Lâu lắm. Tôi liếc thấy hấn ném mấy hạt cơm. Mùi cơm thơm kỳ lạ, làm tỉnh mọi giác quan. Khuôn mặt hấn đỏ hồng và mếu máo vì khói lửa. Hấn vừa buột miệng: “chín rồi!” vừa bê nón sắt cơm đứng lên. Đoàng một cái! Tiếng nổ chát chúa bành hoàng! Tiếng kêu nức của hấn rất ngắn. Lập tức máu ứa loang trên mặt. Tràn vào nón sắt cơm còn ghì ôm trên ngực. Màu cơm trắng. Màu nón sắt xanh cứt ngựa. Màu đỏ máu tía. Cùng với hơi khói mờ đục tỏa bay. Trong hầm đất thấp. Giữa rừng khô thưa lá. Và tôi kịp nhận ra đàn kiến vẫn lặng lẽ đi thành hàng...

Đàn kiến dẫn tôi đến một ngôi làng heo hút. Chúng tôi đã trút vào làng không biết cơ man nào là đạn, lựu đạn, M79... Đến khi thận trọng tiến vào làng thì không thấy gì ngoài những đám cháy nhỏ rải rác. Không cá chó gà... Và bất ngờ ở một hầm đất tránh bom chúng tôi nghe được tiếng người vọng lên. Lập tức đám lính chĩa súng vào miệng hầm, tay cầm lựu đạn quát: “*Ra ngay! Không thì chết!*” Dưới hầm im lặng. Tôi len đến gần. Lính lại quát: “*Ra ngay! Một lần nữa: Ra ngay! Chúng tao bắn này!*” Vẫn im lặng. Họ toan bắn. Tôi cản, và quên cả thận trọng cơ bản, ghé sát miệng hầm nói từ tốn: “*Các người nên ra vì nếu không sẽ chết hết. Vì lựu đạn sẽ ném xuống. Không còn cách nào khác đâu. Ra là sống!*” Im lặng. Rồi rất từ từ, chúng tôi thấy người chui ra. Lần lượt. Toàn trẻ em, phụ nữ, một ông già, tất cả đến tám mạng! Họ đều run rẩy, hoang mang ngỡ ngàng! Tôi không dám nhìn họ lâu. Suýt nữa, chúng tôi chỉ là những kẻ giết người !

- Thực tình thì bấy giờ mình rất đói, và rất khát.

Giọng ông chùng và thân mật. Tôi vội thu ánh mắt miên man. Thật sự nhìn ông. Ông nói tiếp:

- Anh bảo, mấy ngày đi bộ dài như thế. Mệt lắm chứ!

Tiếng “chứ” kéo dài và hát cao. Nửa như phân trần. Tôi tần ngần nhìn cây cỏ. Con người ấy, mười năm trước tôi thấy trên kênh truyền hình PBS trả lời những câu phỏng vấn; loạt Toàn Bộ Cuộc Chiến Tranh Việt Nam của Stanley Karnow. Chiếc xe tăng lừng lững húc đổ cổng Dinh Độc Lập Sài Gòn. Còn trong vụ Thiên An Môn 1989 ở Trung Hoa, chiếc xe tăng bị một thanh niên đứng cản. Hai hình ảnh cùng xuất hiện trong màng óc tôi.

Đại đội đi theo sát những chiếc xe tăng. Bánh xích sắt nghiền nát mặt đất. Cỏ khoai ngô sắn bắn tung tóe. Tầm đạn AK khi cao khi thấp vẫn trả lời loạng choạng. Tôi thấy bóng người thấp thoáng ở rất xa. Lập tức hàng loạt đạn M16 tuôn nổ như bắp rang. Một chiếc tăng gầm rú phóng lên như trâu điên. Những bụi tre gai quằn quại đổ. Đất đỏ quắn lại như những mảnh thịt vụn. Nhưng rốt cuộc chúng tôi không tìm thấy một vết máu nào.

Chống tay ngồi dậy, gió núi lùa theo bao nhiêu mùi hoa lá, người đại tá khều tay tôi, giọng tâm sự:

- Anh biết không. Khi vào đến cổng Dinh Độc Lập tôi mới thấy rằng mình đã quá mệt. Mặc kệ hết! Tôi nằm bừa xuống cỏ. Ngửa nhìn trời. Qua tầng lá me hay phượng vĩ gì đó, tôi thấy trời xanh lơ. Và những cụm mây trắng lững lờ. Trong đầu tôi chỉ có một ý tưởng là :“ *À! Chiến tranh đã chấm dứt!*” Anh không thể nào hiểu được chúng tôi lúc đó. Chiến tranh đã chấm dứt!!! Nghĩa là...từ đây...chúng tôi sẽ...không còn đói khát – cực khổ - và...day dứt !
Khuôn mặt ông biểu lộ sự thành thực trong khi nói. Tôi nhìn và tôi tin. Chúng tôi từng đi bộ. Ba lô, đạn dược, và ngay cả trang phục nặng nề. Nắng hoặc mưa. Rừng núi sinh lầy hay đồng ruộng. Đoàn quân phải bước theo lệnh. Mặc kệ phổi ai, bụng ai, và tim ai đau thế nào! Đã nhiều lần tôi không điều khiển được đôi chân. Miệng há hốc. Đầu óc rỗng toang. Chẳng biết cao hay thấp. Chỉ muốn nằm thẳng cẳng! Ra sao thì ra! Thì vừa may có lệnh ngừng. Tôi còn cố đứng. Cố nhìn chung quanh. Cố làm ra vẻ bình tĩnh, ra vẻ chu đáo cẩn thận, trước khi lăn quay xuống đất hay cỏ. Con người tôi thường chống chọi với bản năng. Thành ra trong cuộc chiến, tôi luôn phải chiến đấu song trùng. Nhưng dù cố gắng đến đâu tôi vẫn kém xa một người anh họ. Anh cùng binh chủng, và tác chiến như tôi. Thế mà suốt thời gian ấy anh vẫn học và viết cả dưới giao thông hào để hoàn tất luận án tiến sĩ. Hồi đó chúng tôi đang độ tuổi hai mươi – ngạt ngào lý tưởng, và ...tràn đầy tự phụ! Vì kém ngoại ngữ, tôi bèn lập dị bằng cách học chữ Nho. Thế là trong ba lô, trong túi quần tôi đầy chữ Nho. Học nhồi học nhét những nét xoắn nét móc chỉ để bớt mặc cảm về sự ít học của mình. Gặp anh , tôi được dịp khoe kiến thức cổ văn . Dĩ nhiên để nhận lời khen ngợi. Hỡi ơi! Sang Mỹ mấy năm sau tôi mới được tin anh bị tù, rồi bị bắn chết ngay chân rào trại giam! Anh từng viết lên tường, bên giường ngủ: “ *Sống để trở thành Linh Hồn Việt Nam*”. Cuối tháng ba năm 1975, chúng tôi còn chờ nhau trên chiếc vélo solex đen, giữa Sài Gòn, để ngắm “ *thành phố đang đi vào lịch sử*”, lời anh tiên đoán. Chiếc vélo solex đen mong manh của chúng tôi nếu húc vào cổng Dinh Độc Lập thì chắc chắn xe cong đổ chứ cổng dinh vẫn ...thản nhiên. Tôi chắc rằng khi chiếc xe tăng ừ sập cổng Dinh Độc Lập thì đoàn quân cộng sản hả hê reo hò. Họ hò reo trên bao nỗi đớn đau của người bại trận. Chuyện ấy từng lặp lại mãi hoài trong lịch sử. Biết thế nhưng tôi vẫn tức tối hỏi quạu:
- Đã thế sao các anh không từ tốn mở cổng Dinh đi vào ? Làm oai làm tướng húc đổ cổng để làm gì? Hành động ấy có khác gì quân thảo khấu ?
- Anh thừa biết mà. Lính tráng họ hứng lên thì có trời mà cản. Ông khoát tay cười xòa. Tôi đứng bật lên. Cũng có hơi bất lịch sự với ông. Nhưng trong tôi đang vừa sôi nổi tức tối và buồn bã. Tôi bước hụt hẫng bờ vờ. Trời không có khói. Chỉ có mây dàn hàng ngang. Và hơi thở tôi dồn nén theo hàng dọc. Đòi người mấy khi hơi thở được tương thông. Có lúc ta thở dài. Đôi khi ta thở ngắn. Nhiều khi ta thở không ra hơi và... nắc cục. Rồi một ngày đẹp trời, ta ...không thở nữa!
Tháng 4 năm 1971, tôi bỏ ăn bỏ ngủ vào Bệnh Viện Cộng Hòa ở Gò Vấp nhìn bạn tôi nằm...thờ. Anh được tải thương từ chiến trường Cambodia về vì mảnh đạn B40 lọt xuống phổi. Người ta đục ngực, gắn ống plastic để nước dờ và mủ trong phổi có chỗ thoát ra. Anh phải thở bằng ống dưỡng khí. Tuy không nói được, nhưng mắt anh hiểu, và nhếch cười khi nhìn tôi. Một người bạn khác viết đùa hai chữ TỊNH KHẨU để trước ngực anh. Ngực anh vẫn đều đặn nhô lên thụp xuống. Bấy đêm sau, tôi một mình dăm dăm theo dõi ngực anh. Bỗng thấy ngực anh thụp xuống rồi...không nhô lên nữa! Tim tôi rối loạn như nghe những tràng đạn AK xối xả. Anh chết trẻ quá, mới vừa tuổi 23. Trong cuộc chiến, bấy giờ chúng tôi chỉ là những thanh niên hăng say lý tưởng và ...ngờ ngịch. Chiến tranh làm cái chết mất đi vẻ thần bí và lãng mạn. Nó vội

vã, bất ngờ, trắng trợn và tàn nhẫn. Nó dựng đứng trước mặt sau lưng. Nó chặn đứng mọi lối thoát của đời người.

Bao nhiêu năm sau cuộc chiến, ở Mỹ tôi liên lạc được với người bạn cũ cùng đơn vị. Anh đã bị cùm kẹp tra tấn hơn 10 năm ở Việt Bắc. Tội của anh là đeo lon đại úy và làm thơ. Thân anh rư liệt. Nửa người tê và phù thũng. Anh nói qua ống nghe: *"Tao biết Phật Chúa dạy từ bi bác ái. Nhưng xin lỗi. Để kiếp sau. Kiếp này tao không thể quên được hận thù."* Tôi nghe tê tái quá, chỉ lặng thinh, tôn trọng nỗi đau của anh. Anh là một nhà thơ, thỉnh thoảng mới viết văn. Hồi đó chúng tôi vừa chiến đấu vừa chơi trò đố thơ với nhau để giải trí, hoặc để...bớt sợ. Trò chơi đơn giản: người đố đọc một chữ như "đau".Kẻ kia ráng tìm ra câu thơ có chữ ấy, với tên bài, tên tác giả. Chỉ có thể mà chúng tôi chơi dưới giao thông hào, trên võng hành quân, và ngay cả trong lúc ...đánh trận! Y hết những đứa trẻ con nhà nghèo say mê chơi nút chai và ...lời cuộn chỉ! Tôi nghe được tiếng ông đứng lên. Hơi nặng nhọc. Tôi dừng lại, nhìn bụi cây hoa trắng. Mùi ông mỗi lúc mỗi gần. Tiếng ông chọt cát lên:

- Mình không biết anh có ở quân đội không. Chiến tranh nó kỳ cục lắm! Thê thảm, bất công, man rợ, đã đành. Nhưng cái đáng sợ nhất là nó làm ta day dứt! Trong cuộc chiến tiếp theo năm 1979 ở Cambodia, nó khủng khiếp ngoài sức tưởng tượng. Đồng thời nó day dứt quá sức chịu đựng.
- Chẳng hạn như ? Tôi cố lạnh lùng hỏi.
Tay ông hái thêm đóa hoa trắng, nhỏ giọng:
- Chẳng hạn những xác phụ nữ Việt bị lính Miên hiếp rồi cho nổ nát âm hộ...
Tôi lại cúi:

- Tôi đọc báo hồi đó, đảng và nhà nước các ông la toáng lên vì những chuyện ấy rồi. Nhưng tình cờ sau này tôi quen một thanh niên giang hồ. Anh ta từng dự trận ở Cambodia cuối năm 1978, đầu năm 1979. Anh ta bảo đoàn quân phần lớn là trai trẻ tuổi từ 16 đến 30. Họ tình nguyện hoặc bị cưỡng bách. Anh ta 17 tuổi, vì túng quẫn nên tình nguyện. Và cũng chuyện khát máu man rợ ấy từ đoàn quân Việt, họ điên cuồng lùng bắt đàn bà Miên. Họ hiếp xong, hoặc bắn chết, hoặc gài thêm lựu đạn cho nổ tung âm vật! Anh ta tâm sự: *"Chẳng hiểu sao bấy giờ không ai thấy kinh tởm. Tụi em hành động như lên cơn điên. Như ma làm. Để sau này, cứ chộp mắt là em thấy máu. Hối hận vô ích anh ạ. Chẳng có cách nào tha thứ cho sự dã man tàn bạo lúc ấy."* Anh ta tình cờ lưu lạc sang tới Mỹ. Nửa điên nửa dại. Sau tôi nghe nói anh ta đã vào hẳn nhà thương điên. Thành ra chuyện anh biết chỉ có một mặt... Ông gật gù yên lặng. Tôi tự hỏi: Ta có nên tự ti hay tự tôn trong các cuộc chiến của ta vừa qua không ? Có nên kể lể với các thế hệ sau không? Có nên bào chữa rằng tự vệ là bản năng sinh tồn không? Có nên thần thánh hóa, lãng mạn hóa, hay phóng đại cuộc chiến nữa không? Tôi định nói: *"Thôi anh ạ. Dù gì cỏ xanh cũng đã phủ kín những nắm mồ. Phủ kín những hố bom lỗ đạn, những xác máy bay, xe tăng...như thể mặt đất bị thương, giờ đang kéo da non. Trái đất này đang cần rất nhiều màu xanh. Anh từng trương cờ đỏ, húc đổ cổng tường. Rồi anh nằm trên cỏ xanh. Nhìn lên trời xanh. Mơ mộng về cõi xanh. Chắc lòng anh rồi sẽ ...xanh."* Nhưng nhìn kỹ lại ông, trong không gian rực rỡ nắng vàng, và rừng núi Santa Cruz xanh ngát, tôi ...bâng khuâng! Trong khoảnh khắc, tất cả bỗng xa vắng vô cùng...

Quá khứ không có thật

Hồi nhỏ, tôi hí hửng với bức tranh Tết. Tranh bằng giấy bồi, in thạch bản, dường nét màu sắc đơn sơ. Trong các bức vẽ ngựa trâu, gà lợn, cóc nhái, lá hoa, cô bé, cậu bé, người đánh vật ...tôi thích nhất bức tranh gà. Không phải chị gà mái với đàn con, mà là anh gà

trống . Mào đỏ , chân vàng , lông cánh long lanh hùng tráng .
Tưởng không thể nào có ai vẽ đẹp hơn!

Một hôm có bạn rủ đi viện bảo tàng Legion Of Honor ở San Francisco xem triển lãm tranh của Picasso . Tôi không thể nào bỏ đi khỏi hai bức tranh gà .

Bức tranh gà thứ nhất tên The Cock, Picasso vẽ ngày 29 tháng 3 năm 1938 . Nét vẽ đơn giản , màu sắc lộng lẫy và sống động . Mỏ và lưỡi gà đang ...gáy ! Đây là con gà trống biểu tượng của nước Pháp. Bức thứ hai tên Cock Of The Libration vẽ ngày 23-11-1944 ; cũng là anh gà trống . Màu sắc vui tươi và tình tứ. Đặc điểm của hai anh gà là cái đầu nó luôn luôn ...nhúc nhích ! Cái mỏ nó luôn luôn muốn ...gáy ! hoặc ...tán tỉnh ! Còn đôi mắt thì ...liếc đưa tình ! Hình như nó loại anh gà trống nhà quê của tôi ra khỏi ...tình trường !



tranh Picasso

Tôi nôn nóng về nhà mở coi bức tranh gà một bản ngày xưa. Nó vẫn còn đây, mộc mạc , quê mùa , nhưng vẫn hùng tráng và sống động một cách khác . Tôi ôm ngực ...thở phào ! Tranh gà của tôi vẫn còn ... sống!

Picasso. Ai cũng phải nhận là mới trong hội họa , cho đến tận bây giờ, bên cạnh Matisse , Paul Klee ... Và cái mới của ông tôi nhận ra một cách tế nhị trong bức Atelier Window, vẽ ngày 3 - 7 - 1943. Đây chỉ là bức phong cảnh nhìn qua cửa kính của chính phòng Picasso ở . Cái lạ là màu sắc đường nét y hệt tranh của Van Gogh . Thế mà không hiểu sao ta lại nhận ra ...lạ là rất Picasso !

Tôi bỗng nhớ mấy câu thơ của Nguyễn Du :

mai sau dù có bao giờ
đốt lò hương ấy so tơ phím này
trông ra ngọn cỏ lá cây
thấy hiu hiu gió thì hay chị về

Như những làn sương mù bàng bạc một không gian rất ...
thu ... để Bùi Giáng viết :

em về mấy thế kỷ sau
nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không

ta đi để lại đôi giòng
á rơi có dội vào trong sương mù

* * *

Tôi đọc lại văn Tô Hoài , thấy những câu : " Mặt trăng vàng ệch , nằm thấp lè tè trên đầu ruộng . Những bông lúa mảnh khảnh vươn cá vào trăng . " (Tập truyện Nhà Nghèo tr. 77) hoặc : " Mùi cười chúm miệng. Đôi mắt liếc ngời lên như một ánh nắng thoáng trong bóng nước . (tr.123) Đều là những câu văn hay , mà rất đơn sơ . Cái truyện " Bữa Rượu Máu " của Nguyễn Tuân chẳng hạn . Cuộc hành quyết 12 tử tù ông tả thật đặc sắc , mà tôi nhớ Dostoevsky đã không tả được : " Trời chiều có một vẻ dữ dội . Mặt đất lại sáng hơn nền trời . Nền trời vẫn những đám mây tím đỏ vẽ đủ mọi hình quái rợ . Những bức tranh mây chớ màu thẫm hạ thấp xuống thêm , và đè sát xuống pháp trường oi gắt . " (Vang Bóng Một Thời - nxb Văn Học 1988) Cảnh làm ta nhớ những bức tranh cuối cùng của Van Gogh ở Auvers mà các nhà phân tích cho rằng tâm thần Van Gogh đang gần ...cái chết. Tôi lần mò đọc lại cả Nguyễn Trãi , người làm thơ cách đây 6 thế kỷ , thấy những câu như :

còn có một lòng âu việc nước
đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung

Vẫn nghe ra một cái gì ... rất tâm tình gần gũi . Sự rung động gần gũi ấy ... vượt thời gian !

Họa sĩ Nguyễn Gia Trí nói ngày 02-02-1981 : " Nghệ sĩ là người sống với cả vũ trụ , đông tây kim cổ . Khi sáng tác là sống ngoài thời gian " Đến ngày 24-12-1985 ông nhấn mạnh thêm : " Nghệ thuật thực , không có thời gian , không có địa lý . Nó luôn luôn sống đời sống hiện tại . " Rồi ông dẫn chứng một lá thư năm 1923 , Picasso viết : " Đối với tôi không có quá khứ hay tương lai trong nghệ thuật . Nếu một tác phẩm không thể sống luôn luôn trong hiện tại thì chúng ta không xét đến . " (Họa sĩ Nguyễn Gia Trí nói về sáng tạo - Nguyễn Xuân Việt ghi - nxb Văn Học 1998)

Vậy thời gian là gì ? Là vận tốc của ánh sáng ? Hay là một ý niệm về cũ mới ?



tranh Nguyễn Gia Trí

Ta khó có thể nghĩ rằng cuộc cách mạng tháng 10 -1917 ở Nga lại bắt đầu từ một câu thơ của Puskin :

Ngọn lửa bùng lên từ tia lửa

Nhóm người làm cách mạng cùng với Lénine đã dùng câu thơ này làm khẩu hiệu và tên tờ báo đầu tiên . Tờ Tia Lửa số 1 ấn hành vào đúng ngày 24-12-1900 tại Leipzig . Và ngọn lửa bùng lên thiêu cháy chế độ Nga hoàng , làm rung chuyển thế giới 17 năm sau ! Và nói theo kiểu Trotsky nó đã "cứu nghệ thuật ra khỏi sự lập lại muôn đời " . Ở đây thời gian không những là ý niệm cũ mới mà còn mang ý niệm cách tân. Nhưng ta cũng không quên rằng , cùng thời gian đó , năm 1905 , Einstein đưa ra thuyết tương đối : mỗi sự kiện được xác định bởi 3 tọa độ không gian , và 1 thời gian . Vậy thời gian chỉ thuần túy là tốc độ của ánh sáng (300,000 km/giây) ?

Đến nay tuy thuyết tương đối trở thành ...tương đối vì những khám phá về "siêu vận tốc ánh sáng " , phản vật chất v.v. nhưng ý niệm về vận tốc vẫn là ưu thế . Tôi không tản mạn quá đâu . Ngày 29-7-1924 Trotsky viết : "Thật là buồn cười , vô lý và ngớ ngẩn đến cao độ nếu nghĩ rằng nghệ thuật thờ ơ với những biến động của thời đại chúng ta . Các sự kiện là do con người chuẩn bị và làm ra , chúng tác động trở lại và làm biến đổi con người . Nghệ thuật phản ánh trực tiếp và gián tiếp đời sống của con người , những kẻ đã làm ra hoặc sống trong các sự kiện. Điều đó đúng với mọi loại hình nghệ thuật , từ cái đồ sộ nhất cho đến cái thầm kín nhất . Nếu thiên nhiên , tình yêu hay tình bạn không gắn với tinh thần một thời đại , thì thi ca trữ tình đã vắng bóng từ lâu . " (Lev Trockij , Văn Học và Cách Mạng , Hoàng Nguyễn dịch - nxb Tủ Sách Nghiên Cứu - 2000). Vậy thời gian tuy là vận tốc ánh sáng hữu cơ , nó để lại trong quá khứ những con kinh nghệ thuật chảy lênh lánh trên cánh đồng hiện tại . Chỉ có hiện tại , hiện tại , và hiện tại mới hiển lộ giòng sông ấy . Mà hiện tại thì mong manh . Không có gì chắc chắn cả . Nguyễn Gia Trí bảo : " Cái gì chắc chắn là cái ấy đã cũ rồi " .

* * *

Ngày 14-12-2002, trong đêm gặp gỡ thân mật ở Houston , tình cờ tiếp xúc với vài cô cậu sinh viên từ Việt Nam sang du học, tôi như người mộng du, nhìn thấy một quá khứ mà đáng lẽ mình phải có mặt. Trước hết họ làm tôi kinh ngạc về vốn liếng văn hoá, văn học Việt Nam giàu có của họ. Sau nữa họ làm tôi rung động bởi sự trong sáng nhiệt tình và trung hậu . Chữ "trung hậu" mà có lần nhà thơ Hoàng Cầm đã dùng để viết cho nhạc sĩ Phạm Duy . Trong lá thư riêng ấy, Hoàng Cầm tự hào đang được sống trong lòng quê hương , và tiếc cho những ai không hít

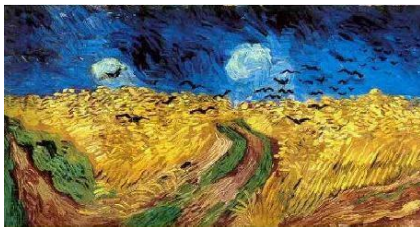
thờ mùi đất bùn cây cỏ và hương cái tình rất "trung hậu" của Việt Nam. Khi Phạm Duy đưa lá thư cho tôi đọc , tôi chỉ bâng khuâng và nghĩ lững thững ...

Mười mấy năm qua, bây giờ tôi mới có dịp nhớ lại , và nghĩ lại. Thật là thấm thía. Các cô cậu sinh viên kia đã đánh thức một cái thầy trong hồn tôi ...sống lại ! Họ không thể nào biết được tôi cảm tạ họ vô cùng. Cái quá khứ mịt mù đã 28 năm qua bỗng bùng lên. Và tôi có ước muốn điên rồ lấp ghép cái quá khứ mà tôi không có mặt ấy vào cái xác của tôi , hoặc ngược lại , thì biết đâu có thể tạo được ...một sinh vật mới ! Một con người trọn vẹn Việt Nam của thế kỷ 21! 28 năm qua tôi chừa vào công dân Mỹ , cũng không còn là công dân Việt . Cái căn cước của tôi thật là ...vô tổ quốc !

Ngày 28-12-2002 nhà nữ hóa học Brigitte Boisselier của công ty Clonaid công bố bé gái đầu tiên được tạo sinh của trái đất đã chào đời và rất khỏe mạnh.(Đây có thể chỉ để thăm dò). Tin tức này làm tôi càng hy vọng vào sự lấp ghép những quá khứ không có mặt vào hiện tại đang chết để ...trường sinh ! Nghĩa là tôi sẽ bắt chước các nhà khoa học làm một chuyến ...vượt thời gian ! Nhưng làm thế nào để thực hiện ,dù tôi có thể di chuyển nhanh hơn ánh sáng đến 4.7 lần ? Thừa rằng tôi không biết .

Ngày 16-5-1890 , Van Gogh từ miền Nam nước Pháp đạp xe lửa tới Paris thăm gia đình người em , Theo và Johanna . Nhìn đứa cháu mới sanh đang nằm ngủ ,ông bảo : "Đừng quán nhiều tã cho nó thế , thím nhỏ ạ " ...

Rồi đến ngày 27-7-1890 , từ Auvers ông muốn vượt thời gian bay nhanh đến các vì sao bằng ...viên đạn đồng ! Nhưng Van Gogh đã không thành công . Gần 36 giờ sau , ông nói : "Ước gì tôi được trở về quê hương!" rồi nhắm mắt.
(The World Of Van Gogh - Robert Wallace - nxb Time-Life Books-1969)
Trong một bức thư viết cho chị , ông từng ao ước :"
...nhưng chị ơi , dù sao em cũng thiết tha muốn một ngày kia được nở trên môi một đoá hoa hồn !"
Tôi tin rằng vào khoảng sau 1 giờ sáng ngày 28-7-1890 , Van Gogh đã liên lạc được với các vì sao, nơi chính là quê hương ông, và hoa nở thật ...trên những bờ môi (Trịnh Công Sơn)



Tranh Van Gogh

Bởi vì ngày 23-4-2000 , nhà văn Nghiêm Xuân Hồng gọi điện thoại nói : " Có cái này trong Phật giáo ít người biết : cái Tâm-lung-linh. Gần đây tôi mới thấy ra. Ủ' , anh cứ nghiệm mà xem, cái Tâm-lung-linh ấy nó điều khiển tất cả à. Cả cuộc đời đã qua và đang tới là do những "mong cầu" từ ý thức hay vô thức, và đều lọt vào

Tâm-lung-linh để nó thực hiện . Bệnh cũng do sự mong cầu mà lúc nào đó mình có rồi quên đi , nó lọt xuống vô thức. Rồi thường thường sẽ lọt vào Tâm-lung-linh. Cho nên anh chịu khó niệm chú , đừng sợ hãi gì cả ! " Ngay lúc ấy tôi cảm nhận được lời ông qua làn sóng thấm vào da thịt . Tôi chưa kịp thăm ông thì ông đã ra đi ngày 7-5-2000. Tôi làm thơ điếu ông :

Tâm lung linh

mặt trời soi pháp giới
trăng tròn nở hoa nghiêm
sóng nào vỗ đầu tiên
lên vách đá lừng già

đêm lấp lánh lấp lánh
tâm lung linh lung linh
thân người ta một cõi
giữa cuộc trần minh mông

sẽ đi đâu về đâu
đầu và chân không cùng
chập chùng sương và khói
nói chỉ là âm vang

quán tự tại bồ tát
tâm lung linh lung linh
như đèn xa lộ nổi
lững thững mình mình mình

quán tự tại bồ tát
hồ khuya nở hoa khuya
cuộc hẹn chưa hề tới
tay vói đỏ vàng mây
phương tây ở phương tây
hồng nghiêm sen một đoá
xuan vẫn còn đâu đây

tâm
lung linh
lung linh

Bài thơ đã đăng trên tạp chí Văn Học số 171, tháng

niệm 49 ngày Nghiêm Xuân Hồng. Giờ đọc lại tôi vẫn còn xúc động.

Tôi bỗng nhớ đôi mắt to tròn của nhà văn Vũ Khắc Khoan . Một lần đôi mắt ấy mơ màng khem khép khi kể :
" người ta kể trong bữa rượu ở Sài Gòn sau 1975 , Nguyễn Tuân có nói : " mình vẫn nhớ tác giả Thành Cát Tư Hãn lắm đấy chứ ! "

Ồ , tôi có đang tản mạn quá không ? Những ngày cuối năm ở San Jose , tôi chỉ có một mình . Và làm được bài thơ chưa đặt tên :

một mình đi vào núi
chơi với đá và cây
chợt giải mây chận hỏi
xua tay đứng tản ngẩn

nhặt về một hòn đá
tạc được đôi lông mày
bằng bặt như mặt nước
khoé mắt còn mưa khô

Tôi tìm cuốn kinh Hoa Nghiêm , định bụng sẽ đọc suốt đêm nay trong tiếng pháo giao thừa đang lác đác nổ mừng năm 2003 .

San Jose 31-12-2002

Phụ đính II

**Những đoàn văn, khúc thơ,
chuyện chớp của Tường Vũ Anh Thy**



Thơ xó bếp

bếp nhớ

nhớ ai rau héo cong cả lá
rỏ rá ngồi bụm mắt làm thính
trời hiu hiu gió nghe mùi muối
lúi húi tìm một sợi tóc vương

canh rau luộc

luộc rau muống trong nồi nhỏ nhỏ
nước xanh biêng biếc liếc môi cười
cà chua đỏ au lên trên má
đánh giấm cho vừa một bát canh

xào măng

anh xào mãi măng tươi trong chảo mỡ
ngỡ lòng mình đã đỡ xanh xao
tra mắm muối tiêu hành cho đỡ nhớ
mùi bay bay như mưa dạt hiên nhà

ăn chay

đậu rán vàng tươi như áo sù
chấm tương...tư ... tương bóng em về
sợi bún mềm như lòng đã vẫn
để ai đưa lối lạc rang vừng
13/4/11

mưa đá ở san jose

gần trưa một cơn mưa đá
nửa đêm mưa đá rầm rầm
căn nhà tưởng sập
nhìn xem đá ướp đất tươi
tim ta không cần ướp đá
chỉ tấm rượu em cũng đủ hồng

thời gian

này thời gian
mi thổi qua khắp cõi miền dâu bể
đêm qua
ta mơ thấy mi về
hôn lên ngực ta bằng đôi môi lạnh giá
rồi mi cho ta một chai rượu không nhãn
ta thầm gọi
biển ơi

thuốc lá

thuốc lá

ồ thuốc lá ời
mi đốt trên môi ta
những giấc mơ
những cánh rừng
và ta thả ra vô lượng mây

trên đường đời

trên đường đời lạnh giá
gió mùa thu thổi con nhện đung đưa
lời của gió say sưa qua những lá
mà lá gan anh ngơ ngác úa vàng
bàn tay anh vẫn thơm mùi lúa
nhưng cánh đồng anh ai vừa gặt hết bông
giòng sông anh sông xưa không chảy nữa
hai bàn chân ngớ ngẩn đứng ven đời

chúa jesus, và nietzsche

gửi nguyên xuân hữu

bánh mì làm bằng lúa mạch
rượu vang làm bằng nho tươi
con người làm bằng hồn phách
tôi khóc dưới chân chúa jesus
liếm máu ông thay bữa trưa ở trên đời
nietzsche nói đúng
chẳng làm gì có bài giảng ở trên núi
kinh không chữ
kinh không chữ
tôi ngồi trong bóng đêm
một mình
uống rượu với đậu phụ nướng
nhìn bức tượng phật bằng gỗ làm chưa xong

CHỦ NHẬT, NGÀY 15 THÁNG NĂM NĂM 2011

Trên sông khói

*lạ giữa đêm
móng trắng đầu
xuân em nay đâu
tóc xưa khônh còn nữa
mưa hôm kia chở khói qua sông*

*lạ trong ngày
vườn cỏ đầy. u uẩn*

*lá khua gió quẩn. riết trên da
có phải bước em
bật hết lò sưởi hong tê tái
hái trộm của mozart nốt nhạc
gắn lên đôi cánh bạc em bay
tay tôi rung rức đờ
bỏ rơi bao nhiêu con chữ
mỗi ngày*

THỨ SÁU, NGÀY 13 THÁNG NĂM NĂM 2011

Làm thế nào để cứu loài ong

Loài ong, và chắc nhiều loài khác nữa, bị mất tín hiệu vì sóng trao đổi của điện thoại di động. Người ta khám phá ra số ong bị chết vì lạc đường đến với hoa càng ngày càng gia tăng. Hiện tượng thương tâm này khiến tôi lần gần buồn rầu khổ sở cả tuần nay. Bây giờ ai ai cũng cần điện thoại di động, kể cả tôi, như một nhu cầu. Nhưng nhu cầu này lại làm thương tổn quá lớn đến các loài khác. Thật là bế tắc.

THỨ HAI, NGÀY 09 THÁNG NĂM NĂM 2011

Quán Thế Âm Bồ Tát

Một buổi sáng trong rừng, tình cờ thấy khúc gỗ gãy bị cắt bỏ trên bãi cỏ, tôi chợt nghe tiếng kêu khe khẽ. Tôi sửng sò nhìn những thớ gỗ tua tủa đang biến thành những vành tai. Tôi bèn khuân khúc gỗ về đẽo gọt hơn hai tháng thành bức tượng Quán Thế Âm Bồ Tát (Bodhisattvàya Mahàsattvàyeti)

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa (Saddharma-Pundarika) phẩm Phổ Môn, chính Đức Phật cho biết Bồ Tát Quán Thế Âm thị hiện dưới nhiều hình tướng (32 ứng thân) mang bình an đến mỗi khi chúng sanh kêu cứu. Thế gian còn gọi nôm na là Phật Bà, tượng trưng bằng người mẹ có tình thương bao la rộng khắp. Tôi từng chứng kiến các con trẻ khóc méo kêu gào vì đói khát hay sợ hãi, mãi khi người mẹ ôm ấp vỗ về thì trẻ mới nín. Người mẹ đã đem lại tín tâm cho người con. Người con cũng vì tín tâm vào người mẹ mà đoạn diệt mọi sợ hãi. Tín tâm là không nghi hoặc, nghi ngại, nghi ngờ, nghi kỵ; không hồ nghi, hoài nghi, kinh nghi, tình nghi, nghi nghi...

*Cho nên thường phải niệm
Niệm niệm chớ sinh nghi
Quán Âm bậc Tịnh Thánh
(kinh Pháp Hoa/bản dịch Thích Trí Tịnh)*

Trong Kinh Lăng Nghiêm (Sūramgama-samàdhi) có câu:
*Vô úy thí chúng sanh
Diệu âm Quán Thế Âm
Phạm âm hải triều âm
Cứu thế tất an ninh
Xuất thế hoạch thường trụ*

Nên có thể niệm :"*Nam Mô Vô Úy Thí Quán Thế Âm Bồ Tát*" để được giúp đỡ. Trong suốt thời gian đeo gọt tượng, đêm đêm tôi đọc kinh Pháp Hoa và kinh Lăng Nghiêm, mới chợt nghiệm ra vạn vật trong thế gian này đều có tiếng nói, và biết nghe. Nhân kinh nói về *thập tứ vô úy thí* và *tín tâm*, tôi bỗng khởi tâm viết về mười bốn công đức của Bồ Tát Quán Thế Âm làm cho chúng sinh hết sợ hãi. Tôi cũng sẽ viết về bài *Tín Tâm Minh* của Tổ Tăng Xán để tăng lòng tin cho chính tôi, cũng như chia sẻ với những ai ...

tường vũ anh thy - san jose 7/5/11

THỨ NĂM, NGÀY 05 THÁNG NĂM NĂM 2011

Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc II

(Thay lời tựa tiểu thuyết *Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc*, quyển 2, 1989, của Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng, đăng lại nhân ngày giỗ 7-5-2000)

*Hoa nắng không phải là nắng hoa.
Hoa trắng không phải là trắng hoa.*

Nhìn hoa nắng , ngắm hoa trắng, có lúc khởi bao nhiêu nghi tình về thực tại lung linh này.

Nghi tình không phải là tình nghi

Cho nên trong ánh nắng, dưới ánh trắng, vắng bật tri kiến điên rồ của nhân thế. Nguyễn Du trong bài *Đạo Ý* có câu:

*trạm trạm nhất phiến tâm
minh nguyệt cổ tính thủy
(tắm lòng lặng lẽ như nhiên
trắng xanh giếng cũ một miền nước trong.)*

Hoa Nghiêm là chốn trắng và nắng đi về không dấu vết, nhưng kết thành hoa: Hoa-Đốm- Giữa-Trời, hoa-đốm-giữa-không-hư. Từ tâm tư đó phát khởi tình yêu và đại nguyện (tức đại-bi-tâm)

*Thế gian ly sanh diệt
Do như hư không hoa
Trí bất đắc hữu vô
Nhi hưng đại-bi-tâm
(Kinh Lăng Già)*

Sự không sinh cũng không diệt là hiện tượng của tình-yêu-không-bờ-mé. Một niệm khởi đi là trùng trùng duyên khởi. Do bởi ánh sáng của hoa nắng và hoa trắng kết tập nên thế giới lung linh huyền mộng:

*tất cả Phật như bóng
các Pháp đều như vang
(Hoa Nghiêm - Phẩm Nhập Pháp Giới)*

Hỡi ơi, như bóng, như vang, như mộng, mà không phải là vang bóng, hay bóng vang. Cho nên Thiện Tài Đồng Tử học nói. Lúc xướng chữ A thời nhập bát-nhã-ba-la-mật-môn là vô-sai- biệt-cảnh-giới. Lòng không ở mà ở. Không ở thì vô sở trụ. Ở thì huyền-trụ. Cái ngụ ý của kinh thật là huyền hoặc.

Cho nên tiểu thuyết đặt tên là Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc. Cái đặc biệt là trong sự huyền-hoặc-mơ-hồ-đến-hồ-đồ-bổn-cột kia lại mở ra và khép lại bằng một lời-kinh-kỳ-bí-đến-nghiêm-trang. Chiếc thang của truyện là mỗi tờ giấy trắng chữ đen. Chiếc thang của giấy mực lại là cỏ cây hoa lá chốn rừng xanh núi biếc. Và chiếc thang của tâm linh ngoi mãi nơi bùn lầy để bước vào đóa hoa sen kỳ lạ: Hoa Nghiêm.

Phải chăng tác giả Nghiêm Xuân Hồng muốn người đọc, đọc lại thơ Nguyễn Du, đọc lại lời kinh xưa chưa hiển lộ. Đọc lại lòng mình, tâm tư mình, không vang bóng, chẳng bóng vang. Cái tâm của Như Lai chân diện mục. Tác giả muốn đục bỏ mọi giả-hiện của thế-gian, để phát khởi đại-bi-tâm.

Cho nên có Thạch-Sanh thì phải có Long- Cuồng-Huệ. Có Long -Cuồng- Huệ thì có Càn- Thát-Bà. Có Càn-Thát-Bà lại có Phi-Ly và tất cả. Có tất cả phải xoay quanh công chúa My-Ế là bóng của hoa. Bóng của hoa là nắng, hình của hoa là trăng. Giữa Hoa Nắng và Hoa Trăng là câu chuyện tình Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc.

*Hoa nắng màu vàng
Hoa trăng màu vàng*

Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc hình như cũng màu vàng
Tất cả mọi màu vàng của hoa đều là Bát Nhã

*Uất uất hoàng hoa
Vô phi bát nhã*

Hỡi ơi:
*hành thâm bát-nhã-ba-la-mật-đa thời
chiếu kiến ngũ uẩn giai không
độ nhật thể khổ ách. . .*

&&&

Chuyện cực ngắn

Bói xích lô

Vào thập niên 60 ở tỉnh PT có khoảng 360 chiếc xích lô đạp . Đó cũng là phương tiện giao thông chính. Vào một ngày còn đầy nắng, có chàng tuổi trẻ kia từ phương xa đạp xe đò vào thành phố. Anh ta không quen biết ai ở đây. Cũng không có nhiều tiền để thuê khách sạn. Anh loanh quanh định bụng sẽ ngủ đố đêm nay nơi góc xó nào đó. Anh mua một ổ bánh mì không. Rồi vừa ăn vừa ngắm cảnh sinh hoạt của bến xe. Trông anh hớn hờ lạ thường. Anh đặc biệt chú ý đến những chiếc xích lô xếp hàng đợi khách. Anh ngắm nghía càn xe kỹ lưỡng và thân thiện như người nhà. Mỗi lần chiếc xích lô nào có khách, anh mỉm cười gật gù thích thú.

Chiều xuống, người vắng dần. Trong số mấy ông phu đạp xích lô còn lại, có một người cũng còn trẻ, ông ta hỏi chuyện anh :

- Cậu ở đâu tới ? Đợi ai vậy ? Cần giúp đỡ gì không ?

- Dạ tôi ở xa . Đâu đợi ai đâu . Mà ông à , tôi nghiệm thấy mấy cái xích lô thật là kỳ ...
 - Đù mẹ ! Ông mẹ gì , gọi anh đi . Sao mà kỳ ?
 - Tôi ngó mấy cái còng xe , thấy cái nào cườì là y chang có khách . Cái nào mếu là ế dài dài như xe của ...anh đó.
 - Thiệt không cha nội ?
 - Đâu có nói dóc làm gì ! Xe anh bữa nay hết sức ít khách .Cái còng nó mếu quá xá mà . Xe bên cũng ế nhưng đỡ hơn .
- Người phu xe bật cườì :
- Đúng thiệt ha ? Thôi nếu cậu không đợi ai thì về nhà tôi chơi. Ế tôi cũng mua xì để, mình lai rai ...?
- Từ đó anh trở thành thầy bói ...xích lô . Sáng sớm anh đứng xem từng chiếc xích lô lần lượt kéo tới . Anh thấy còng xe nào cườì nhiều, cườì ít, mếu nhiều, mếu ít, anh nói đều trúng phóc ... trong ngày được nhiều khách hay ít khách ... Người ta hỏi làm sao anh thấy được cái còng xe nó cườì hay nó mếu? Thì anh đáp :
- Rõ ràng tôi thấy nó cườì . Rõ ràng tôi thấy nó mếu ! Vậy thôi !

Cái lưng ngựa

Có một anh chàng bị ngựa lưng đang khi làm việc. Anh không thể đưa tay gãi, hay cọ lưng vào đâu được. Mới đầu cái ngứa mấp mé lan man hai bên sườn. Từ từ ngứa dữ, ngứa ran lên vào tới giữa lưng. Anh cũng gan lì, thách đố với cái ngứa. Mặt anh tức đỏ như say rượu

- Để xem cái ngứa xoay vần đến đâu .

Anh lằm bằm như vậy. Có lúc ngứa quá làm anh ngẩn ra . Trong đầu anh thoáng hiện những cái lưng trâu, lưng bò, lưng ngựa mà anh từng nhìn thấy. Có cả ruồi và kiến bò lảng nhặng.... thế mà chúng nó chẳng ngứa ngứa gì cả???

- Ủ, hay chúng cũng thấy ngứa nhưng cứ mặc kệ? Ủ ... được như cái lưng ngựa thì khoẻ biết mấy!

Anh lại lằm bằm và cố làm việc, mặc kệ cái ngứa . Cuối cùng cơn bão ngứa cũng qua đi. Tan sở, anh khoan khoái đi về, quên mất cái ngứa .

Nhưng cái ngứa nó không quên anh. Nó đến thình lình ngay lúc anh vừa tắm xong. Dữ dội và ồ ạt. Nó làm anh gãi quỳnh lên. Tay anh không đủ dài để gãi vào giữa lưng. Anh phải mài lưng vào bờ tường. Nhưng tường nhà anh sơn nhiều lần, đã nhẵn. Anh quơ lấy thanh gỗ làm cái gãi . Anh lằm bằm:

- Cuối tuần này phải mua cái gãi lưng bằng tre mới được.

Chợt anh nghe tiếng gỗ chạm vào lưng có vẻ bất thường. Âm thanh vang to lên dần dần... sôôttt sôôttt!!! Lưng anh hình như đanng từ từ se cứng. Anh không cảm thấy ngứa tàn bạo như trước. Thay vào đấy là cảm giác nặng nặng... căng căng. Anh có cảm tưởng cái lưng không còn là của anh nữa .

Anh đang định lấy tay sờ thì sừng sốt thấy màu nâu đen của cái lưng ngựa trong tấm gương ngay sau lưng anh.

Cái tai biết nói

Có một chàng thanh niên bỗng mắc chứng bệnh lạ. Cứ khoảng chín mười giờ tối, cái tai phải đóng ù lại . Nghe lũng bũng hoặc không nghe gì cả. Còn tai trái bắt đầu nói . Nó nói tùm lum, dai dẳng. Anh thấy nó nói, anh nghiêng đầu nghiêng cổ, cố hiểu lời của nó. Nhưng thật bực, anh chẳng biết nó nói cái gì. Anh đành làm việc vặt, hoặc đọc sách. Tức thì cái tai trái gào lên như thủy triều, lũng lũng và thúc bách. Nó làm anh hoang mang, sợ hãi . Anh ôm đầu lẩn lộn cho đến khi trời sáng, hai cái tai mới trở lại bình thường.

Cả tuần lễ như thế, người anh rộc đi . Anh tìm cách đối phó. Trước chín giờ tối, anh rời nhà, đi lẫn vào đám đông ngoài phố. Anh lang thang hết đường này sang phố nọ. Phấn khởi vì thoát khỏi hai cái tai, anh đi không biết mệt. Đến ba giờ sáng anh tà tà trở về nhà. Nhưng vừa mở cửa bước vào, lập tức tai phải ù đặc. Tai trái quạu cọ rên rĩ nói . Rõ ràng nó bực tức vì không được mở miệng. Anh hoảng hốt ôm đầu chạy bay ra đường. Khốn khổ cho anh, bên ngoài vắng tanh vắng ngắt. Tai trái cướp được tình thế, nó hùng hổ nói liên tu bất tận... và làm anh ... bất tỉnh giữa đường.

Người ta đưa anh vào nhà thương cấp cứu... Trời sáng, anh lại bình thường. Ai cũng cho là anh say rượu hay thuốc. Anh lặng lẽ về nhà ngủ vùi .

Những ngày kế tiếp, anh la cà ngoài đường phố cho đến khi mặt trời mọc mới về. Giải pháp này cũng tạm ổn. Anh thoát khỏi hai cái tai, nhưng toàn bộ cơ thể anh bắt đầu suy nhược. Anh phải tìm cách khác.

Lần này anh quyết ăn thua đủ. Trước hết anh cạo trọc để có thể nhìn rõ hai cái tai . Chưa tới chín giờ tối, anh không ra đường nữa mà vào phòng tắm. Anh trừng trừng nhìn anh trong gương. Trên cái đầu trọc, mọc hai cái tai trông thật kỳ cục. Chúng như loài nấm lạ, xấu xí, mà lại vênh vác ta đây . Anh thấy ghét quá, nhưng cố theo dõi xem chúng sẽ làm gì? Kia, cái tai phải từ từ co lại, co lại... trong khi tai trái đang vênh lên... Anh thấy rõ điệu bộ của nó, khinh khỉnh... Anh giận điên. Nó chưa kịp mở giọng, anh đã lia lưỡi dao cạo, cắt đứt phăng toàn thân thể của nó.

Cái tai trái chưa kịp nói, rơi xuống bồn rửa mặt tung toé máu. Đầu tai còn vênh lên.

Con mắt rách

Một người đàn bà khai với bác sĩ mắt:

- Cả tuần nay con mắt trái của tôi rất khó chịu .

Bác sĩ khám, đo, soi, rọi, rồi bảo:

- Mắt bà vẫn bình thường. Có lẽ bà chỉ cần nghỉ ngơi. Tôi sẽ cho bà một loại thuốc rửa và giữ mắt sạch sẽ.

- Nhưng... con mắt trái của tôi bây giờ lúc nào cũng nhìn thấy có một cái màn nhỏ...

- Đó là màng nhện. Những người trên bốn mươi tuổi, nhìn thấy màng nhện là bình thường, bà đừng lo gì cả.

Người đàn bà ra về với nỗi bồn chồn. Bà đã không diễn tả và khai hết với bác sĩ. Con mắt trái của bà lâu nay rất bướng bỉnh. Bà muốn xem tin tức trên màn ảnh truyền hình, hay đọc sách, thì nó cứ bám lấy các đồ ăn thức uống. Đặc biệt là đường, kẹo, mỡ... nó dán chặt. Bà không thể dứt nó ra được. Trong bóng mắt, trong cái màng nhện còn có những chuyển động li ti mà bà chưa biết chắc là cái gì. Tóm lại, con mắt trái nó đang điều khiển bà, chứ bà không tài nào điều khiển được nó.

Bà quyết định bịt kín con mắt trái đó lại xem sao . Với chỉ con mắt phải, bà vẫn làm việc, đọc sách không khó khăn lắm. Giải pháp này có vẻ hữu hiệu. Bà thấy yên ổn được hai ngày . Đến ngày thứ ba thì con mắt trái bắt đầu phản công. Bà đang đọc sách bằng con mắt phải thì nghe con mắt trái nóng nóng, nặng nặng. Bà rời quyển sách, liếc nhìn bọng đồ ăn. Con mắt trái lập tức êm ru . Bà bật máy truyền hình xem tin tức. Con mắt trái bắt đầu nhức nhối khó chịu . Bà nằm vật ra . Nhắm cả con mắt phải . Được một lúc, bà sắp chìm vào giấc ngủ. Nhưng con mắt trái không chịu . Nó gõ bồm bộp vào vách mắt, đòi được mở ra . Bà giả vờ như không nghe . Nó càng gõ dữ dội . Rồi vách mắt rách toang. Trong màu đỏ hoang mang, có những con kiến màu rêu xanh hơn hờ bò ra . Nghênh ngang như những chiếc xe tăng nghiền nát mặt cỏ.

Người đàn bà vùng dậy Con mắt trái của bà đã rách thật. Trứng kiến còn đọng ở chân mi .

Méu miệng

Anh ta làm nghề bán cá trong siêu thị Á đông. Khách hàng lựa cá chết, anh chỉ việc cân, mổ, rửa sạch và cắt khúc. Cá sống đang bơi lội trong hồ, anh phải lấy vợt bắt, đập chết rồi mới cân. Cái chày trong tay anh rất chính xác. Chỉ nện một nhát ngay đầu là con cá đang vùng vẫy dưới sàn chết đứ đừ. Trong lúc giết cá, miệng anh mím, mắt mở to, chung quanh có tiếng hô: chết này! Những con cá chết không kịp ngáp lần cuối, anh thích chí lắm. Miệng cá lúc nào cũng mếu. Anh bảo kiếp làm cá, sống cũng khóc, chết cũng khóc, thật là vô vị.

Hôm ấy có một bà khách mua tám con cá bông lau loại lớn nhất. Anh hớn hờ cầm vợt. Cá lớn cá nhỏ bơi rần rần. Mắt anh chọn lựa, tay anh quơ quơ. Đây thật là con cá lớn làm anh kinh ngạc. Người nó nung núc. Anh giơ cái vợt lên không nổi. Nước tung toé, cá vẫy vùng. Anh đưa mắt hỏi Bà khách chớp mắt hài lòng. Miệng bà ta và miệng anh đều tùm tùm.

Nhưng anh không cười lâu, bởi vì con cá khoẻ quá, nó thoát khỏi tay anh, chạy trốn. Anh đuổi, anh đập, đến ba lần mà cá còn vùng vẫy hung hăng. Lần thứ tư, anh nện nát cái miệng nó. Nhưng anh gần bị ngã, và tẹo mắt cá chân. Anh khấp khểnh lôi con cá lên cân. Đuôi nó vẫn còn giẫy đành đạch. Máu từ miệng cá ứa đỏ bàn tay anh.

Tối về anh uống rượu làm lì, khác hẳn mọi khi. Rồi anh thấy váng vất khó chịu. Anh cất bước loạng choạng vào phòng để ngủ sớm. Kia, ngay trên giường anh, một người đàn bà to béo đang nằm cười hề hếch. Miệng cười như mếu. Cái cằm cổ trắng hếu, nung núc mỡ. Bà ta trần truồng, da ngăm ngăm. Anh cố nghĩ xem đây là ai. Vừa nghĩ vừa đến gần. Anh chưa kịp hỏi thì bị một cái tát nảy đom đóm mắt. Anh ngã dúi vào góc giường. Người đàn bà túm gáy anh, bẻ quặt mặt anh lại:

- Nhìn kỹ đây nè!

Anh tỉnh lại. Hóa ra người đàn bà là con cá bông lau. Anh quơ tay tìm cái chày. Bà ta cười khẩy:

- Ở đây làm gì có chày!.

Anh lại tỉnh lại. Bỗng thấy đau nhói hai bên sườn. Anh rên rĩ đưa tay nắn bóp. Nhưng sườn anh đang mọc vẩy. Cứng và tanh mùi cá. Nó như có gân, kéo miệng anh méo sệch.

Từ đó, anh cười hay khóc, hay không, cũng mếu miệng.

Ngon

Một ông già cùng cháu gái từ vùng Los Angeles tới thăm bạn bè ở Houston. Trong bữa cơm đông và thân, chủ nhà lần lượt mang các thức ăn độc đáo ra mời mọc.

Chị ta luôn luôn hỏi han ân cần:

- Bác có vừa miệng không?

Ông cười:

- Vừa lắm.

Chủ nhà lại sẵn đón:

- Bác cần thêm ớt không ? Món này phải nóng và cay hơn mới NGON .
- Vâng , chị cho tôi tí ớt .
- Dạ để cháu vắt thêm chanh cho bác nhé . Món này thì chua hơn một chút mới đúng .
- Vâng, chị cho tôi thêm chanh .
- À còn món này hơi nhạt . Bác có cần thêm nước mắm sống ? . Hay là xì dầu . Có chai xì dầu của Tây ngon lắm bác ạ , chai nhỏ xíu mà những sáu đồng chín chín đấy .
- Vâng ... vâng ...

Cứ thế , bữa cơm diễn ra vui vẻ hào hứng . Rồi đến giai đoạn bỏ cam , uống trà , tán gẫu . Chủ nhà hãnh diện vì khách khen món ăn ngon . Rồi bỗng ông gia chậm rãi kể :

- Tôi bị mất vị giác đã năm năm nay rồi chị ạ . Bác sĩ khám và chữa mãi vẫn không khỏi

Chủ nhà trở mắt :

- Ủa ! Có bệnh mất vị giác hả bác ? Bệnh này ra sao ? Cháu chưa bao giờ nghe nói tới

Ông ngả lưng ra ghế trả lời :

- Tôi cũng không biết tại sao lại bị cái bệnh chết tiệt này . Mới đầu chỉ thấy lưỡi tê tê ... Sau ăn uống cái gì cũng không có cảm giác ...Mấy năm nay, miệng tôi nào có biết mặn nhạt chua cay nóng lạnh gì đâu .!

Rồi ông chép miệng rõ ngon :

- Tôi chỉ ăn bằng mắt .

Rắn

Ngôi chùa ở ven núi . Vị Ni Sư ngồi nói Pháp thân mật với nhiều người ngoài thềm đá và cỏ . Mặt trời xê xế . Bỗng mọi người hoảng hốt đứng lên, có người chạy . Vị Ni Sư vẫn ngồi yên . Người ta thấy một con rắn cạp nong khá to, đang từ bụi cỏ bò tới . Nó nghểng đầu nhìn Ni Sư . Hình như bà thì thầm nói chuyện với nó . Một lúc , rắn từ từ bò đi . Mọi người xúm trở lại . Nhiều người hỏi :

- Sư cô nói gì với rắn ?

Vị Ni Sư thông thả trả lời :

- À , tôi chỉ bảo rắn rằng : mọi loài chúng sinh đều có duyên nghe Pháp . Nhưng nếu sự hiện diện của mình làm ngăn ngại nhiều kẻ khác thì tốt hơn đừng hiện thân . Vì ẩn thân vẫn nghe được Pháp . Bà con thấy đó , rắn cũng là cứng , mà cũng là mềm .

Chữa bệnh

Nhiều người theo vị Ni Sư và các ni cô đi làm rẫy. Ni Sư ngồi nhặt cỏ, quay lưng lại với con đường. Mọi người vừa nhặt cỏ vừa nghe Ni Sư nói Pháp. Không khí đầm ấm và thanh thản. Bỗng Ni Sư quay ra đường gọi :

- Này chị kia ơi ! Lấy nắm cỏ về sắc cho cháu nó uống .

Người ta mới nhìn thấy một thiếu phụ đang bỡ ngỡ rảo bước . Chị tới đánh lễ ,nhận nắm cỏ đang có sẵn trên tay Ni Sư. Chị kể :

- Dạ thằng cháu nhỏ của con lên cơn . Suốt từ đêm qua tới giờ cho uống cái gì cũng nôn ra hết .

Ni Sư khoan thai nói :

- Chị cứ sắc cỏ này chừng nửa chén cơm . Cho cháu uống như liếm từng giọt . Không sao đâu

Thiếu phụ vái lạy, rồi tắt tưới đi .

Hôm sau chị tươi tỉnh đến chùa tạ ơn là cháu bé đã bớt nhiều .

Có người hỏi :

- Sao sư cô không nhìn mà biết có người trên đường ? Và sao sư cô lại còn biết chỉ có con nhỏ bị đau ?

Vị Ni Sư nói :

- Tôi có nhìn đó chứ. Nhìn bằng tai và bằng cảm giác của tâm. Bằng tai tôi thấy được tiếng chân và hơi thở . Bằng tâm tôi thấy được tấm lòng lo lắng hỏang hốt của người mẹ thương con. Và rồi tôi dùng trí mà phán đoán . Nói thì dài dòng , chứ tất cả đều như lăn chớp . Bà con cũng có khả năng đó nếu biết tu chứng ...

Sự tích cái nắm mèo

Ngày xưa có một chị mèo tam thể. Thông thường thì mũi mèo rất nhỏ nhắn xinh xắn, nhưng chị lại có cái mũi rõ to. Tuy cả làng mèo đều công nhận là chị vừa đẹp vừa hiền vừa thông minh tài giỏi, nhưng chị mèo vẫn ám ức khó chịu với cái mũi to của mình. Chị mèo rất ít nói, song mỗi khi mở miệng là chị nói thật, nói thẳng. Có lúc sự thẳng thắn làm các bạn mèo tức giận, thành ra chị mèo ít bạn.

Trong sơn động phía bắc có Ông-Mèo-Thông-Thái lông vàng được cả làng mèo ưa mến vì ông hay giúp đỡ và gỡ rối cho họ. Đầu năm ông mèo vào làng dự hội Tết. Đến đâu ông cũng vui vẻ chào hỏi và cười nói những dự tính tươi đẹp cho năm mới. Thấy chị mèo e thẹn một mình, ông mèo ân cần hỏi han và tấm tắc khen chị có quý tướng. Chính cái mũi to đặc sắc đã cho chị mèo có nhiều khả năng phi thường. Từ đó họ quen nhau. Chị mèo hay đến và tâm sự với ông mèo như một người bạn rất quý. Lâu dần họ yêu nhau và lấy nhau .

Nhưng rồi chị mèo vẫn bị cái mũi to của mình ám ảnh day dứt. Một hôm chị gặp anh mèo trắng xa lạ đi qua làng. Anh mèo đơn đả :

- Aa! Chào cô ! Cô là người xinh đẹp nhất mà tôi nhìn thấy đấy. Nhưng nếu cô mà uống được hạt-lệ-lơ-lửng thì bảo đảm cô trở thành hoa hậu thế giới! Vì hạt-lệ-lơ-lửng có khả năng làm mũi cô nhỏ nhắn xinh đẹp tuyệt vời !

- Hạt lệ à ? Là cái gì vậy? Đi đâu mà tìm ? Chị mèo run giọng hỏi dồn.

- Ah! Đó là thứ hạt trong suốt lơ lửng trong không gian. Nó sẽ biến mất nếu tiếp xúc với bất kỳ thứ gì. Chỉ uống được khi nó đang lơ lửng. Cô cứ theo tôi qua cánh rừng bên kia, tôi sẽ giúp cô toại nguyện. Cô đi bây giờ nhé ?

- Ồ chưa ! Tôi phải hỏi ý kiến của chồng tôi đã.

- Tùy cô. Cơ hội này rất hiếm. Đi ngay bây giờ mới kịp.

Chị mèo dẫn đi một lúc rồi bằng lòng. Anh mèo trắng bèn nắm tay chị mèo đưa đi tìm hạt lệ. Đó là giọt nước mắt người, gọi là hạt-lệ-lơ-lửng. Chị mèo uống xong quả nhiên mũi nhỏ lại. Chị thích quá, nghĩ Ông-Mèo-Thông-Thái chồng mình không biết hạt -lệ-lơ-lửng thì cũng chẳng thông thái gì. Chị mèo bèn ở với anh mèo trắng.

Từ ngày uống hạt-lệ-lơ-lửng, tuy mũi nhỏ nhắn xinh đẹp, nhưng tai chị mèo tam thể cũng nhỏ theo. Chị mất dần những khả năng phi thường. Trước kia chị có thể phát hiện ra chuột và rắn cách xa ba cái nhà, thì bây giờ chị chỉ kịp thấy chúng vụt qua mà không đuổi kịp. Chị vốn nổi tiếng về tài bay lượn từ mái nhà này sang mái nhà nọ, tài trèo cao tít tắp, thì nay chị rụt rè đi quanh quần dưới đất. Nhất là đầu óc chị mèo vốn nhanh nhạy và dũng cảm, nhiều sáng tạo, đã không còn nữa. Anh mèo trắng bỏ chị lại ít ở nhà, anh mãi theo ve vãn các cô mèo khác. Chị mèo không ghen tức, mà chỉ thấy biếng nhác chán chường.

Đến tối 23 Tết chị mèo tam thể chạnh nhớ người chồng cũ là Ông-Mèo -Thông-Thái, chị đi về thăm. Đến nơi, chị mèo mới biết ông mèo đã chết trong cơn động. Một nguồn cảm xúc mãnh liệt bỗng dâng lên làm chị mèo ứa nước mắt. Những hạt -lệ -lơ -lửng chị uống trước kia theo dòng nước mắt trôi theo... Chị mèo tam thể chết mà hồn còn vương vấn nương theo cơn cá chép của Ông Táo lên trời. Trời bèn cho chị đoàn tụ. Đêm 30 Tết, theo Ông Táo trở lại trần gian, chị mèo tam thể nhìn thấy xác Ông -Mèo Thông -Thái đã mọc thành cây xanh, hồn chị riu rít bám quanh thân cành thành những nụ nắm nhỏ xíu. Người ta gỡ nắm ấy ngâm vào nước thì nở ra rất to, và gọi là Nắm Mèo. Miền bắc Việt Nam gọi là mộc nhĩ (tai gỗ) là nắm dùng nhiều nhất cho các món ăn cúng giỗ và tết như :giò thủ, thịt đông, nem chua, chả rán, phá sồi bóng, thang, mọc, miến v.v.

tvat 2/2/11

Huyết tắng Hàm Rồng

Xưa có bốn bố con, nghèo đến độ cả nhà chỉ có một chiếc chiếu và một cái khổ. Họ phải thay nhau đóng khổ để ra ngoài kiếm ăn. Đến khi ông bố sắp chết mới dặn các con giữ chiếu và khổ lại mà dùng, cứ để bố chết trường cũng được. Nhưng ba anh em thương bố quá, không nỡ, vẫn mặc khổ cho bố, lấy mảnh chiếu bó bố lại, đợi ban đêm mới khiêng bố đi chôn. Phần vì thiếu ăn, phần vì trời đêm giá lạnh, ba anh em vất vả mệt quá. Họ nghỉ chân bên gò đất ngoài đồng, thảm khản: “ Bố ơi, bố linh thiêng, phù hộ cho chúng con, bố nhẹ đi để chúng con dễ khiêng bố . “ Khản xong họ tiếp tục khênh bố họ lên. Lần này họ khiêng dễ thật : rất nhẹ. Ba anh em mừng lắm, tin rằng bố rất linh thiêng .

Chôn cất bố xong, ba anh em lần theo lối cũ về nhà . Qua gò đất, họ vấp phải xác người chết bên đường . Xác chết cũng đóng khổ . Trời tối quá, ba anh em không nhận ra ai . Họ xuyết xoa: “

Tội nghiệp . Bố ta còn được bó chiếu chôn cất. Người này chết phơi thây ở đây . Thôi ta làm phúc chôn ông ta vậy” . Nhân hốc đất gần đấy, ba anh em hi hục khiêng xác chết vùi vào .

Đêm ấy, người anh cả ngủ mơ thấy một con rồng đến bảo: “Này anh kia, anh có dờn xác bố anh ra khỏi hàm tôi không. Tôi trả công anh mâm bạc”. Sáng dậy quả có một mâm đầy bạc sáng lóe . Người anh kể chuyện giấc mơ . Rồi đến đêm anh ta đi dờn mả bố mình nhích ra một chút . Ba anh em nhờ mâm bạc sống rất thoải mái .

Lại một đêm khác, người con thứ hai mơ thấy rồng đến năn nỉ : “ Ông ơi, ông không chịu dờn mả bố các ông, làm hàm tôi bắt đầu sưng đau lắm . Tôi đền ơn ông mâm vàng, xin ông nhích bố ông ra một chút”. Sáng ra quả có một mâm đầy vàng sáng rực . Người con đi ngay đến mả bố, kéo bó chiếu nhích đi theo lời con rồng . Từ đó ba anh em tương đối sung túc . Tậu nhà, lấy vợ, chăm chỉ làm ăn .

Nguyên hồi khiêng bố đi chôn, vì chiếu cũ rách, xác bố lọt tuột ra ngoài . Ba anh em không biết, tưởng bố tự nhẹ đi . Vô tình lần về, chôn làm phúc người dưng, lại chôn chính bố mình vào hàm rồng . Mỗi lần dờn mả chiếu, xác bố thật vẫn y nguyên trong hàm rồng . Vì thế, người con út ngày kia thấy rồng lại đến khóc lóc : “ Ông ơi, miệng tôi sưng to đau quá sức rồi . Xin ông nhích mả bố ông ra một chút . Tôi đền ơn ông lọ ngọc tiên . “ Sáng dậy quả có một chiếc lọ nhỏ bằng ngọc rất đẹp. Người em mở nút ngửi được mùi thơm ngạt ngào . Anh ta cất lên giánh bép , định bụng để đấy xem sao . Rồi anh cũng ra mả bố , nhích chiếu chiếu đi cho rồng . Dĩ nhiên xác bố thật vẫn nằm yên . Mả kết .

Nói về chị vợ người em út, đen dũi, xấu xí, chỉ được cái nét na, trung hậu, chịu khó . Một hôm tình cờ thấy lọ ngọc tiên trên giánh bép . Nhân lúc muốn tắm, chị pha nước thơm trong lọ vào chum nước . Bất ngờ dội nước đến đâu, da chị trắng ra đến đấy . Chị thích quá, dội hết chum nước. Người chị bỗng trắng trong như ngọc, tóc xanh như mây . Chị trở nên đẹp lạ lùng . Nước tắm chị dội lan ra luống hành hương . Hành lớn vùn vụt . Củ hành to như bình vôi, lá dài như đòn gánh .

Chồng chị, người em út kia đi cày về, thấy vợ đẹp như tiên, say đắm quá, cứ ngẩn ngơ ngắm vợ không thiết làm lụng gì nữa . Mãi rồi vợ bảo : “ anh cứ ở nhà, không làm lấy gì mà ăn . Thôi để em vẽ em lên chiếc mo cau, anh đi cày, cắm mo cau trên bờ ruộng, cũng như có em vậy “ . Chồng nghe theo, đem mo cau có hình vợ giống như đúc, cắm ở bờ ruộng, vừa làm vừa ngắm vợ không biết chán . Bất ngờ có con chim đại bàng sà xuống quắp chiếc mo cau bay đi . Nó bay đến cung điện nhà vua thì thả xuống . Vua xem hình vẽ trên mo cau đâm ra tương tự người con gái . Vua rao truyền tìm người đẹp mo cau để kết duyên . Quân lính bắt được chị vợ kia . Vua mừng lắm . Nhưng người vợ nhớ chồng, nhất định không chịu . Suốt ngày chị u sầu, không cười, chẳng nói . Được cái ngoài sắc đẹp lạ thường, chị còn tiết ra hương thơm lạ thường .Vua càng yêu thích, tìm mọi cách để được cầu thân . Nói về chồng chị, người em út kia nhớ vợ quá . Anh bèn nhờ hành quang gánh quấy lên kinh đô, rao quanh cung điện:

hành xanh hành xanh

dọc bằng đòn gánh

củ bằng bình vôi

ai mua hành tôi

thì thương tôi với !

Người vợ nghe tiếng rao, hờn hờ nở miệng cười . Ôi chao là đẹp ! Vua thấy vậy, nảy ra ý muốn làm người bán hành . Vua bèn gọi anh chồng đến, đổi lấy khổ, gánh lấy hành . Người chồng lập tức mặc áo mũ của vua . Bấy giờ luật lệ nghiêm khắc, không ai được phép ngẩng mặt nhìn vua. Thành ra khi vua rao hành, người chồng đã mặc áo mũ vua, ra lệnh bắt vua bán hành hạ ngục . Cuối cùng anh làm vua, chị vợ làm hoàng hậu .

